NGUYỄN-AN-NINH

1899-1943

Nhà Cách Mạng

Sa-déc
Monday, March 20, 2017

Phương-Lan **BÙI-THẾ-MỸ**

NGUYỄN-AN-NINH
1899-1943

Nhā Cách Mạng

Phương-Lạn **BÙI-THẾ-MỸ**
Sa-đéc
Monday, March 20, 2017
— Tài liệu này đã đăng trong nhật báo CẤP TIẾN
từ 07-06-70 tới 07-10-70

Nhà cách-mạng
NGUYỄN-AN-NINH

Nhà cách-mạng
TẠ THU THÂU

Nhà cách mạng
PHAN-VĂN-HÙM
Tác giả quyển
NGỒI TÙ KHÁM LỚN. v,.v..

LÊ-VĂN-THỬ
Tác giả quyển
HỘI KÍN NGUYỄN-AN NINH

(Tài liệu rút trong Châu tri « Confidentiel » của công-an-Pháp, thời kỳ đầu khởi xướng cách mạng chống Pháp, lúc Tạ thu-Thâu, Lê-văn-Thử bị c h ánh phủ Pháp đuổi về V.N, sau cuộc biểu tình điện Elyssé e chống lại án tử hình của 12 liệt-sĩ VNQDĐ).

LỜI TÁC GIẢ

Sưu khảo thiên tài liệu này, để gọi là tưởng niệm, ghi ân những bậc tiền bối cách mạng, danh nhân, sao cho những nhân vật xứng đáng là hữu danh trong lịch sử đấu tranh dân tộc, đừng trở thành vô danh, mai một với hậu lai.

Như chúng ta nhận thấy, biết bao nhà cách mạng, bao áng văn hay, bài báo có giá trị, hợp thời của những danh nhân, ái quốc tiền nhân, thường, bị thất truyền, lạc mất, không ai được biết tinh tường sự nghiệp cách mạng, được đọc, được nhắc nhở tới công trạng tiền phong lót đường của các bậc tiền-nhân cao cả ấy.

Bởi đó, tôi không ngần ngại tài hèn, sức kém sưu tầm lại được phần nào những chứng tích tranh đấu trong xương máu của những nhà ái quốc, cách mạng, văn nhân, để ghi lại, gọi là **trường tồn dấu tích**, kỷ niệm những bậc anh hùng dân tộc.

PHƯƠNG-LAN
BÙI-THẾ-MỸ

NHÀ ÁI QUỐC
NGUYỄN-AN-NINH
Ra đời tại Miền Nam 1899-1943

Sa-đéc
Monday, March 20, 2017

Hữu thị phụ, tất hữu thị tử... Nhắc đến nhà ái quốc Nguyễn-an-Ninh mà không nói đến công nghiệp ái quốc, cách mạngcủa cụ thân sinh ra nhà ái quốc Nguyễn-an-Ninh là một thiếu sót rất lớn.

NGUYỄN-AN-KHƯƠNG, cụ thân sinh ra nhà ái quốc Nguyễn-an-Ninh xuất thân trong một gia-đình nho học uyên thâm, có lòng ái quốc cao độ, kể từ mới bắt đầu ra đời qua bao nhiêu phong trào cách mạng chống ngoại xâm. Trước tiên cụ hưởng ứng phong trào Duy Tân, một chi nhánh của ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC, và là một nhà văn cách mạng thời bấy giờ. Cụ dịch rất nhiều truyện Tàu, như Tam quốc Chí, Phong-Thần, Phấn-trang-Lầu v.v.... Viết bài cổ xúy cho lòng yêu nước trên mặt tờ báo Nông-Cổ Mim-Đàm, và nhiều tờ khác, viết sách giáo-khoa, tuyên-truyền từ mầm non lòng ái quốc của dân tộc, trong loại sách Huân-Mông, viết bằng một loại văn vần, cho thiếu nhi dễ nhớ.

Đã giúp nhiều phương tiện trú ngụ, ăn ở, tiền bạc, qua sự tổ chức kinh tài rất khéo léo, rất đông người đồng chí hưởng ứng, cho các nhà cách mạng lưu vong hay qua lại trong một khách sạn «CHIÊU-NAM LẦU», tại góc đường Carabelli (bây giờ là Nguyễn-Tiệp) và Charner (bây giờ là Nguyễn-Huệ). Nơi đây tiếp đón, liên lạc tin tức với những nhà ái quốc, những thanh niên nhiệt thành yêu nước. Chính người cô ruột, nổi danh Hán học giỏi của *Nguyễn-an-Ninh*, tức là em ruột của cụ *Nguyễn-an-Khương*, một phụ nữ có lòng yêu nước cao độ trông nom điều hành tổ chức kinh tài này cho gia đình nói riêng, cho các anh em đồng chí cách mạng nói chung. Nơi đây là nơi dừng chơn ngơi nghỉ, nơi hẹn hò trao đổi tin tức, liên lạc, phổ biến chỉ thị tài liệu với nhau của những anh hào cách mạng ở ba kỳ, cho tới từ ngoại quốc về Và nơi đây cũng là nơi giúp tiền, nuôi binh tất cả nhà cách mạng. Khách sạn CHIÊU-NAM-LẦU chiếm dài nhiều căn phố. Và thời đó, con đường ở chính giữa có một con Kinh rộng, hai con đường nhỏ chạy dài theo hai bên sông, kêu là Kinh Saigon, kinh đào từ ngoài sông lớn Saigon cho đến trước cửa nhà đô sảnh hiện giờ. Sau đó, con Kinh được lấp, để xây cất nhà Xã Tây, nên lúc bấy giờ người dân quen gọi là đường Kinh-lấp, chớ chưa có tên đường.

Và cũng chính nơi đây là nơi nhà ái quốc Nguyễn-an Ninh đến cư ngụ với người cô để đi học trường Sơ-Cấp Sở-Cọp. Hiện giờ là Sở Thú.

Cụ *Nguyễn-an-Cư*, nho học uyên thâm, một thầy thuốc Hoa-Đà ở Hốc-môn, là chú ruột nhà ái quốc *Nguyễn-an-Ninh* đã nổi tiếng một thời gian rất lâu, tại miền Nam. Nhiều bịnh Tây-y bảo đem về nhà chờ ngày chết, hết phương cứu trị

rồi, thế mà cụ *Nguyễn-an-Cư* cứu sống, lành bịnh. Nhiều món thuốc cao đơn hoàn tán, như món thuốc rượu trị tê bại, cụ truyền toa bào chế, vẫn được thạnh hành, tồn tại tới ngày nay. (Thuốc rượu 39).

Nhờ sinh trưởng trong một gia đình thâm nho, cách mạng có một người cha, người cô người chú có thành tích cứu nhân giúp nước, cách mạng, trung kiên ái quốc chống ngoại xâm như thế, thảo nào chẳng có một người con cách mạng cao độ như nhà ái quốc *Nguyễn-an-Ninh*. Chính cụ thân sinh của nhà ái quốc *Nguyễn-an-Ninh* là *Nguyễn-an-Khương* là người tiên phong khai mào ái quốc cho *Nguyễn-an-Ninh* như bao nhiêu thanh niên yêu nước khác biết cụ, gần cụ, nhờ sự giáo dục chỉ bảo của cụ.

Nhà ái quốc *Nguyễn-an-Ninh*, sinh quán tại Mỹ-Hòa tục gọi là Miễu Huề, quận Hốc-Môn, tỉnh Gia-Định, bên nội, người thì bảo sinh bên quê ngoại, ở Long-Định, Chợ lớn, *Nguyễn-an-Ninh* tên thật trong khai sinh ở bộ đời là, *Nguyễn-văn-Ninh*, vì một sự lầm lộn trên giấy tờ của người biện làng, chữ lót là AN, theo chữ lót của cha là *An-Khương*, lại viết ra *VĂN*. Vì vậy suốt đời ai cũng gọi là *Nguyễn-an-Ninh*, theo tên ký của nhà ái quốc trên mặt các báo như các sách ông viết, mà trên khai sinh, bản án thì gọi là *Nguyễn-văn-Ninh* tự *Nguyễn-an-Ninh*. Thửa thiếu thời, lúc còn cặp sách học lớp sơ cấp, *Ninh* có tật nói cà lăm. Mỗi câu nói, khi bắt đầu rặn thật lâu, mới ra một tiếng. Nhưng sau tập bỏ lần, để sau này trở thành một nhà diễn giả thật là hùng biện, không một ai sánh bằng vào thời kỳ nầy. Một giọng trong thanh như tiếng chuông ngân, rất rõ ràng, âm thanh đi rất xa.

Ninh học rất giỏi, nhờ ở nhà có đầy đủ sách vở, có cha, cô kèm dạy thêm chữ Hán, chữ Việt như Pháp, thêm các nhà cách mạng cư ngụ thường trực tại *Chiêu-Nam-Lâu* chỉ thêm cho. Chính *Ninh* làm thơ ký cho cha, dượt chính tả Việt-Ngữ bằng cách viết ám tả các quyển truyện Tàu của cụ *Nguyễn-an-Khương* vừa đọc, vừa dịch cho Ninh viết, để xuất bản.

Lúc bấy giờ cụ *Nguyễn-an-Khương* là đại biểu phong trào *Đông-Kinh Nghĩa-Thục* tại miền Nam. Kinh tài, quyên tiền giúp đỡ các nhà cách mạng đều do nơi gia đình cụ trông nom tất cả. Sau *Đông-Kinh Nghĩa-Thục* bị giải tán, thì cụ nhập vào phong trào *Đông-Du*.

Những sách của nhà ái quốc Nguyễn-an-Ninh viết thường dẫn ra nhiều câu trong Kinh Thánh, là do sự thông minh, thuộc lào kinh sách lúc còn học tại trường Taberd của các sư huynh nhà dòng dạy dỗ. Sau học ở Trung-Học Mỹ Tho, Ninh nổi tiếng Pháp văn giỏi ; nói cũng như viết, đến trường « bổn quốc » (Chasseloup Laubat) cũng vậy.

Thi đậu bằng Brevet Élémentaire, nhà ái quốc đi làm báo tiếng Pháp, do người Pháp điều khiển. Trong thời gian làm báo, dù chỉ là một công sự viên tầm thường, lượm tin chó cán, nhưng Ninh đã nổi tiếng rồi, vì sự bất khuất, hay đập lộn với người Pháp, hay chửi người Pháp. Chính trong thời gian nầy, trong nước xảy ra nhiều chuyện bạo động, nào Phan-xích-Long khởi nghĩa, Trần-cao-Vân rước vua Duy-Tân rời kinh thành Huế, Lương-ngọc-Quyến bạo động ở Thái-Nguyên. Dù những phong trào ấy bị thất bại, song gieo vào lòng người dân thời đó một mồng mầm sâu đậm trong cõi lòng, trong số đó có nhà ái quốc thanh niên Nguyễn-an-Ninh.

Làm báo được ít tháng, Ninh trở ra Hà-Nội tiếp tục học trường Cao-Đẳng và sau đó Ninh sang Pháp du học vào năm 1918, lúc Đức-Quốc đã thua trận. Đến năm 1920, đã đoạt được bằng Cử Nhân Luật, vào lúc mới 20 tuổi. Vì tiền bạc không được dồi dào, nên cần phải tranh thủ thời gian học tập. Với kẻ khác ba năm mới đủ mấy chứng chỉ, với Ninh đã cướp được bớt đi một năm.

Vì mỗi lần có cuộc thi đặc biệt nào giành cho thí sinh, thì Ninh nạp đơn ứng thi liền. Thi đâu đậu đó, chứng tỏ cái thông minh khác thường của Ninh. Một sự kiện hiếm có cho một người thanh niên nhứt là người Việt, mới 20 tuổi đầu đã đoạt được văn bằng cử nhân luật. Sự khó khăn khác là phải đi làm việc vừa đi học mới đủ sống ăn học. Ninh viết bài khảo cứu về Phương Đông để bán cho các báo, nhưng kiếm chẳng được bao nhiêu, phải làm thêm nghề khác ; nghề làm kiểu mẫu cho họa sĩ.

Nhờ nghề này mà Ninh quen biết, thân mật rất nhiều với giới này, và nếp sống cũng giống với họ. Kiểu tóc nghệ sĩ, lối ăn mặc của Ninh, mà có người bảo Ninh muốn lập dị hơn người, nhưng sự thật, đó là do sự nhiễm của giới nghệ sĩ Ba-Lê.

Bằng cử nhân luật đã có, Ninh định học thêm đến bằng Cao-Học rồi trình bày luận án để thi Tấn-Sĩ. Nhưng trong hoàn cảnh vừa phải đi làm, vừa đi học, sự sống của một người sinh viên lao động rất vất vả, khổ cực, làm sao có đủ thời giờ luyện học. Vì thế Ninh buộc lòng bỏ cao vọng học tiếp, vì Ninh nghĩ với mảnh bằng giấy Cao học gì đi nữa, cũng không làm lợi khí gì cho mình được. Vì đó. Ninh mới

cứu kỹ tư tưởng dân quyền của Pháp, nhứt là J.J. Rousseau. Nhờ đó, khi về đất nước, quê hương Ninh khai thông dân trí cho dân tộc chậm tiến của mình với quyển sách DÂN-ƯỚC, bản dịch của quyển LE CONTRAT SOCIAL.

Bao nhiêu sách nói về triết học, tư tưởng Tây-Đông, về tôn giáo, Ninh đều nghiên cứu kỹ, như về Phật-Giáo, Ninh đọc Burnouf Oldenberg, về Lão, Trang, Khổng-Mạnh v.v .. Dù là nghiên cứu trong những sách dịch lại bằng tiếng Pháp, nhưng thấm hiểu rất tinh tường, tinh tế qua những bài diễn văn « *Cao Vọng thanh niên* » mà Ninh đã đọc tại SAMIPIC — Khuyến-học-Hội đêm 15-10-1923, đã chứng minh sự tinh tường nghiên cứu kỹ của Ninh.

Và chúng tôi xin trích lục đăng tải nguyên văn bài diễn văn ấy, để ghi lại một ngày đầu mở màng cao trào cách mạng, mở mang dân trí, dân sinh, dân quyền, dân chủ cho nòi giống người Việt của nhà ái quốc, Nguyễn-an-Ninh :

CAO - VỌNG CỦA BỌN THANH-NIÊN AN-NAM

• • •

(Diễn thuyết đêm 15 Octobre 1923 tại Khuyến-học-hội, Saigon)

Các ngài,

Năm ngoái, cũng ở tại phòng diễn thuyết nầy đây, tôi

có diễn thuyết về cái vấn đề «An-Nam ta cần phải có một nền học thức để trao đổi cái tinh thần của người An-Nam nên cao thanh». Bữa tôi diễn thuyết đấy, tôi tưởng phần nhiều trong người nghe, hiểu tôi không mấy đúng. Nói thật, có lẽ không có ai hôm ấy hiểu tôi cho đúng cả. Cái học thức tàu của An-Nam ta nay đã suy, còn bọn học theo đời nay thì lại mắc lấy trong sự dốt nát, nên hôm đấy mà mấy người nghe tôi, không hiểu tôi, tôi không lạ chút nào. Tôi mới vừa nói : Cái học thức tàu của An-Nam ta nay đã suy, dường như trong xứ ta có một lúc kia cái học thức tàu cao thạnh lắm vậy. Nhưng mà xét cho thật, thì tôi lại không chắc rằng cái thực của Tàu đã chịu cái phong thổ nước An-Nam. Vì người mà đã tiêu hưởng trọn một cái nền học thức đáng cho ta gọi một cái nền học thức, thì như đến một chỗ rộng mênh-mông, một chỗ cao hơn hết mà xem hưởng cái cảnh cao rộng chung quanh mình. Mà bên Tàu mấy nhà văn sĩ làm sách nuôi tinh thần dân tàu thì nhiều ; mỗi khi nghe người có học tàu trong nước ta nói chuyện, thì ta chỉ nghe phô trương khen tặng một mình cái danh ông Khổng mãi thôi. Ai là người có học hiểu, cũng đều nhận ông Khổng là bực thánh nhơn đáng cho bọn dân vàng kính phục, yêu, nhớ. Nhưng mà mấy người tinh thần cao, khó mà nhận ông Khổng làm thầy mình. Ông Khổng là người lo về luân lý trong dân, là người làm thầy dạy dân. Ông Trang-tử lắm khi chống lại với cái luân lý hẹp, các cái ý ràng buộc của ông Khổng tử. Trong sách của ông, ông phá ông Khổng luôn. Nhiều khi ông phá một cách rất khéo hay, làm cho bọn học trò của ông Khổng phải cười theo. Như vậy thì còn gì cái oai nghiêm, chắc chắn của luân-lý Khổng.

Chúng tôi nhận rằng đạo Khổng đem hòa thuận, thứ

tự, bình yên, đem vui nhỏ nhỏ cho trông dân rất nhiều. Những lấy đó mà nhận rằng đạo của ông Khổng là cao hơn các đạo trong nhơn loại thì chúng tôi lấy làm khó lắm. Nếu đạo Khổng mà ở trong cái phận sự dạy dân của mình, thì chúng tôi nín miệng để cho đạo Khổng chuyên lo trong phận sự mình. Nhưng mà đạo Khổng ngày nay lại có làm hại cho xã hội. Xét cho kỹ nữa, tôi tưởng rằng gặp lúc tranh sống, như lúc nầy, nếu mà đem theo mấy cái hòa thuận giả dối trong gia đình, đem theo ngọn rau vui thú mồ mã ông bà, thì con người hóa ra yếu : cái bạo động với cái chí sắt sẽ nương đấy mà vào nhà ta làm chủ để như chơi.

Cái ý của ông Khổng, nếu hiểu nó cho tận, thì con người ra cao rộng. Vì đạo của ông Khổng là buộc mình ; mà ông Khổng khởi đầu buộc kẻ muốn hiểu đạo của ông Khổng, kẻ muốn tới cái đạo của ông Khổng, kẻ muốn hành cái đạo của ông Khổng, trước hết phải «tìm cho ra nguồn gốc muôn việc làm của con người», phải hiểu. Như vậy sự công bình của ông Khổng là ở nơi hiểu mà ra, chớ chẳng phải là do theo từ câu, từ chữ trong Tứ thơ, Ngũ kinh mà cư xử người như các quan tòa do theo y luật mà xử vậy. Hiểu trước rồi sẽ xử người. Xét cho tận rồi sẽ xử người. Mà nếu xét hiểu tới gốc thì ai đâu dám xử người. Thì tự nhiên rỏ thấy rằng chỉ còn cái rộng, cái dung thứ thôi. Như vậy thì con người buộc người ít hơn buộc mình, chỉ còn biết buộc mình mà thôi. Vì vậy mới ra cái «Trung, Thứ» là cái gốc của kẻ muốn làm người theo như ông Khổng dạy ; Trung, để buộc mình Thứ, để đối với người.

Nhưng lần lần cái đạo Khổng bên Tàu hóa ra một cái

khéo để trị dân, như một cái nhãn hàng hóa để rãi cái danh của Tàu ngoài rành nước. Cái đạo Khổng của Tàu gởi theo với hàng hóa xuất cảng qua xứ ta ấy, làm hại trong bọn thượng lưu ta rất nhiều ; làm cho bọn thượng lưu ấy tưởng mình đầy đủ; mà trương phô cái đầy đủ ấy ra một cách rất thô kệch ; làm cho cái bực trí thức của xứ ta càng ngày càng thấp thêm. Hôm nay tôi nói phớt qua về đạo Khổng đây, là vì cái hại ấy. Tôi nói rằng tội nói phớt qua, vì nếu muốn cho người hiểu rõ trong các bực thánh nhơn làm thầy nhơn loại, ông Khổng là đứng bực nào, thì phải viết rõ ra trong năm ba quyển, quyển sách mới đủ. Tôi có lòng ước mơ rằng Trời sẽ giúp cho tôi đủ sức và dư thời giờ để mà viết sách giúp cho đồng bào hiểu rõ trí thức cực đông ta và trí thức âu tây. Trong buổi chiều này, tôi chỉ có ý nói cho mấy người muốn tìm học cho cao rộng phải để ông Khổng vào bực nào trong các bực thánh nhơn. Ông Khổng lúc còn sống, cũng không dám tự xưng rằng cái ý kiến của mình là cao hơn hết. Tuy đạo Khổng đạo Lão là khác nhau, — có lẽ lại là chọi nhau — mà ông Khổng có đến tìm ông Lão, hạ mình xuống ghận ông Lão là thầy. Ông cho ông Lão là như rồng vậy. Ông lại có nói : «Chim bay thì tôi biết, cá lội thì tôi biết, mà còn cái lực, cái tinh thần của con rồng tôi không biết được». Còn ông Lão thì có nói nhỏ vào tai ông Khổng rằng : «đạo của ông như con mòng bay vo trong ghè vậy».

Tôi nhắc lại mấy điều ấy là có ý để hỏi đồng bào ta vậy chớ sao ông Khổng đã nhận có người cao hơn mình, mà trong xứ ta bọn học thức lại nhận đạo Khổng là cao thượng hơn các đạo khác. Ấy có phải là vì dân ta yếu thấp, ấy có phải là vì bọn tài cao trí rộng trong xứ ta không đặng mấy cao rộng hay không ? Mà thật vậy, tỷ như sách Lão thì không

mấy người xem nổi. Có người cũng ráng sức, mỏi công vì sách Lão rồi lại dụng tài biếng nhác thấp thỏi của mình mà cất một cái đài cao, lên trên chót đài ấy rao cùng trong thiên hạ rằng đạo Lão là một cái đạo thần pháp ; làm cho có kẻ muốn tìm tra đạo Lão nghe vậy mà sợ uổng công, bỏ qua đạo Lão đi. Nhưng bao nhiêu đấy cũng chưa cho được rằng đạo Khổng ngày nay phá hoại xã hội ta. Hại là ở nơi đây Mãng mắc u ám trong vòng đạo Khổng, mãng tưởng rằng ngoài cái đạo Khổng, không có cái ý nào là rộng là thật, mãng thấy biết có một mình đạo Khổng thôi, các nhà học nho trong xứ ta, hễ đọc sách nào, thì không lo hiểu cho tận sách ấy, lại lấy ý Khổng mà giải sách ấy ; thành ra mấy nhà ấy, ngoài cái ý kiến Khổng, thì không hiểu chi cả ; hễ động đến đạo nào, dẫu cho đạo ấy khác đạo Khổng như ngày khác đêm, thì đạo ấy cũng hóa ra đạo Khổng ; làm cho mấy cái ý cao thượng để giúp người trí thức dễ thở hóa ra hẹp hòi.

Tôi lấy một gương này làm bằng. Trong bọn ta ai ai cũng nghe biết cái danh của Trang Tử là học trò của Lão Tử, ai cũng có nghe chuyện Trang Tử vỗ bồn ca. Nếu lúc đem chôn vợ của Trang Tử mà Trang Tử lại vỗ bồn ca, là không phải đặng quên lãng một cái sự thật đau đớn mình mới biết, hay là đặng cười cái tánh yêu quí xảo dối của người đàn bà. Vì cười như vậy là đau đớn lắm. Nếu Trang Tử mà yếu lòng, cảm động tới bực đó thì nghĩa là ông không có hưởng được cái đạo của ông Lão bao nhiêu. Trong sách của Trang Tử giải lúc vỗ bồn ca ấy ra khác, mà có lẽ lại là đúng hơn.

Huệ Tử trách Trang tử : «Anh sống với người ta, lúc người ta chết, anh không một tiếng khóc than, ấy là nhiều

rồi; anh lại vỗ bồn cả, tôi tưởng như vậy là thôi quá chăng?» Trang Tử trả lời: «Anh nói vậy không phải. Lúc vợ tôi tắc hơi thì tôi cũng có buồn. Nhưng tôi lại nhớ tới cái lúc trước cái sanh hóa trong vũ trụ, lúc chưa có sanh hóa, chưa có cái có hình; tôi nhớ đến lúc trong vũ trụ nổi ra sự biến đổi thình lình ta không biết được nó đổi cái không khí trời ra có khí trời, rồi sanh ra cái có hình, sanh ra sự sanh hóa, rồi lại dắt trở về sự chết, làm cho ta thấy như bốn mùa nối đuôi nhau, xây vần không cùng vậy. Hôm nay vợ tôi như người được về quê gốc mình, trở về cái nguồn của vũ trụ, được êm tịnh nơi đây, mà tôi lại khóc than thì có phải tôi ra người dốt nát, không biết cái luật của trời đất không?» Người mà có quen với cái triết học của Ấn-Độ với đạo Lão, thì nhận ra cách giải sau đây; giải ra là Trang Tử cười xòe, thì ra Trang Tử như người thường, như người đạo Khổng vậy. Mà Trang Tử đã có chịu thiệt rằng lúc vợ chết có một chút buồn, ấy là Trang Tử chịu rằng mình hành chưa trọn cái đạo của ông Lão:

Khi nãy đến giờ mà tôi nói về đạo Khổng có hơi dài một chút, là có ý chỉ cho đồng bào ta biết rằng ta học Tàu còn kém lắm. Học của Tàu mà học cho tận, tôi tưởng cũng đủ cho ta hiểu nổi các cái nền học thức khác trong nhơn loại vậy. Vì ta học Tàu kém lắm nên trong bọn học Tàu ít người hiểu tôi. Còn trong bọn học Tây bây giờ cũng ít người hiểu tôi, là vì ngày nay tôi chưa thấy người An-nam nào rõ thấy cái cao thượng của Âu-Tây. Tôi thường có nói: «Học Tây trong nước ta bây giờ là chỉ học đặng làm nô lệ cho nhà nước. Bọn thanh niên An-nam ở trong Đông-Dương nầy khó mà tìm ra cái cao thượng của Âu Tây lắm.» Dầu được may sanh làm con nhà chăm lo về đường học thức, được sự giàu có nó giúp, thì tôi tưởng người An-nam ta hiện bây giờ gặp mấy sự may ấy cũng khó mà theo kịp

các nhà trí thức của Âu-Tây. Mà khổ thay! mắc trong buổi nầy, người học thức Á-Đông phải có ít nữa là hai cái nền học thức nó nuôi trí thức mình mới có thể là đủ được, là một nền học thức Á-đông và một nền học thức Âu-Tây. Nên diễn thuyết khi trước, tôi có nói: « Trong ta phải có như hai thứ thuốc chống nhau mà sanh ra một thứ thuốc mới,» « trong ta phải có như hai thứ thuốc hòa nhau mà sanh ra một thứ thuốc mới, « trong ta phải có thắng trận hai lần,» mà tôi sợ không ai hiểu tôi hôm đó muốn nói gì. Lời nói của tôi hôm đó có lẽ không ăn với thời bây giờ, có lẽ là để tiên tri chơi vậy thôi. Hôm chiều đó, người nghe có vỗ tay khen tôi, mấy lúc tôi bắt bẻ cái tánh ưa làm quan của An-nam ta. Mấy người vỗ tay khen tôi hôm đó là khen mình, khen mình không làm quan như người ta. Tôi nghịch với cái tánh ưa làm quan của ân-nam ta, là vì tánh ấy nó giết tinh thần của nòi giống ta, là vì muốn dọn đường giùm cho thanh niên muốn học cao suy rộng, muốn lãnh một cái phận sự đối với xã hội thấp hèn của ta ngày nay. Tôi sẽ nói về hễ làm người trong xã hội nầy mà có một chút tài đức chi hơn người thì mắc một cái phận sự vừa với cái tài, cái đức của mình. Nhưng tôi xin cho tôi nói dông dài một chút nữa đặng chỉ cho rõ rằng An-nam ta nay phải cần có nền trí thức riêng cho ta. Đây thì có lẽ các ngài muốn hỏi tôi sao nói về gầy tạo ra một nền trí thức mới cho An nam ta, mà tôi tại dùng tiếng Pháp diễn thuyết. Tôi thật không dám tưởng tôi viết văn quốc ngữ hay, nhưng tôi đủ sức dùng tiếng An-nam mà thổ lộ ý kiến của tôi. Cái «vừa đủ» ấy làm cho tôi thẹn với nòi giống ta lắm, song tôi biết thẹn và biết ráng mà trở về với tiếng mẹ đẻ thì cũng đủ cho các ngài thứ cho tôi đi. Hôm nay dùng tiếng Pháp là cũng có ý gây ra một cái buộc, để buộc người An-nam ta nay phải quen với một nền học thức âu tây rồi sẽ trở về với học thức

của cực đông ta. Tôi cũng có ý cho người Pháp với người An nam đều có thể hiểu tôi được, đặng phá nhiều điều nghi ngờ vô lối của chính phủ thường hay rình mò tôi.

Tôi nói: nước ta cần phải có một nền học thức đúng đắn riêng cho ta, là vì nhiều dân nhờ cái nền trí thức của mình mà giữ được cái danh của mình mãi mãi, được ngoại quốc yêu kính, lắm khi lại được lãnh cái phận sự làm thầy nhơn loại. Một nước được tự chủ mà còn phải nhờ học thức của nước khác thì cũng không được thật tự do. Vả lại, nền trí thức là một hồn của một đoàn dân. Người mà tinh thần cao thượng thì hưởng được nhiều đều mà bực phàm nhơn không biết nổi, một đoàn dân mà có một nền học thức cao rộng thì được cao hơn các dân ngu dốt. Như vậy, thì một đoàn dân muốn sống, muốn tự do, muốn tràng danh trong nhơn loại, cần phải có một nền trí thức riêng cho mình.

Lấy gương nước Tàu gần đây. Nước Tàu biết mấy khi bị người chiếm đoạt, mà nhờ cái nền trí thức của nhà mình sống được đến ngày nay. Có đều nầy lại là lạ hơn nữa. Là mấy cuộc đổi dời ấy đã không phá hoại nước Tàu, đã không làm cho nước Tàu hóa ra nô lệ, mà lại còn mở ranh, thêm danh, thêm mạnh cho nước Tàu. Bọn lấy nước Tàu, lần lần lại nhiễm ưa trí thức của Tàu, bị nền trí thức của Tàu nó thắng lại cho đến bỏ cả phong tục, văn chương, dùng tiếng của Tàu. Thành ra Tàu mỗi lần thua người là thắng người, vì mỗi lần giựt được tự do mình lại, thì nước Tàu rộng thêm được một nước.

Chỉ cho rõ dân ta cần có một nền trí thức riêng cho ta thì chẳng phải là khó. Khó là ta không biết lấy chi làm cục đá đầu để cho ta nhờ nó mà lần lần dựng một nền trí thức

mới cho ta. Nếu ta tom góp hết văn chương hay của ta từ xưa đến nay, mấy bức tượng đẹp, hình chạm trổ khéo, thì ta không thấy chi quí lạ bằng cái quí lạ, của các nước khác. Ấy là một cái khó lớn để làm cho rún lòng phần chắn của bọn thanh niên ta. Nền văn chương của tiên nhơn để lại phơ phất một cái tinh thần suy, mệt, như mắc bịnh, như hấp hối vậy. Mà mình nay cần thêm khoẻ, thêm lực đặng tranh sống với người.

Thảm thương cho bọn học nho nhà ta đem theo cái đạo Khổng suy thấp ngày nay như người đi sông chìm thuyền đeo theo một khúc gỗ trôi vậy. Cho đến sánh với Ấn-Độ là nước mắc nô lệ như nước mình, mà nước mình cũng còn thua nhiều vì cái danh xưa của Ấn-Độ to tát lắm. Ngày nay bên Ấn-Độ với bên Nhựt Bổn có người tài đức chẳng kém Âu Tây. Còn Việt Nam ta xem như một đứa trẻ con, chưa biết mò đường giải thoát. Như vậy mà lại đòi tự trị đòi tự do, xin nhiều điều vô lối, làm cho mất ngày giờ, mất lực thêm cho nòi giống ta. Đòi cái tự do gì? Rồi dùng cái tự do ấy làm gì? Con nít đi chưa vững mà lại đòi cả một trái đất đặng tập đi hay sao? Cái tự do chẳng phải là trao cho nhau được, xin của người được, hay là mua ngoài chợ được. Ai muốn nó thì được nó. Người mà sanh ra là người tự do thì dầu mắc trong vòng nô lệ cũng còn là tự do. Còn người sanh ra là người nô lệ thì dầu làm vua cũng là nô lệ.

Cho đến ngày giờ nầy mà trong xứ ta chỉ mới có vài người thấy rõ có lòng lo sắp đặt một cái gốc chắc cho ngày sau của nước ta thôi. Còn bao nhiêu kẻ khác đều đeo đuổi theo quốc sự, nói chuyện quốc sự mãi; dường như cái điều trông đợi lớn của dân ta đó nó ở trong quốc sự mà ra thôi, dường như cái đại lo về sự sống của dân ta là ở nơi quốc sự. Nếu trong nước ngu tối đến bực ấy mà người thấy rõ lại

nín thinh đi thì tội người ấy nặng bang giết cả nòi giống mình. Cái đại lo của dân ta không phải ở nơi quốc sự, nó ở trong cái tinh thần của dân ta từ Nam chí Bắc. Có lẽ là ta chưa đến sự lo ấy nữa. Ta còn đang phải lo cho có ra một cái cao vọng cho thời bấy giờ đặng sanh hột giống của cái cây «ngày mai» của dân ta. Ông Tagore nói về Ấn Độ có nói câu nầy đáng cho bọn lo về ngày mai của dân ta để trí vào đây mà suy nghĩ. Nói về một lúc xôn xao bên Ấn Độ, ông có nói : «Trí tôi lúc ấy không chịu để cho mấy cái động địa, xôn xao vì quốc sự nó dỗ dục vì mấy cái xôn xao ấy không có nghĩa lý gì cả ; trong đấy không có tinh thần chi ăn với tinh thần của nước ; trong đấy không chi là thấy rõ, mà lại là ngoài cái lòng trông chờ của nước, vô ích cho nước thôi». Ông Tagore nói vậy mà rồi ông Tagore có làm chi cho Ấn Độ nhờ ? Ông chuyên lo về việc giáo dục, tạo cho tinh thần của con người ra cao thanh, làm thi viết sách để dạy học trò của mình. Ngày nay tiểu thuyết bài thi của ông bên Âu Châu nước nào cũng có dịch. Ông Ananda Coomaraswamy là người học thức có danh bên Ấn Độ với bên Âu Tây có viết nói về cách các nhà danh sĩ bên Ấn Độ lo bề dạy dỗ dân. Tôi rút trong sách ông ấy ra mấy đoạn sau đây :

«Trong mấy cái trường dạy dân của người Ấn Độ lập ra có ba cái trường nầy là trọng hơn hết : trường của Rabindranath Tagore ở Bolpour, trường Kalasala ở Masulipatam trường Gurukula, ở Hardwar. Trong các trường ấy dạy bằng tiếng Ấn Độ, còn tiếng ăng-lê thì dùng ít hơn ; nhưng hiện bây giờ tuy là ít dùng bằng tiếng Ấn Độ, chớ tiếng ăng lê còn cần. Mấy trường ấy của người Ấn Độ lập ra là đặng giúp cho dân Ấn Độ khỏi mắc một lỗi thượng lưu, phụng không ra phụng, kên kên không ra kên kên, nói tiếng ăng lê không thạo nói tiếng Ấn Độ không thông. Ai cũng khen cái trường Gurukula, cho rằng trên hoàn cầu không đâu có cách dạy dỗ bằng ở trường đó. Trường nầy dạy con trai, không phân biệt là con

nhà hạng nào trong xã hội. Dạy thí, thầy thì không có lương. Bảy năm đầu dạy về chữ phạn miền Bắc, về đạo đức với tập thể thao. Mười hai năm sau thì dạy văn chương, triết học tây, dạy khoa học. Đến 25 tuổi thì anh học trò thành thạo, đủ sức làm người đứng đắn trong xã hội. Trong mấy năm học, học trò cứ theo thầy, chứ không được về cha mẹ. Đàn bà thì chỉ có một mình mẹ được đến thăm thôi. Cũng có trường con gái lập theo kiểu ấy, vì bên Ấn Độ buộc vợ chồng phải trí thức, tinh thần cho đồng với nhau. Nhưng với con gái thì ít buộc như với con trai. Cách dạy dỗ ấy dắt trở lại với triết học, tinh thần của Ấn Độ, và làm hòa cái khôn khéo cao thượng xưa của Ấn Độ với mấy môn học hữu dụng của đời nay. «So với cách học ngu dại của dân ta đời nay thì biết dân Ấn Độ cao hơn ta bực nào. Trong xứ ta, cách ham cho con đi ăn học, đã mất của, mất công, mất thì giờ cho bọn thanh niên, mà lại đến lúc ra trường trí thức không thấy mở mang thêm, tinh thần hóa ra tinh thần nô lệ. An nam cho con đi học là đặng có một miếng giấy bỏ kia để làm bằng rằng có đi học được mấy năm ; đi học là học đặng làm nô lệ cho chánh phủ Pháp. Vào trường nhà nước thì con người hóa ra ngu dần, mà mấy nhà trường tư cũng lại dạy một sách với trường nhà nước. Ta không thể trách chánh phủ, vì chánh phủ cần có người nô lệ, dân yếu hèn ! nhưng thầy an-nam ta còn ngu muội quá mà thậm thương.

Ông Ananda Coomaraswamy lại có nói : «Mấy người trí thức cao thượng của Ấn Độ ngày nay không nhận rằng lo dựng Ấn Độ cho thành một nước như bên Âu tây là thành rồi cái lòng mong vọng của mình.

Trong cái ái quốc còn cái lợi tư, là lo cho chòm xóm của mình thôi. Mấy bậc tinh thần cao thượng, còn có một cái phận

sự cao hơn nữa., không phải là ra đi rãi đạo, dỏ người là mò cho ra thêm ngàn con đường mới cho nhơn loại. Tận tâm mà lo cho Ấn Độ sống chẳng phải là đủ, còn phải tận tâm lo cho cả nhơn loại nữa. Lo giựt tự do lại cho Ấn-Độ chẳng phải là đủ đâu. Người thấy xa, không dư thì giờ mà chăm lo việc mau tàn.

«Cái quí trọng của Ấn-Độ trong hoàn cầu nầy là ở nơi các bực đại nhơn của Ấn-Độ đem tài đức của mình mà làm hữu ích cho cả nhơn loại. Một bực triết học cao, một nhà chí văn tài, một anh thợ vẽ khéo, một nhà khoa học, hay là một anh hát hay đi nữa, cũng còn hữu ích hơn là mấy cái quyền lợi của các bàn hội đồng giành giựt với nhau trong một trăm năm.»

Với ta cái giọng ấy có phải là mới chăng ? mấy câu nói có phải là lạ tai ta không ? Ta còn xa cái tư tưởng ấy biết là bao nhiêu. Tôi rút ra mấy câu ấy là để cho bọn thanh niên ta so sánh Nam-Việt ta với Ấn-Độ, chớ tôi cũng biết rằng ở trong nước nầy mà nói trông mong đợi chờ bực đại nhơn, bực thánh nhơn thì cũng còn là sớm quá. Với dân yếu nhát, không có chí, gặp một chút khổ đủ ngã lòng, đường như sống đây không phải là tranh giành vậy ; với một đoàn dân sợ khổ, sợ gánh nặng, ưa biếng nhác mà lại nói trông đợi bực đại nhơn hay là thánh nhơn, nghĩ lại cũng là tức cười thật.

Nhưng mà nước ta nay cần bực đại nhơn, cần phải có sanh ra một lượt trăm bực đại nhơn, cần phải có bực đại nhơn đặng cho nước ta nhờ danh của các bực ấy, thì sao ta lại không trông đợi bực đại nhơn. Ấn-Độ, bị Ăng-Lê áp chế, mà còn sanh được nhiều nhà triết học, thi văn, khoa học đại danh, có được người cầm đầu cho dân giựt quyền tự do của mình lại. Ngày nay Việt Nam ta cần mấy bực ấy hơn Ấn-Độ nữa. Vậy thì ngày nay ngồi mà luận rằng dân ta cần có bực đại nhơn

ra giúp, thì chưa đủ ; phải đem lòng trông mong đợi cho các bực ấy, phải lên chót non cao, xuống nơi rừng sát, ở đâu mà có phơ phất cái hồn của Nam Việt, rồi rán hết sức mà kêu gọi các bực đại nhơn, thánh nhơn ra. Có lẽ như vậy ta làm cho cảm động được cái lực lạ thường mà sanh người lạ thường đo. Nay phải có như một cái đạo, đợi chờ bực thánh nhơn, miệng ta mỗi ngày phải kêu, vái, khẩn, niệm cho sanh ra bực thánh nhơn. Từ nam chí bắc, cả dân Nam Việt phải xôn xao hồi hộp kêu vái, cầu cho sanh ra bực thánh nhơn cứu khổ. Như vậy thì tôi dám chắc rằng không bao lâu Trời sẽ ra điềm đổi lại với lòng trông nguyện của dân ta, thì lòng trông mong của dân ta không mất uổng đi đâu.

Mấy điều vọng tưởng của tôi vừa nói trên đây có lẽ là quá sức người. Mấy điều mong vọng sau nầy, tuy là nhiều người cũng còn cho là quá sức người, nhưng mà mấy người tinh thần mạnh, chí khí lớn làm thành nổi, là : làm chủ được một cái thế lực chẳng kém thế lực của một anh chúa của một đại quốc ngày nay, làm sao cho dụng được cái lực của cả một nước ở trong tay mình. Sống mà được mấy điều ấy cho ta dụng nó, tôi tưởng như vậy cũng đáng cái công của ta sống làm người đây chớ.

Nhưng mà bọn thanh niên ta cũng còn chưa tới bực đó, vì bọn thanh niên ta muốn như ông Bùi Quang Chiêu, ông Nguyễn Phan Long, hay là làm thầy thuốc như ông Nguyễn Văn Thinh, ông Trần văn Đôn, bác vật như ông Lưu văn Lang. Mà làm thầy thuốc như ông Nguyễn văn Thinh, ông Trần văn Đôn, làm ông bác vật như ông Lưu văn Lăng cũng không phải là dễ. Trước hết là phải học hiểu, có chí như ông Thinh, ông Đôn, Lang, Lại, muốn có danh như các ông ấy, ta phải tài đức hơn họ kia. Mà bọn thanh niên ta ngày nay có đủ sức làm thành cái điều mong ước của mình đó

không ? Không phải là tôi muốn cản bọn thanh niên ta mong ước làm một người thầy thuốc có danh hay là một nhà bác vật có tài. Bất luận là ta ước mơ việc lớn, hay là việc nhỏ, ta nên mơ ước, cần phải mơ ước, phải tham danh, phải trông mong mãi mãi. Dẫu điều trông mong của ta nó như điềm chiêm bao, cũng không phải uổng công cho ta trông mong, vì nhiều điều của tiên nhơn ta chiêm bao khi xưa, nay ta đã làm thành được cả. Nhưng mà kẻ mơ ước là phải hành động. Hễ hành động thì phải ráng sức. Ráng sức thì nghĩa là gặp khó. Mà cái khó trên đường người hành động biết là bao nhiêu ; cái đại nhứt khó lại là ở trong ta : ta thường hay yếu sức mà nuôi cái điều mơ ước của ta cho nó sống, ta thường không đủ chí mà làm thành. Dẫu ta đủ sức mà làm thành cái điều mơ ước của ta, ta cũng còn phải ráng cho hơn nữa. Troug đám bạn cùng đi chung với ta, ta phải đi tiên phong. Đừng có lo sợ vì cái luân lý hẹp hòi giả dối của bọn hay dùng mấy tiếng như «vong ân», «vô luân lý», «Làm loạn» mà trói người, mà thuốc chết tinh thần của người. Kẻ mà nhắc ơn với ta mãi, đếm nhớ từ cái ơn mọn của mình đã làm, kẻ ấy đáng cho ta nhớ ơn của chúng nó không ? ? Trói cái lực của người, giết cái mạng của người, có phải là vô luân lý không ? có phải là dã man không ? nói là ơn được không ? Chúng nó nói ta đem rối loạn cho xã hội. Mà cái thứ tự trong xã hội mà chúng nói đó có phải là một sự ép người, nghĩa là một sự dã man, trái với luân lý không? Tôi không nên nói lắm làm chi. Ai nói chi mặc ai. Ta chỉ nhớ điều nầy thôi : một con cá to lội, làm sao cũng không khỏi nổi lên một chút sóng chung quanh mình. Muốn sống cho mạnh khỏe, lắm khi phải bỏ cái luân lý qua một bên. Xét cho kỹ, xã hội muốn sống lâu, muốn tấn hóa, khi phải buộc khi phải mở, phải buộc rồi mở, mở rồi buộc. Tỷ như : xưa ông Khổng là người suy rộng, thấy rõ, mượn luân lý đem giúp

ích cho kẻ thấp hèn, u ám ; rồi kẻ nầy lại lần lần làm cho luân lý ra thấp hẹp, cho đến như ông Khổng mà ngày nay sống lại ở trong luân lý ấy, ông cũng không chịu nổi. Thiện, ác còn phải nhờ nhau mới có thay.

Có kẻ nói : việc của tiền nhơn ta tạo lập là tuyệt hảo, đạo lý của tiền nhơn ta truyền lại không bao giờ có sai lầm. Mà con người thì sống trong thời bây giờ, nhờ quen bỏ việc trước mới sống trong ngày nay được. Lo cho xã hội là lo việc ngày nay, việc hiện tại đó thôi. Muốn trị bịnh của ngày nay phải dùng thuốc của ngày nay. Sự sống của nhơn loại nó xoay vần như bốn mùa, nên phải do theo thì, ở theo tiết. Sự trải qua của tiền nhơn ta, ngày nay đã xa cách ta đã mấy ngàn năm. Lời hay, tiếng khéo của các bực triết nhơn xưa, nay cũng như mấy lượn sóng lớn kia lần lần vô bãi phải yếu dần, không còn mạnh như trước nữa. Đời nầy phải có cao vọng mới, là cái cao vọng của đời nầy ; cách hành động mới, là cách hành động của đời nầy ; nhiều cái dục mới là cái dục của người đời nầy. Như thế, chỉ phải như thế, ta mới có thể làm thành cái «Ngày mai cao hơn» của ta trông mong đó được. Sự sống chẳng phải là một mình sự sống của Việt Nam thôi, cần phải mới mãi.

Bao nhiêu đây cũng đủ là một cái phận sự nặng cho bọn thanh niên đời nay. Mà nước Việt Nam mắc phải lúc nầy, làm cho cái phận sự ấy nặng bằng hai. Làm người ai lại không tham sống, ham sung sướng. Mà muốn được sung sướng, muốn cho người khỏi nghi nan phá khuấy, người đời nay phải bán mình đi, bỏ cái đứng đắn làm người của mình đi. Như vậy mới làm sao mà lãnh nổi cái phận sự của mình ngày nay ? Vì ít nữa mình phải được tự chủ trọn, phải nhận rằng mình đã lãnh một cái lệnh của trời mà ráng vâng theo cái lệnh ấy, mới có thể gánh nổi cái phận sự mình.

Mình sanh ra nhằm trong một nước thiếu thốn, mình phải lo tạo lập mới cả. mình lại sanh nhằm một lúc hễ ai lãnh một cái trách nhiệm khôn khéo thì bị người nghi nan, ghét phá. Trong nước ta ngày nay cũng có hai người tranh sống với nhau : một người cày sâu cuốc bẫm lo cho đủ no lòng ấm cật, một người rút rỉa đặng đem về làm máu mủ thêm cho một nước cường quốc ở bên Âu tây, một người yếu, một người mạnh. Người yếu cần ta phải giúp. Mà hễ sanh ra trong xứ nầy thì là đủ cho ta mắc một cái phận sự đối với nước nầy rồi, không đợi là nước ấy yếu hay mạnh. Vả lại nếu ta không lãnh cái phận sự ấy, thì còn ai đâu ? Con giòng Nam Việt mới biết được nòi giống Nam Việt còn thiếu thốn chi. Dầu có thật rằng nước Pháp thương ta, hết lòng lo lắng cho ta. thì làm sao nước Pháp cũng còn phải lần mò mất công. Nước Pháp hiện bây giờ chỉ có làm điều nầy là hữu ích cho ta, là giúp ta. Mà nước Pháp phải giúp ta, vì hễ nói bảo hộ, dìu dắt, thì phải có lòng trông mau tới ngày lớn khôn, thành người..

Và phận sự của bọn ta là phải tạo lập việc mới, bọn thanh niên ta phải ngó mắt chăm chỉ về ngày sau đặng làm cho ngày mai mau đến ; vì điều của ta muốn làm thành nó ở trong ngày mai chớ không phải trong ngày nay. Nên cái lòng lo của bọn thanh niên ta nữa ở trong hiện tại, nửa không ở trong việc hiện tại.

Nữa ở trong buổi nầy, đặng biết nòi giống ta còn thiếu thốn chi ; nữa không phải ở trong thời buổi nầy, vì việc của ta không phải ở trong buổi nầy. Bọn thanh niên ta phải chịu những điều mà ta không thể lánh được rồi xem xét cho rõ sự sống của xã hội người, với sự

sống của xã hội ta, mà tạo ra một cái sắp đặt để chống với cái sắp đặt của người, tạo ra một cái thế lực đặng chống với cái thế lực của người. Hai cái lực gặp nhau, mà có cái mạnh, cái yếu thì sao không khỏi có lần ép, hơn thua. Hễ có lần ép, hơn thua thì phải mất công bình, vì làm sao cũng có kẻ thắng, người thua. Mà người thua thì ít khi vui cười được.

Chúng ta phải lo tạo lập ra mới, chúng ta phải là người tạo lập ra mới mãi. Mà người sanh tạo thì phải là người muốn như trái cây chín, mới có hột đủ sức mà sanh ra cây được. Ta không phải là cần bắt chước in như kẻ khác, như kẻ ngu tối bắt chước người khôn vậy, còn bắt chước người như vậy là còn nhờ người, còn nương tựa theo sự khôn khéo của người, thì không trông mong giải thoát được. Điều của ta sanh tạo phải là của ta, phải là ở trong máu mủ của ta mà ra hay là ở nơi học thức Âu tây với Á đông hòa hợp nhau trong ta mà sanh ra. Tai ta thường nghe rằng bọn cai trị nước ta hôm nay, dạy dỗ dân ta, đem văn minh cho xứ ta dường như cái Á đông nầy là một cái thế giới dã man từ xưa đến nay vậy. Tai ta thường nghe khen tặng những «người đem đuốc bên Âu tây qua rọi cho sáng nhà ta những «người làm phép lạ cho xứ ta nhờ», dường như bọn quê mùa thô kệch của thượng thơ thuộc địa bên Pháp sai qua đây đủ tài đủ sức mà nắm cái hồn của dân ta ra cái hình dẹp vô song vậy. Có kẻ làm một quyển sách khen tặng chánh phủ Pháp, cho việc gầy tạo của chánh phủ Pháp bên xứ ta là như một sự lạ thường như của tiên phật dùng phép mà làm thành vậy. Mà thật bên xứ ta có hiện ra một điều lạ thường trong mấy mươi năm, mà làm được cho dân ta, hóa ra một đoàn dân nô lệ, làm cho dân ta hóa ra u ám ngu muội, ấy không phải là lạ thường sao ? Vì từ xưa đến nay ai cũng muốn cho dân được yên tịnh, vui sướng ; màdân ta nay ở trong vòng

đột nát, nô lệ nầy không phải là yên tịnh, vui sướng sao ? Nói rằng những kẻ làm chủ xứ ta ngày nay đem học thức văn minh qua cho ta, nghe nói mà tức cười. Chánh phủ Pháp chỉ lo được mấy điều nầy thôi như : xài phí vô lối mà làm đường xe lửa vô dụng cho ta ; mua giây thép biển mục của ăng lê đặng dùng vài tháng rồi bỏ dưới đáy biển : đem tiền của dân ta nuôi mấy anh nguyên soái Tàu, vuốt đít mấy anh khách trú nuôi một bọn làm quan vô ích cho dân, ăn lương cao, xài phí lớn; mỗi năm mỗi lo tăng thuế ; mỗi năm mỗi có quốc trái ; nghĩa là chính phủ chỉ lãnh được cái phận sự nầy thôi, là ăn như tằm như hạm, rút rỉa của non sông, dân sự trong xứ nầy. Còn ngoài cái phận sự đó, là như dạy dỗ, trao đổi cái tinh thần của dân ta, thì chánh phủ không được cho rằng việc ấy là dễ như chơi vậy. Phận sự nước Pháp trong việc nầy chỉ là đem cái nền học thức của Pháp sang đây rồi để cho ta tự do mà chọn lấy. Phải để cho ta tự do lựa lấy mà dùng vừa theo bụng ta, vì ép ta ăn những món mà bao tử của ta không chịu thì ta phải bị sình ruột ; mà sình ruột thì lắm khi phải chết.

Tôi xin nói phớt qua điều nầy, bọn thanh niên ta cần phải nhớ : mấy người lo chạy kiếm những điều của mình còn thiếu thốn, như người bị khát chạy kiếm nước ; mấy người lần mò cho đặng mình gặp mình, cho đặng mình biết mình nghĩa là cho biết cái hồn của dân mình trong hồn của mình ; mấy người ấy không bao giờ gặp ai giúp sức, dốc chí đâu. Có lẽ lại là.. Tôi nói điều nầy đây là vì tôi đã trãi qua điều ấy rồi.

Tôi nhắc điều nầy cho bọn thanh niên ta biết rằng trong mọi việc mình phải chỉ trông cậy, tin lấy mình thôi, mình mới là lần mò cho tới biết mình, biết cái sức của mình, mới

thôi sự biết cái đứng đắn làm người được. Mình muốn học hiểu, muốn tự kiêu, sự đứng đắn của con người là việc rất khó, mà mình còn mắc biết bao nhiêu cái khó của kẻ mạnh quyền nó rải trên đường mình đi. Lúc mình ra hành động cho biết chắc cái sức của mình thì lại đụng đầu với những bậc đại danh, những ông thần giả của chánh phủ tặng lên cho dân trọng thờ. Mà trong dân lại tin những điều giả dối, mà không ngó đến mấy cái tài đức có công trau dồi. Con đường giải thoát cho con người thường là gay khổ. Trong xứ nầy con đường giải thoát cho con người lại còn gay khổ hơn nữa. Là vì tại nơi đâu ? Là vì dân ta đã mắc trong sự u ám tối tăm, mà bọn thượng lưu học thức lại chỉ thông minh cao rộng ngoài môi thôi, không ai thấy rõ đâu là thật đâu là dối. Tôi chỉ mấy điều đáng buồn đây là không phải có ý để làm ngã lòng thôi chỉ bọn phần chần. Mấy cái khó nầy chỉ ra để làm ranh chia ra rõ ràng bọn thật bền công, bền chí, tận tâm, với bọn bền công gắng chỉ ngoài mó thôi. Tôi chỉ những điều khó ấy là có ý xin bọn sau đây thôi lui đi, sợ cho bọn nầy đến sau ngâm nga thi phủ tỏa cái thất vọng của mình như các đứng anh hùng vô danh thuở xưa, mà làm cho thiên hạ phải điếc tai thêm nữa. Ai mà làm lộ ra cho thiên hạ thấy rõ rằng mình là người tài lực thì mới thật là người tài lực.

Mà muốn cho lộ rõ tài lực của mình ra, thì phải tom góp tinh thần của mình lại, phải cần thủ, nghi ngờ những sự giả dối, phải chống, phải thắng những sự giả dối nó làm cho ra ngu hèn con người đi. Tôi biết rằng hễ nói : «phải chống lại» thì bọn thanh niên ta tưởng rằng chỉ trong quốc sự có việc cho ta chống lại thôi. Bên Âu tây lo quốc sự thường là để

cho kẻ bất tài ra khua môi, múa mỏ. Mà lo quốc sự bên xứ ta hiện bây giờ lại còn hèn thấp hơn bên Âu tây nữa. Lo quốc sự trong xứ ta hiện giờ là ra viết báo mỗi ngày nói bá láp cho thiên hạ nghe, như nhiều nhà báo ở Đông dương ta ngày nay. Nếu ngày nay bọn thanh niên ta mà thấy rõ cả sự thấp hèn, yếu nhát của nghề làm báo trong xứ ta ngày nay thì không còn muốn đeo đuổi theo quốc sự nữa, vì : một, là cái điều mà ta kêu là quốc sự đó nó làm cho con người hóa ra hư mòn lẫn, mệt mỏi, ô uế đi ; hai, là tinh thần của bọn thanh niên ta còn non, sợ không đủ sức mà phải mắc lấy trong sự ô uế ấy ; ba, là nước ta bây giờ đang cần dùng người chí khí lớn, tinh thần mạnh, nên không được hợ hõng để cho mất sức của mình đi. Tôi biết rằng bọn thanh niên ta chỉ ham mê về đường quốc sự cho nên hễ được nhà nước nghỉ ngờ, có được lính kín theo sau đuôi thì lấy đó làm vui mừng, lấy đó mà khoe khoang như mình đã có ra người danh dự vậy. Tôi biết bọn thanh niên ta, hễ bị chánh phủ làm khó, thì đem lại cả cái sức còn non của mình mà chống lại với cái khó ấy chớ chẳng chịu đi vòng mà lánh nó đi, đà tại sau sẽ hay. Mà bọn thanh niên ta lại cho rằng như vậy là chống phá chánh phủ. Chẳng qua là chánh phủ làm vậy đặng cho ta ham chống phá việc nhỏ mọn kia mà mòn mỏi lực lần lần đi, như vậy thì ta còn mắc trong tay chánh phủ lâu dài nữa. Cần nhứt, là ta phải chống, ta phải thắng cái gia đình ràng buộc nó ngăn cản ta ; ta phải chống với cái xã hội thấp hèn của ta, ta phải chống với cái luân lý hẹp hòi nó đè áp ta ; ta phải thắng mấy lời dị nghị ngu dại nó đeo đuổi theo mọi việc làm của ta ; ta phải chống với những điều mơ ước ythấpếu nhát, quá đỗi thấp, hèn quá đỗi hèn, nó làm cho nòi giống ta càng ngày càng ngu thấp thêm nữa.

Chống phá được các điều ấy thì lại ngàn lần quí hơn là

chống với chánh phủ; mà lại hễ ta thắng được các điều ấy rồi, thì ta mới chắc rằng ta có thể thắng hết được mọi việc. Ta phải nhớ rằng nếu dân ta mắc trong vòng nô lệ là vì dân ta có tánh yếu nhát, thấp hèn của bọn nô lệ.

Các bực thánh nhơn thường dục các đệ tử mình phải bỏ nhà cha mẹ đi. Bọn thanh niên ta ngày nay cũng phải vượt ra khỏi nhà cha mẹ, vượt khỏi cái xã hội hẹp hòi, xa bỏ non sông của ta một lúc. Ta cần phải sống trong một nơi tranh cạnh đặng trau dồi tu tập lại chút tinh thần còn hoi hóp đây. Ta cần phải biết cái giá trị của ta. Ta cần phải sống trong một chỗ nào nó giúp cho trí thức và tinh thần của ta được cao thanh thêm nữa. Ta cần phải lên một chỗ non cao, ở một nơi yên tịnh mà tra mình cho biết cái thân của mình thế nào, rồi lấy con mắt hoà hảo tướng ái mà ngó cả vũ trụ, xã hội chung quanh mình. Chừng đầy ta mới bỏ chỗ non cao-là chỗ ta đày ta một lúc mà trở về với xã hội, trở về với xã hội nào mà trong ấy ta có thể dùng trọn cái tinh thần tạo lập của ta được: Nghĩa là: ta đây là người annam, ta phải trở về với xứ Nam Việt nầy, vì ta là người sanh trong xứ nầy, ta quen biết với non sông nòi giống của ta, thì trong việc làm của ta, ta khỏi mắc công lần mò vô ích.

Bọn thanh niên ta ngày nay phải lánh hay tiếng « quê hương » với «ái quốc». Mình trước phải lo tom góp cả sức mình cho đặng mình biết mình đã. Ngày nào ta biết rồi, thì hai tiếng quê hương với ái quốc nó sẽ hóa ra hai cái danh rộng rãi, cao thượng vô cùng; thì chừng đầy ta sẽ thẹn vì khi ấy ta hiểu hai tiếng ấy một cách hẹp hòi nhỏ mọn quá.

Ngày nào mà bọn thanh niên ta không còn quí trọng những cấp bằng, danh dự giả dối, không còn đeo đuổi theo

mấy cái ý kiến yếu thấp hẹp hòi, không còn trọng đãi kẻ làm nô lệ kia mặc áo gấm thêu hoa, không còn biết quì lạy cái oai nghiêm giả dối của mấy ông thần giả, không yêu gì những bọn hữu danh mà bất tài; Ngày nào bọn thanh niên ta không còn đeo đuổi theo những sự ngoài vỏ, những điều giả dối cứ giữ sự đúng đắn làm người mà đi trên con đường ngay chánh của lương tâm mình chỉ về, thì ngày ấy không có chi là khó mà ta không làm thành được như chơi, huống chi là lo gầy dựng một nền trí thức cho nước nhà ta. Từ ngày đấy, từ Nam chí Bắc, dân Nam Việt ta sẽ trở lại như xưa, mà trong thời các bực tài cao, đức lớn mà làm rạng danh nòi giống ta và có nhọc thân giúp ích cho dân nghèo ta bớt khổ.

Đọc xong bài diễn văn « CAO VỌNG THANH NIÊN » của nhà ái quốc, NGUYỄN-AN-NINH, chúng ta nhận rõ cái triết lý cao siêu, sự nhận xét tinh vi của nhà ái quốc là thế nào?

Dùng phương pháp Khoa-Học Tây Phương mà khai quang sẵn cho mình. Dù Ninh là một nhà Tây-Học, nhưng có một nền hán học vững chắc, nhờ lúc nhỏ học nhiều với gia đình, những bậc cha, chú, cô đều lảo thông hán học, sau khảo cứu tinh tường qua những sách hán dịch ra Pháp-Văn, nói về đạo Lảo, Khổng, Mạnh, và tự học thêm nhờ bộ TÂN-QUỐC-VĂN (SIN KOUO WEN) do Linh-Mục Lamasse dịch.

Như trên tôi đã nói, vì hoàn cảnh túng thiếu, Ninh không thể tiếp tục đến Cao-Học, xoay qua nghiên cứu triết-học, dân quyền là mong một ngày kia trở về quê cha, đất tổ, phổ biến tư tưởng hiểu biết, học hỏi của mình với quần chúng, đồng bào. Vì Ninh nhận thấy vào thời kỳ đó, từ nông thôn tới giới

lao động, thợ thuyền, dân trí còn kém mở mang, vì họa đô hộ của người Tàu sang đến người Pháp, gần mấy thế kỷ qua.

Vì vậy, sau khi ôm bằng Cử-Nhân-Luật ở Pháp về, thay vì vào làm quan to với Pháp như thường tình du học sinh Việt-Nam thời đó, rồi cưới vợ giàu, một đời hưởng lộc, ăn trên ngồi trước, vinh thân phì da.. Trái lại, nhà ái quốc NGUYỄN-AN-NINH chỉ mang một ý chí tranh đấu quyền lợi, cởi ách nô lệ cho dân tộc, tìm đủ mọi cách gần gũi người dân, gieo tinh thần ái quốc, chống xâm lăng ngoại bang, bằng cách: nào diễn thuyết, viết báo, viết sách, phổ biến tư tưởng vào quần đại quần chúng hạ tầng. Nhờ sự kiện nầy, mà dân chúng được giác ngộ rất nhiều, nhứt là vùng Hốc-Môn, Bà-Điểm, Biên-hòa, Thủ-dầu-Một, Mỹ tho, Bến-Lức v.v..

Nhiều cuộc biểu tình bạo động thường xảy ra trong thời kỳ đó,nhiều cuộc mết-tinh được tổ chức chu đáo, đòi hỏi quyền dân với nhà cầm quyền Pháp, tại rạp Casino Dakao (31-1-1926), tại Vườn Xoài Bà Lớn ở Xóm-Lách (21-3-1926) hiện giờ là đường Đoàn-công-Bữu.

Để rồi, nhiều lần vào tù ra khám, cho tới ngày chôn thể xác dưới vùng đất lạnh, ngoài vạn dặm trùng-dương Côn-Đảo.

Văn chương của nhà ái quốc Nguyễn-an-Ninh, từ bằng tiếng Pháp như tiếng Việt, trên mặt tờ báo Cloche Fêlée (Chuông Rè) hay trên mặt các báo như Donnai, Trung-Lập v.v... trong sách đều có một lối hành văn gọn gàng, viết văn xuôi như làm một câu thơ, viết nhịp nhàng như tấu một bản nhạc, có tiếng ngân như tiếng chuông...

Các bạn Ninh thời bấy giờ cho Ninh có lối hànhvăn giốngTriết Nhơn NIETZSCHE là thần tượng về chủ trương SIÊU NHƠN

Bởi đó, Ninh thích dịch những bài luận về Triết của Nít-Sê, như bài báo dưới đây đã đăng trong tuần báo Donnai, năm 1933, số 31 mới, do Phan-văn-Hùm chủ trương biên tập :

TRIẾT HỌC CỦA NIETZSCHE

« Từ mười mấy năm nay, trong thanh niên ta có vài người nói đến F. Nietzsche ấy là một điểm tốt. Vì các bạn thanh niên ấy đang tìm đường để thoát những sự trói buộc của một cái xã hội không còn hợp với sự tiến bộ ngày nay nữa. Nay vì phong trào Hilher ở Đức ở bên Âu Châu có kẻ nói : « Hilher thực thành những tư tưởng của Nietzsche tuyên bố đã hơn mười năm nay » Léon Daudet trong bài « từ Nietzsche đến Hilher », mà bạn thanh niên ta phải để ý tới tư tưởng của Nietzsche ấy là một điểm tốt hơn nữa. Vì nhờ có cái dịp Hilher nầy, thanh niên ta có thể hiểu rõ một cách tường tận toàn cả lý-thuyết của Nietzsche, chớ không phải chỉ chú trọng vào một giải phóng cá nhân như xưa kia, mà sùng bái một cách rất sai lầm. Ở Âu Châu bất lựa Anh, ở Đức, ở Pháp, ở Ý, v.v... trong đám thanh niên bourgeois phần đông đều là yêu quí Nietzsche, như thánh, đều là thuận với tánh chất với hoàn cảnh, với quyền lợi của họ. Thanh niên ta cũng nhờ lý thuyết của Nietzsche như thanh niên bourgeois ở Âu, thì thật là mâu thuẫn. Tôi xin giải sơ một cách tóm tắt.

F. Nietzsche là một nhà triết học Đức sanh năm 1814, chết năm 1900, khi chết ông ta điên. Người ta nói F. Nietzsche mắc bịnh tiêm la : Mà điều nầy là chắc ông ta đau dạ dày, đến nỗi nhiều ông thầy thuốc tưởng lầm là ung thư. Tôi không phải nói những bịnh của Nietzsche ra là, theo thói thường của người mình, cốt nói xấu cho ông ta. Nietzsche có nói :

« Trong đám văn sĩ, chỉ có Dostoievsky là người mà tôi nhờ nhiều lắm Mà Dostoievsky lại nói : «Tôi nhờ cá ibịnh của tôi nhiều lắm (Dostoievsky mắc bịnh kinh phong) Nietzsche đau mũi mà lại dùng những thứ thuốc làm say (narcotique) thần kinh hệ của ông ta cảm giác một cách lạ thường. Suy xét sâu xa, văn chương như giục, như lôi người chắc là nhờ đó.

F. Nietzsche có đi đánh giặc Pháp-Đức năm 1870. Lúc ấy hèn sức binh vực nước Đức. Nietzsche quả quyết rằng dân Đức có trách nhiệm làm chủ, làm thầy của nhân loại».

Dân Đức trước kia phải bị dưới quyền của Napoléon vẫn còn nhớ mãi cái nhục ấy.

Qua 1870 Đức thắng trận trả được thù xưa, lại được đền bồi hai tỉnh Alsace Lorraine là hai tỉnh giàu sắt, rất trọng hệ cho sự phát đạt của xưởng kỹ nghệ Đức. Làm sao trong óc của Nietzsche không sanh ra sự kiêu ngạo như trong óc của cả mọi người trong dân Đức khi ấy ! Song nhờ trận giặc nầy mà Nietzsche mới khởi đầu suy nghĩ ra thuyết «Le bon européen»

Khi Niet mới xuất bản quyển sách «Bên kia của sự thiện ác» Thì có một tờ báo Đức chào mừng là một điểm mới, nói rằng lý thuyết của Nietzsche là lý thuyết của đám đại điền chủ của Đức (Philosophie des hereanx) là một giai cấp của một thời đại phong kiến (Féodalité) còn để lại, như gia quyền của hoàng đế Guillaume, như tổng-thống Hindenburg, Von Papen. v.v... Tuy là Nietzsche không chịu nhìn nhận lời phê bình của báo ấy cho kỹ, song xét cho kỹ thì cũng không phải là sai mấy. Mà cái tên thánh Frédéric kia có lẽ Nietzsche cũng vẫn còn nhớ rằng cha của ông đặt để kỷ niệm một nhà vua trong họ Honlen Sollern.

Lấy tư tưởng của một anh Bourgeois libéral, bôm vào cho đầy cái hơi kiêu ngạo cực điểm, rồi lấy văn chương của quyển Zarathcustra, cái giọng tiên tri của thánh JeanBaptiste mà vào cho nó thì là cái thuyết «Siêu nhơn» (Le Surhomme) của Nietzsche chớ gì! Một nhà văn sĩ Đan Mạch (Danois) kêu lý thuyết của Nietzsche là Radicalisme aristocratique. Sau 1879 giai cấp tư bản ở Pháp phá được những điều trói buộc của thời đại phong kiến, bước lên con đường tiến hóa như dài như rộng vô cùng. Kỹ nghệ càng phát triển, con người càng rộng quyền tính toán tự do, thì lại thấy xã hội càng thêm mở mang. Vì vậy cho nên, về mặt kinh tế thì tự do chủ nghĩa (libéralisme) được hoan nghinh (laisser faire passer) tự do sanh sản, rồi tự do nhập cảng, xuất cảng. Mà về phương diện tâm lý của giai cấp thâu lực lượng được sanh sản của xã hội vào tay thì cái quyền tự do cá nhân cũng là vô hạn chế.

Mã thị có nói : « những tư tưởng phổ thông trong một xã hội là những tư tưởng của hạng người nắm quyền xã hội ấy vào tay.» Vì vậy cho nên cái thuyết cực điểm cá nhơn của Nietzsche không phải là khó tìm ra nguyên nhân của nó.

«Cái mà kêu là ái tộc là một cách đi vòng của tạo hóa để sanh ra một vài vĩ nhơn» là câu của Nietzsche.

Mã thị có nói : Xưa kia sự bốc lột kẻ nghèo còn mặc cái áo tôn giáo và chính trị. Naysự bốc lột hóa ra trực tiếp tàn bạo rõ ràng hết còn e lệ nữa. Nó không muốn cho sự giao tế giữa con người còn một sự ràng buộc gì khác hơn là sự tư lợi rõ rệt, trong ấy không có chỗ cho sự cảm tình. Nietzsche hết sức đánh đổ luận lý, dạy Siêu nhơn phải là người vô luân lý (amoral) lắm khi phải là nghịch với luân lý «Immoral».

«Mã thị có nói : Trong xã hội ngày nay có điều xu hướng nầy : càng ngày càng lộ ra chỉ rõ còn có hai giai cấp trọng

hệ thôi. «Nietzsche dạy rằng có hai luân lý : luân lý của đám làm chủ, luân lý của đám làm nô.

Mã thị và Nietzsche đồng hoan nghênh lý thuyết của Lamark của Darwin. Tranh đấu đặng sống. Tranh đấu với loại sống, tranh đấu với hoàn cảnh. Nietzsche dạy «Siêu nhơn» phải ở xa «bầy người phải cúng lòng, phải không biết thẹn thùa, phải đủ các phương để giục mình cho mạnh. Một người kẻ trò trứ danh của Mã thị cũng có câu nầy : « Trong một cuộc hỗn chiến dữ dội như thế nầy, không thể cho ta giữ được lòng nhơn. Phải đập đầu và đập không nhơn tay. Cho đến những kẻ mà ta muốn cứu kia, mà chúng nó còn trở lại cắn tay ta !

Tôi có thể còn lấy nhiều tư tưởng của Mã thị và Nietzsche để đối nhau. Vì cả hai người đều là đồng thời, cả hai như hai cái kiểng đồng rọi một xã hội, nhưng vì hai người đứng về hai phương diện chọi nhau.

Nietzsche đánh đổ hình ảnh thượng học (métaphysique). đánh đổ tôn giáo, mà trong ngày cùng, lại xướng lên cái thuyết tuần hoàn (sự trở đi trở lại vô cùng) (l'éternel retour). Nietzsche không chịu rằng mình trở lại với cây đa củ bến đò xưa. Song nếu xét cho kỹ thì cái thuyết «ồ ồ bắt rắn cắn đuôi» chỉ là một cái lực lượng chạy vòng tuy cũng động, song kỳ thật là vô tiến hóa, là chết. Thì có khác gì sự tin rằng Trời, có một ông Trời tuyệt hảo, nghĩa là không còn tiến hóa nữa được. «Tout est pur le mieux dans le meilleur des mondes possibleu». Rồi kết luận là phải giữ chặc cái tình cảnh hiện tại để làm trường kinh nghiệm cho sanh ra những «Siêu nhơn».

Trời đất bất nhơn lấy muôn vật làm cỏ chó. Thánh nhơn lấy trăm họ làm cỏ chó.

(LÃO TỬ)

Cái thuyết (trở đi trở lại vô cùng) của Nietzsche là một cái vòng tròn, một miếng đất bằng cho (siêu nhơn) nhảy múa. Còn Biện Chứng Pháp của Mã Thị như một đường vòng vặn khu ốc, tiến hóa vô cùng.

NGUYỄN AN NINH

Quyết một lòng xả thân cho dân tộc, đem cái gì công bằng xã hội, tranh giành chút quyền sống độc lập cho toàn dân, nên nhà ái quốc chăm nom rèn luyện khảo cứu cho tinh tường đủ các khía cạnh căn bản cho đường hướng phải đi của mình, sau nầy khi về nước để tranh đấu, nên hết lòng học tập sưu tầm, nào những áng thơ cổ của Ấn Độ như Bagha-va, Gita, nào CỔ-LỊNH BI-LỤC của Tàu, bản dịch ra Pháp văn, nào văn chương tinh túy của Đông Tây kim cổ, nào dự những cuộc tranh hùng của những diễn giả xã hội hay tả phái. Nhờ đó Ninh viết đã hay mà nói rất hứng biện, hấp dẫn làm say mê người được nghe, lôi cuốn một cách dễ dàng quần chúng nhờ lời nói mạnh hơn câu văn. Thời bầy giờ, ai ai cũng công nhận tài ăn nói của nhà ái quốc. Mỗi khi nói, Ninh làm cho quần chúng tức cười, khóc, giận.

Ninh gieo mầm, lôi cuốn một số đông kiều bào ở Pháp về Ninh, cùng với Ninh tranh đấu chống thực dân, giành tự do độc lập cho xứ sở, Trong số đó có Dương-văn-Giáo, Phan văn-Trường, Phan-chu-Trinh. hai bậc túc nho lão thành cách mạng, có nhiều uy tín với dân chúng. Sau nầy, khi về nước Ninh cũng lôi cuốn được hai nhà cách mạng về theo, tiếp tay với Ninh, Để rồi khi cụ Phan-chu-Trinh chết, Ninh khóc nhà cách mạng tiền bối bằng hai câu đối như thế này, đăng trên mặt các báo thời bầy giờ, và sau đó đăng tải lại trong quyển « QUỐC GIA HUYẾT LỆ, lịch sử Phan-chu-Trinh và tường thuật cuộc quốc tang

1— «KHỨ NIÊN ĐỊA HẢI ĐỒNG CHU, HÀNH GIAN CHỈ THỦ, VÔ HẠN «CẢM TÌNH, KỲ TƯƠNG HUẾ THỬ NHỨT TRƯỜNG, NHỊ TRẤP TRIỆU ĐỒNG BÀO, ƯNG TRỌNG NHẬM.

2— THA NHỰT PHONG TRÀO NHỨT BIỂN, CÔNG LÝ CƯỜNG QUYỀN, VỊ PHẦN THẮNG BẠI, HỒ NẢI PHIÊN NHIÊN TRƯỜNG VÃNG, ĐỐI ĐƯƠNG KIM THỜI CUỘC PHẦN ĐỒ.

Có nghĩa là :

1.— NHỚ KHI NÀO, CON THUYỀN ĐỊA HẢI, LỨC DẠO CHƠI, LÚC PHÒNG KHÁCH, BIẾT BAO XIẾT CẢM TÌNH, CŨNG SẮP SUM HỌP MỘT NHÀ. VÌ HAI MƯƠI LĂM TRIỆU ĐỒNG BÀO, QUYẾT RA TAY NÂNG GÁNH NẶNG.

2.— HẮN SAU NẦY, NÓ BIẾN CÁI PHONG TRÀO NÀY CÔNG LÝ, NẦY CƯỜNG QUYỀN, RỒI CÓ MỘT PHE ĐƯỢC, SAO VỘI ĐÃ SA CHÂN CHÍN SUỐI, ĐỜI HAI MƯƠI THẾ KỶ, MÀ RẺ BƯỚC GIỮA ĐƯỜNG.

Đọc hai câu đối trên chúng ta nhận thấy về chữ nho, nhà ái quốc cũng đứng vào hạng NHO CỪ lắm rồi. Và lễ quốc tang của nhà cách mạng Phan-chu-Trinh được trọng thể nhờ sự hô hào, tổ chức vị đại của nhóm thanh niên hưởng ứng phong trào ái quốc Nguyễn an-Ninh.

PHONG TRÀO ÁI QUỐC NGUYỄN-AN-NINH

Năm 1922, vào mùa thu, sau khi kết nạp, tìm tòi, học hỏi ở Ý và ở Anh, kết nạp đặng nhiều bạn đồng chí như lãnh tụ Ấn Độ » NEHRU, Ninh đã trở về đất nước phổ biến chí hướng phong trào ái quốc, cách mạng với dân tộc. Cái tài quan trọng nhứt là tài diễn thuyết và viết. Ninh đem từ Âu Châu về một lối văn mới, lời ít mà nói nhiều, câu văn gọn không rườm rà dài giòng lê thê

tối nghĩa như lối văn nhà thâm nho, một lối văn dản dị, quyền rũ người đọc, người nghe như một làn sóng điện giựt mạn trong tiềm thức người ngây ngũ, tiềm thức người dân bị áp bức đô hộ, bốc lột từ thế kỷ này sang thế kỷ khác.

Chúng ta nên nhớ, bán phần thế kỷ trước, quốc văn chưa được thạnh hành như bây giờ. Khi Tàu đô hộ, thì muốn Tàu hóa người Việt, nên nho học thạnh hành, các nhà văn thường dùng nhiều sáo ngữ, điển tích của Tàu, qua Pháp, tức nhiên người ta cũng Pháp-Hóa dân Việt luôn. Chương trình nơi trường, phần đông thiên về Pháp văn phần nhiều, học sử địa, văn hóa Pháp, biết tổ tiên nguồn cội, văn chương Pháp rành hơn tổ tiên văn chương của tổ quốc mình. Vì đó những thanh niên học cao, nhứt là ở Pháp là nói tiếng mẹ đẻ còn không rành, đừng nói chi là viết chữ Việt. Nhưng với nhà ái quốc Nguyễn-an-Ninh, nói, viết một cách rành mạch, gọn gàng, dù không đủ danh từ hay như thời đại hiện tại. Nhưng ai đọc cũng say mê, hưởng ứng theo dõi, như vạch định sẵn một con đường phụng sự cho dân tộc, nên Ninh trau dồi từ lâu. Nhiều bạn ông thường kể, ở Pháp Ninh giao du với nhiều nhà cách mạng Pháp và Việt như : Phan-chu-Trinh, Nguyễn-Thế-Truyền, Phan-văn-Trường, Nguyễn-thế Song Nguyễn-ái-Quốc tức Nguyễn-sinh-Côn, Nguyễn-tất-Thành, trong nhóm Le Paria. Đã quyết làm một nhà cách mạng, xã thân cho quê hương dân tộc, Ninh luyện quốc văn từ lúc còn nhỏ, do sự giáo dục căn bản gia đình của người cha cách mạng; sang Pháp giao du để học hỏi thêm, tập diễn thuyết, trước một vũng bao la rậm rạp, hay một đám cải lô nhô. Cây, cả Ninh tưởng tượng là người dự thính, Ninh hét, Ninh la, cung tay ra bộ... Nhờ rèn luyện chu đáo, nên khi bước chân về đến đất nước, lên diễn đàn lần đầu tiên, được người hoan nghênh khâm phục.

Một con người trầm tĩnh ôn hòa, với đôi mắt một mí, con lớn con nhỏ, có một vẽ mơ buồn nhưng sang ngời nét dị thường thông minh hơn người, với chiếc áo dài thâm, má, tóc dài nghệ sĩ, hiền triết, với chiếc xe máy cọc cạch cũ mèm, sống một cách thanh đạm, dẫn dị hơn người, coi sự giàu sang danh vọng như con số không, đi bán cù là, bán báo, bán sách để được gần gũi hạ tầng dân chúng cần lao, cái thuật nhập thế hòa mình trong dân chúng, để phổ biến tư tưởng đã học được của mình, hình ảnh đó chưa phai mờ trong tâm tư những kẻ nào biết nhà ái quốc Nguyễn-an-Ninh từ độ đó

Muốn giải thoát dân tộc khỏi gông xiềng ngoại bang, xây dựng, bình vực công bằng xã hội, Ninh cần cho dân tộc giác ngộ cái quyền làm dân, nên Ninh luôn lao mình vào nhóm bình dân. Gia dạng nhà tu, cạo trọc đầu, đi bán cù là, bán báo, bán sách là do dụng ý đó.

Vì những cái cao cả cao độ, đức hy sinh vô bờ bến với dân tộc mà thời bấy giờ Ninh là thần tượng duy nhứt của dân chúng.

Và nhờ những đức độ hy sinh ấy mà Ninh là gương mẫu của thanh thiếu niên nam nữ thời bấy giờ. Gương mẫu khai lòng ái quốc, từ thôn quê đến chính trường. Trong số tôn thờ thần tượng Nguyễn-an-Ninh có nhà cách mạng Tạ-thu Thâu và Phan-văn-Hùm Lúc Thâu chưa sang Pháp, còn là một giáo sư tư thục Nguyễn-xích-Hồng, với bằng Tú-Tài và Brevet Élémentaire. Trong nhà Thâu, ở sau Lăng-ông Bà-Chiểu, tại một bàn giữa phòng khách, Thâu lồng kiến một cách trịnh trọng THẦN TƯỢNG NGUYỄN-AN-NINH, mặc váo dài đen, tóc dài chấm ót, tay chống đầu với vẻ trầm tư-mặc tưởng, một vẻ mặt một người dân bị mất nước, bị áp chế, thương nước mến nòi... Chính Ninh đã đốt nóng lòng

yêu nước của Thâu như phần đông dân chúng. Thâu là người hưởng ứng cuồng nhiệt những kêu gào cổ võ của Ninh trên mặt tờ báo «Chuông-Nứt» và qua các cuộc diễn thuyết. Chính Thâu mang brassard (băng) vàng, đại diện cho đảng Jeune Annam của Thâu, tham gia vào các cuộc tiếp rước Bùi-quang-Chiêu, đưa đám tang cụ Phan-chu-Trinh,

Còn Phan-văn-Hùm, đáng lẽ là một công chức cao cấp của nghành Công-Chánh, vì đã tốt nghiệp ở trường Hà-Nội, nhưng không chịu hợp tác với Pháp, cũng hưởng ứng sát cánh với Ninh như hình với bóng. Ninh cạo trọc, Hùm cũng cạo trọc. Ninh mặc đồ vải đen. Hùm cũng mặc y như thế. Đôi bạn đồng tâm, đồng chí nắm chặt tay nhau trên con đường mở mang dân trí, phụng sự dân tộc cho đến ngày chết, kẻ ngoài Côn Đảo, người vì thời cuộc (1945, bị bọn Kiệu-Đắc Thắng thủ tiêu tại tư gia ở Tân-Uyên, Biên-Hòa, vì Pháp quản thúc Hùm tại đây).

Phong trào «ÁI QUỐC NGUYỄN-AN,NINH», được ghi đậm vào tiềm thức người dân, nhờ sự gần gũi nhiều với nông dân, thợ thuyền lao động qua những bài báo, quyển sách khảo cứu tinh tường. Nhưng rất tiếc phong trào ái quốc có bề rộng rất lớn, nhưng thiếu bề sâu, thiếu hậu thuẫn, cơ sở vững chắc, nên những nhóm thanh niên như lao động, nông dân theo phong trào, dù ý chí cương quyết, hy sinh can đảm có thừa nhưng không đủ kinh nghiệm về chính trị, để khi trụ cốt có ngã, bị Pháp đồn, cho vào tù, thì có đủ tư cách tiếp tục cơ sở Ninh đã dày công tạo ra trong hằng bao nhiêu năm, bao nhiêu sức lực, tâm huyết. tìm cách xuất dương ra khỏi nước, tạo thế mạnh cho mình, có đâu tan rã một cách dễ dàng mau chóng.

MỞ MANG DÂN TRÍ

Thành thật mà công nhận, dù Ninh không thành công lớn với cái PHONG TRÀO ÁI QUỐC hay với «HỘI KÍN NGUYỄN-AN-NINH» đi nữa, nhưng Ninh cũng gieo được mầm, cấy được giống yêu nước, vùng lên của dân tộc Việt Nam bắt đầu từ ngày đó.

Gieo mầm một cách tế nhị, ăn sâu vào tiềm thức người dân bị đô hộ, ngũ yên hằng mấy thế kỷ qua. Những câu văn của Ninh, gợi lọng người một cách chua chát, tức tối, như câu nầy :

— Các vua, các quan coi dân như hột mè, để ép lấy dầu càng cần dầu càng ép...

Trong bài «XÃ HỘI ẤN-ĐỘ LÚC PHẬT THÍCH-CA RA ĐỜI», mà tôi xin trích đăng dưới đây để những ai cần tham khảo những đấu tranh của những vị anh hùng dân tộc sau nầy, có chút tài liệu, chớ thật ra, từ THƯ VIỆN QUỐC GIA, nhà lưu trữ, trong dân chúng chẳng được có mấy ai còn giữ được một vài văn nghiệp của nhà ái quốc. Vì sao ? Vì những sách, báo nào do Ninh viết hay chủ trương như tờ «Chuông Nứt, La Lutte, thời đó bị cấm nhặt, tàn trử, Công chức bắt gặp thì bị cất chức, hay bị đổi đi nơ nào đèo heo hút gió. Dân chúng thì bị bắt bớ tra khảo, đủ điều. Qua thời kỳ đệ nhị thế chiến, đến Phong-Trào Thanh-niên Tiền-Phong báo chí sách vở gì còn gìn giữ lại được. Lớp bị chiến tranh tàn phá, lớp hư hao, thất lạc.

Dù bài văn viết từ thời 1926, nhưng tới nay, đọc vẫn thấy thích thú, đam mê, phấn khởi, một khảo luận cần thiết cho người dân muốn biết, muốn học ; đem chuyện xứ người nói khéo đến xứ mình ;

XÃ HỘI ẤN ĐỘ

LÚC PHẬT THÍCH-CA RA ĐỜI

Gần 2500 năm nay, nước Ấn-Độ rất giàu, rất thạnh. Nước Ấn-Độ lúc ấy giàu; nghĩa là vua chúa bên Ấn Độ lúc ấy giàu, bọn nịnh thần của các vua giàu, cung phi mỹ nữ của các vua giàu, cả bọn không cày mà được dư cơm, không dệt mà được dư áo đều được giàu sang. Nước Ấn-Độ lúc ấy thạnh, là chi thạnh ? là nghề buôn mua một bán mười cho bọn không cày không dệt ; là nghề làm đĩ rút rỉa của vua, của các quan, của các anh lái buôn, của bọn ép chế người cướp công, gạt gẫm người lấy của : cho đến cái «nghề tu hành» lúc ấy cũng là thạnh vượng.

Mấy tay giàu nhứt trong xứ ta bây giờ không được lấy một phần ngàn của các nhà vua giàu thường thường bên Ấn Độ lúc đó. Cho đến ngày nay người ngoại quốc đến xứ Ấn-Độ mà xem mấy cái dấu tích của Ấn-Độ thuở xưa, thấy những đá ngã, cột xiêu mà còn cho là lạ thường, tưởng mình đi đến một cõi tiên, thì biết cuộc giàu sang của vua chúa cùng của các tay đại phú bên Ấn-Độ khi xưa là thế nào. Lấy đâu mà giàu như thế ? Trong kinh phật có nói : «Vua Rốt-man một bửa kia cần dùng tiền, mà của tiền trong kho thì đã hết, tiền xâu tiền thuế đã tiêu trong tay vua như một nắm muối bỏ xuống biển. Vua mới kêu hai ông quan thượng thơ của mình mà hỏi phải làm sao, thì hai ông quan thượng thơ trả lời ; «Dân trong nước tỷ như một hột mè, nếu vua muốn

có dầu mè thì phải ép, nghiền tán hột mè ; có chi là khó mà vua phải lo cho nhọc trí.» Như vậy thì đủ biết dân Ấn-Độ lúc ấy sung sướng bực nào. Các vua, các quan coi dân như một hột mè kia để ép mà lấy dầu ; làm chó còn có thể làm cho chủ cảm tình được hơn là làm dân Ấn-Độ trong lúc ấy. Chịu nhọc, chịu dầm mưa dãi nắng, đổ mồ hôi xót con mắt, mà sự sống rất không bằng sự sống của các thú ở rừng. Mùa màng thì thất mãi, có khi hạn đến mười hai năm, dân nghèo chết thôi vô số. Mà vua thì không lo cho dân. Có vua Kanalavarma có lòng thương dân, lập kho trử lúa, bớt xâu thuế cho dân ; gương ấy lạ thường nên kinh Phật rất là khen tặng.

Đói lạnh, thất mùa, sanh con được bảy, chết năm, mà vua cũng chưa cho là khổ ; vua muốn giết bao giờ, muốn giết bao nhiêu thì giết. Hiền đức như vua Acoka trọng thờ đạo Phật, trong kinh phật rất ngợi khen, mà còn trong lúc giận, giết ngàn người như giết cỏ. Vua rút ria của dân, ép chế dân mà giàu ; của tiền vô dễ như nước trên non đổ xuống thì vua xài phí nắm bạc trong tay như nắm cát. Nên vua giàu thì các quan của vua cũng giàu, bọn lái buôn vượt biển đi tìm, của lạ về cho vua cũng giàu. Các quan với lái buôn giàu bao nhiêu, thì nghề làm đĩ cũng thạnh bấy nhiêu. Trong kinh phật có nói chị Vasavadatta, làm đĩ, đòi đến năm trăm lượng bạc một lúc chung vui cùng chị ta. Chị này, vì tham tiền, muốn lấy của, của một tay buôn to, giết người tình nhơn của mình, vì sợ người này ghen tương làm khó.

Lòng tham vàng bạc thường hay phá hoại luân lý, đạo đức. Nên vì mà mắc lo giàu sang, sung sướng, dẫu tinh thần

mạnh cho mấy, cũng khó mà lo bề đạo đức cho trọn vẹn. Nên đức Thánh Gia-Tô có nói : «Bọn nhà giàu mà lên được thiên đàng thì khó hơn một con lạc đà mà chun qua lỗ kim ». Ở đâu mà trọng thờ sự phú quí thì làm sao cũng không khỏi có trộm cướp lường gạt người ; làm sao cũng không khỏi cha bán con làm nô lệ, mẹ ép con làm đĩ ; làm sao cũng không khỏi vợ loạn dâm bỏ thằng nghèo theo thằng có của ; làm sao cũng không khỏi em kiện anh, con trông cha chết. Cũng vì ham vàng, ham bạc mà dân nầy cướp phá dân kia. Cướp giựt, ghen ghét, chém nhau, thuốc nhau, người mà ham mê vàng bạc thì biết đâu mấy điều ấy là ác. Ngọc ngà, châu báu, vàng bạc, lâu đài của Ấn-Độ lúc ấy nhiều bao nhiêu, thì đạo đức bên Ấn-Độ lúc ấy ít bấy nhiêu.

Lòng tham phú quý nó mạnh mà lại truyền nhiễm chẳng thua gì bịnh dịch. Người không h m đạo đức, mê vàng bạc bỏ đạo đức thì đã đành rồi. Nhưng mấy lúc mà thiên hạ trọng thờ bạc vàng như thần như thánh, thì kẻ chăm lo đạo đức cũng lớ lãng với đạo đức nữa.

Một bọn thì vì tham, mong, trọng, thờ vàng bạc mà quên mà bỏ đạo đức. Còn bọn nhà nghèo, không trông mong được hơn chén cơm bữa, cái khổ lành mà cũng không còn chút luân lý nào. Ông Phật độc giác mà xuống cứu dân của vua Kanalavarma mắc ra nằm ấy đi tu là vì một hôm kia ông gặp hai mẹ con kia loạn dâm trong rừng. Ông nghĩ rằng mẹ con mà còn lấy nhau thì con người hèn thấp hơn thú nữa, nên ông không muốn sống trong một cái xã hội suy hèn thới quá, mới vô rừng mà tu.

Xã hội lúc ấy chia ra làm bốn bực người : 1/ Brahmanes 2/ Schattryas 3/ Vaisyas 4/ Sudras. Bọn brahmanes đứng nhứt, thông thái, chuyên về đường kinh kệ, thạo hết kinh phệ đà (Védas), chuyên về việc cúng tế thần, nhứt là thần Agni và Indra. Bọn schattryas là võ tướng, làm vua, làm tướng trong nước. Bọn Vaisyas làm ruộng, làm thợ, đi buôn. Bọn Sudras, là hạng người hèn mạt, lãnh những nghề, những việc làm hèn hơn hết trong xã hội. Trong bốn bực người này còn phân chia ra nhiều bực, nhiều hạng nữa. Xã hội Ấn-Độ ngày nay cũng còn phân chia như xưa.

Lúc ấy ai ai cũng kính phục bọn brahmanes, cho đến vua chúa cũng phải nhận mình là thấp hèn hơn, là vì bọn brahmanes đã thông minh, lại có đạo đức, giữ phần lo cúng tế cầu phước giải nạn cho dân. Trong xã hội Ấn-Độ lúc ấy trọng thờ bọn brahmanes cho đến quyền cao, tước trọng, mấy cái phận sự lớn trong xã hội lần lần đều về tay bọn brahmanes cả, như là thượng thơ, làm người tay trong bày khôn chỉ khéo cho các vua. Vì vậy cho nên bọn brahmanes lúc ấy hóa ra một đảng đông lực lo giữ phần tư lợi của mình như các bực người khác, quên chăm lo về bề đạo đức là phận sự của mình. Trong kinh phật thường thuật chuyện bọn brahmanes theo phá phật Thích Ca. Vì bọn brahmanes nói : từ ngày phật Thích Ca ra dạy đạo đến nay, vua yếu dân chuộng, phật Thích Ca cùng các phật tử được người cho ăn cho mặc, cho thuốc men mãi mãi, giựt phần của bọn brahmanes đi. Như vậy thì biết bọn thầy tu brahmanes khi trước suy hèn có kém gì thầy chùa ta ngày nay đâu ; cho đến phận sự mình là phải thuộc kinh, hiểu đạo mà cũng không biết kinh, không rõ đạo

nữa. Có một anh brahmanes kia có một thằng con tới đi học mãi mà không biết gì hết ; mới mượn một anh brahmanes khác dạy con mình. Không bao lâu anh nầy trả lại, nói cùng cha nó : «Tôi dạy tới B thì nó quên A, dạy tới C thì nó quên B, như vậy thì dạy sao cho được ; thầy kệ, làm brahmanes dốt cũng được vậy ; ». Bọn brahmanes ghen ghét phật Thích Ca cho đến mướn con gái người già làm người có lòng mộ đạo, đến xin học đạo với Thích Ca, đặng mỗi ngày độn một chút rơm vào lưng quần cho đến bụng lớn xem như có chửa rồi vu oan cho Phật Thích-Ca.

Vợ anh lái buôn kia có chửa, Phật Thích-Ca nói với anh lái buôn ấy rằng con anh sau sẽ theo đạo Phật. Bọn Brahmanes muốn cho lời tiên tri của Phật sai đi đặng người không tin Phật nữa, mới nói vô nói ra, mưu kia kế nọ, cho vợ anh lái buôn làm cho hư thai.

Thầy tu gì mà tranh giành hèn ác như thế ? Có phải đạo đức suy như vậy là cùng chăng ?

Đã vậy, vì trong xã hội phân chia nhiều bực, nên bực trên khi bực dưới, bực dưới ghét bực trên. Con người sanh ra trong xã hội ấy, sanh nhằm bực thấp thì phải chịu ở trong bực ấy cho đến chết. Như có làm phải nhiều. có lòng chăm lo đạo đức, thì kiếp sau mới được đầu thai lên bực trên. Cho đến có một cái luật cấm bọn Sudras đi tu, nói rằng đi tu của bọn Sudras là làm nô lệ cho bọn Brahmanes thôi.

Bởi vậy cho nên bọn nào thì cưới hỏi theo bọn nầy, không được ăn uống chung với nhau. Cho đến như Brahmanes với Schattryas mà bị một người Sudras động đến thịt là bị ô-uế, phải làm lễ cúng mà rửa sạch cái ô uế ấy. Trừ ra có Brahmanes với Schyttryas thì cưới hỏi nhau được thôi.

Trong kinh Phật có thuật một chuyện : anh dân Tchandala kia muốn con gái của một anh Brahmanes, mới cậy vua mình là Tricangku đến nói giùm. Vua Tricangku đến nói giùm thì anh Brahmanes tức giận đuổi Tricangku ra khỏi nhà và nói :

— Bọn bày ăn thịt chó mà sao lại dám mỡ miệng trèo đèo đến bực Brahmanes là người chuyên lo đọc niệm kinh Phệ-Đà (Védas). Sao bây lại dám xin hợp một vật quí báu vô cùng với một vật hèn hơn hết.

Vua Tricangku tức giận trả lời :

— Người Brahmane với người bực khác có khác nhau như ngọc với đá, như sáng với tối đâu ? Anh Brahmane không phải trên trời rớt xuống, hay là gió sanh ra, hay là dưới đất nẽ chun lên, hay là trong một thứ cây quí mà ra như lửa ở trong củi ra vậy.

Người Brahmane cũng ở trong tử-cung đàn bà mà ra, chẳng khác nào người Tchandala. Lấy đâu mà cho đó là quí hay hèn ? Khi người Brahmane chết, thì xác cũng hóa ra một vật dơ hèn kia ; lấy chi mà cho là khác nhau ?

Bởi thế, nên bọn Vaisyas với Sudras tức giận, oán ghét ; lắm khi lén bỏ thuốc độc xuống giếng của bọn khinh khi mình. Thành ra đâm heo, thuốc chó lúc ấy là việc thường ngày đều có.

Trọng thờ vàng bạc mà bỏ luân lý đạo đức. Con lấy mẹ, vợ giết chồng. Vua coi dân như mè để ép cho ra dầu mà dùng. Giàu khinh phụ nghèo như cỏ rát. Vìham vàng bạc mà con người không biết kính con người nữa. Ngó người máu mũ, da mũi như mình mà quên người ấy là đồng loại với mình, lại trở lại coi người như trâu ngựa kia để cày sâu, kéo nặng cho mình ; cho đến gần người đồng loại mà

cho là ô-uế, thì nhằm trong xã hội Ấn-Độ lúc ấy có ai khi người hơn người khi người đâu, có loại nào hèn cho bằng loại người đâu.

Sanh ra nhằm bực thấp thì phải chịu khổ nhọc, nhục hèn; còn sanh được bực cao thì lại mắc phải một cái phong tục kiêu căng nặng nề cho người rộng thấy, rộng suy hơn là một cái đời nhục hèn, lao khổ.

Rốt lại, dầu có giàu sang, kiêu căng cho mấy đi nữa rồi cũng phải xuống mồ. Trọng thờ cái xác thịt cho mấy rồi cũng phải thối như cứt, nát như tro. Có sanh thì có tử. Có cái xác thịt này thì mắc phải cái đau ốm, già cả, phải chịu sự chết nó xô đẩy mình xuống mồ. Lo cho nhiều, tính cho lung, mưu cho dữ, mê dâm dục cho lắm, hầm con cướp của người, rồi rốt lại chỉ còn một đống xương khô, ngó còn không ai muốn ngó.

Lại ai ai cũng phải mắc lắm cuộc bi ai. Cha chết, mẹ chết, vợ chết, chồng chết, con chết. Thương mà lìa thì than khóc, ghét mà hợp thì ganh thù. Ngàn ngàn cái khổ. Nước mắt của nhơn loại bấy lâu nay đựng hơn bốn biển.

Thế mà nhơn loại trong lúc sống đây, không được một chút gì dễ dãi với nhau, tỏ lòng biết thương nhau, thảm thương cùng nhau như bọn cùng mắc trên bè trôi, linh đinh ngoài biển, không biết đi đâu, mà cũng không biết trông mong đến đâu ?

Làm người là nặng nề u ám không thể nói được, mà bên Ấn-Độ lúc 2.500 năm trước là lúc Phật Thích-ca ra đời, con người lại đem nặng nề u-ám thêm cho con người nữa.

LỊCH SỬ VĂN HƠA ĐẤU TRANH DÂN TỘC

Nói đến lịch sử đấu tranh dân tộc Việt-Nam nói chung, nhà ái quốc tiền phong Nguyễn-an-Ninh nói riêng, chúng ta phải nhìn nhận suốt 80 năm dân tộc Việt-Nam tranh đấu không ngừng, những máu đỏ, xương khô trên giòng sông đất nước, hay dưới vùng đất lạnh quê hương, sự chết chóc, đóng góp cũng nhiều của những anh hùng tiền nhân dân tộc tranh đấu không ngừng, thêm vào máu xương chúng ta cũng không thể xem nhẹ những giòng mực đen tuôn đổ rất nhiều, qua những ngòi bút đóng góp của những nhà cách mạng ái quốc trong lĩnh vực mở mang dân trí, khêu nguồn máu nóng dân tộc như những Bình-Ngô Đại Cáo, chiếu Cần-Vương của vua Hàm-Nghi. Hịch Cần Vương thảo tặc của Văn Thân khởi nghĩa. Những áng văn cách mạng qua các phong trào Đông-Du ở Nhật và ở Tàu như Bài ca Á-Tế-Á, của Nguyễn-thiện Thuật, SONG-TUẤT-LỤC của Phan-sào-Nam, ghi chép lại cuộc khởi nghĩa Cần-Vương ở Nghệ-An, do hai lãnh tụ Mai và Tần vào khoảng năm 1884-1885, Song-tuất Phan-Sào-Nam viết bằng chữ Hán LƯU-CẦU HUYẾT LỆ TÂM-THƯ, đánh thức đồng bào, giác ngộ cách mạng do Phan-sào-Nam, VIỆT-NAM DÂN QUỐC SỬ, KHUYẾN QUỐC DÂN DU HỌC, hô hào thanh niên du học Nhật bản, các nhà giàu có giúp tiền thanh niên, có những câu khiêu gợi lòng căm thù với ngoại xâm như :

« Hỡi ôi ! đứng trên Côn-Nôn mà trông về Bắc, » bên phía Cửu-Long mà ngó về Đông, giang san Việt-Nam còn đâu

nào ? (Ô hồ ! Côn-Nôn bặc vọng, Cửu-Long đông cổ ; ngã quốc giang san yên tại tại ?).

HẢI NGOẠI HUYẾT THƯ, một bức thư từ hải ngoại gởi về nói lên cái thảm trạng của người dân mất nước, và hô hào dân chúng vùng lên chống Pháp, của cụ Phan, bằng chữ Hán mà chí sĩ Lê Đại (chí sĩ thật một trăm phần trăm) đã dịch ra bằng tiếng quốc ngữ :

« Người nước ta lạ là rất lạ ?

« Nông nỗi này nghĩ đã biết chưa ?

« Hoy là ngơ ngẩn, ngẩn ngơ

« Hoy còn hờ hững như trò chuyện chơi

« Lời huyết lệ gởi về trong nước,

« . . . . . .

« Một là vua, việc dân chẳng biết

« Hai là quan chẳng biết dân,

« Ba là dân chỉ biết vì dân,

Mặc quân với quốc, mặc thần với ai...

Việt-Nam nghĩa liệt sử, VIỄN HẢI QUY HỒNG và TẢNG HẢI LỆ ĐÀM, của Nguyễn-thượng-Hiền tự Mai-Sơn, viết bằng chữ Hán năm 1907, tại Đông-Văn-thư viện (Nhật), ÁI QUỐC-CA với những câu «NAY TA HÁT MỘT CÂU ÁI QUỐC, YÊU GÌ HƠN YÊU NƯỚC NHÀ TA.. ÁI CHỦNG CA : GIỐNG TA TA PHẢI YÊU NHAU.

ĐƯA LỜI ÁI CHỦNG MẤY CÂU GIẢI LÒNG,

HAI MƯƠI TRIỆU HỌ ĐỒNG-TỒNG
DA VÀNG MÁU ĐỎ CON DÒNG HÙNG-VƯƠNG...
ÁI QUẦN CA : ÁI QUẦN CA, TA CA CHO NHỊP
BẠN BÀY MÌNH PHẢI BIẾT THƯƠNG NHAU
ÁI ĐOÀN CA : LÒNG TA YÊU LẤY ĐOÀN TA
ÁI ĐOÀN XƯỚNG MỘT BÀI CA GIẢI LÒNG.....

Chinh-Khí-Ca của Nguyễn-văn-Giai, nội dung nói lên cái tiết tháo của Hoàng-Diệu chí sĩ tuẫn tiết ngày Hà-Nội thất thủ (1882) lòng cảm hờn của nhân dân.

HẠNH-THỤC-CA, do nữ sĩ Nguyễn [illegible] tự Lang-Hoài, người huyện An Phúc, tỉnh Ninh-thuận, nói lên cảnh nước mất nhà tan, bị ngoại bang xâm chiếm, đàn áp sau khi biến cố năm Ất-Dậu, Hàm-Nghi bỏ chạy, kinh đô thất thủ NHÂN-ĐẠO-HỒN, sách nói tinh thần đoàn kết nhân đạo thì tồn tại, chia rẽ tàn bạo thì chết. HÀ-THÀNH LIỆT-SĨ TRUYỆN, kể lại vụ khởi nghĩa bỏ thuốc độc cho quân lính Pháp. BÌNH TÂY KIẾN QUỐC HỊCH, một bài hịch kêu gọi toàn dân đứng lên làm cách mạng, đánh đổ đế quốc Pháp kiến thiết Việt-Nam với một chính thể Dân chủ. Y-HỒN ĐƠN một bài thuốc chữa người dân nào còn trong mê muội. THIÊN HỒ ĐỀ HỒ có nghĩa là TRỜI ƠI ! ĐẤT ƠI ! nói lên những thủ đoạn của chính sách cai trị Pháp, như : LỢI DỤNG TÔN GIÁO ĐỂ CHIA RẼ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN DÙNG PHÁP LUẬT, QUÂN ĐỘI, NHÀ LAO, ĐỂ KHỦNG BỐ DÂN CHÚNG KHÔNG DÁM NỔI DẬY LÀM CÁCH MẠNG v.v... Nhiều ca trù, bài báo, những sách vở

sáng tác, bằng những tư tưởng hùng tráng, kêu gọi cổ xúy dân làm cách mạng, chống xâm lăng. 80 năm tranh đấu liên tục không ngừng từ Bắc-Trung, tới miền Nam của những bậc danh sĩ, tiền bối cách mạng.

Những thanh niên, với nền học vấn mới, được xuất ngoại cũng đóng góp tiếp vào như Phan-văn-Trường cùng nhóm anh em du học sinh, nhứt là với Phan-chu Trinh soạn quyển NGUYỆN VỌNG CỦA DÂN-TỘC VIỆT-NAM, theo sau sự đề xướng của VILSON, Tổng-Thống Hoa-Kỳ : thuyết dân tộc tự quyết. Quyển sách này đòi Pháp trả quyền độc lập lại cho Việt Nam, nhưng Pháp không đếm xỉa gì tới. Quyển VỤ ÁN CHÁNH SÁCH THỰC DÂN PHÁP (Procès de la colonisation) do nhóm thanh niên ấy gây được một chút ảnh hưởng trong dư luận người Pháp.. Tờ Việt-Nam-Hồn (LE PARIA), tờ báo chống Pháp đắc lực tại Ba-Lê lúc đó, có Nguyễn-Ái-Ninh trong ban biên tập, được nhân dân Việt Nam ủng hộ, hoan nghinh nhiều.

Đây, nhận thấy sự mở mang dân trí, sự nung lòng ái quốc nhân dân, không gì bằng sách báo, bằng những cuộc nói chuyện, sự gần gũi với họ, nên khi về nước là một mặt lên diễn đàn hết nói đến CAO VỌNG CỦA THANH NIÊN, đến CẦN CÓ MỘT NỀN QUỐC HỌC, thêm vào viết báo, xuất bản sách, chính Ninh đi sâu vào giới bình dân, hạ tầng phổ biến, những bài giá trị cắc nghĩa theo khoa học cho dân đừng quá mê tín, dị đoan, làm lãng mất lòng ái quốc, chống ngoại bang, như bài SAO CHỔI, BIỂN, dưới đây :

SAO CHỔI

Con người hễ quen thì không bỡ ngỡ hay là sợ. Dầu cọp mà thường gặp, cũng bớt sợ. Các ông tây vô nhà quê

dân trong quê hay sợ, là vì ít hay gặp người râu ria, mắt xanh, mũi nhọn. Ấy cũng vì thói quen cùng không.

Trăng tròn, trăng khuyết, nguyệt thực, nhựt thực, sao xẹt, ta thường thấy nên bao giờ trăng khuyết hay là có nguyệt thực, sao xẹt thì ta không lo sợ hay lấy làm lạ. Trong nhà quê xứ ta, nhiều chỗ thấy sao xẹt lớn, đuôi dài, nói là Bà Giản hạ. Bên Ấn-Độ hễ thấy nguyệt thực thì la vang và đánh đồng-la cho mặt trăng nhả mặt trời, sợ nó nuốt luôn đi, không dè là không cần la, một lát nó cũng phải nhả. Nhưng đời này trong xứ ta, cũng ít ai lo sợ vì trăng khuyết, vì nguyệt thực, hay vì sao xẹt. Song mỗi lần có sao chổi hiện ra, thì trong dân sự còn phần sợ hải, phần thì xôn xao rộn rực. Vì sao chổi là ít có, hình dạng, ánh sáng khác hơn các thứ sao. Người không tin rằng sao chổi đem điềm tai họa thì cũng đêm khuya ráng thức coi chơi cái sao lạ thường.

Con người, lúc còn dã man, sợ cọp, sợ cướp, sợ giặc. Cái lo sợ nhiều quá, nó nhiễm vào đầu; đến lúc xã hội văn minh rồi thì ại có phần lo sợ cực khổ, tai họa, nó làm cho con người lo sợ về ngày mai mãi. Xét về cái đời tư của con người thì sự lo buồn là nhiều sự vui mừng là ít. Xét về cái vận mạng của dân, bất lựa là dân ngu như dân ta hay là dân trong xã hội sắp đặt sẵn như nước Pháp, thì cái phần vui sướng lại chẳng có chút nào, còn phần lo sợ cho ngày mai no cơm ấm áo, hoặc sợ cướp, sợ lụt bão, lại là lớn lắm. Nên trong xã hội, hay là trên trời, nếu có hiện ra điều chi lạ thường, thì dân không bàn rằng mình sẽ gặp vui, lại chỉ bàn về đường tai họa mà thôi. Bởi vậy cho nên sao chổi, vì nó là một cái sao lạ thường, nên dân ta thấy có sao chổi thì kinh sợ, tai nạn to nó đến cho nước, hoặc bão, hoặc lụt, hoặc nạn, hoặc rối loạn trong nước.

Cái sợ ấy chẳng phải có một mình dân ta có. Dân Tàu, dân Ấn-Độ, dân Âu-Tây, trong nhơn loại dân nào cũng tin rằng sao chổi hiện ra cho hay trước những điều tai họa lớn sẽ đến. Và cho đến, các anh thiên-văn khi xưa cũng là không biết rõ sao chổi là gì, ở đâu hóa ra, ở đâu mà đến, rồi lại đi đâu ? Có anh bàn rằng sao chổi là hơi đất, hơi đá, hơi cây cỏ của trái đất này bay lên trời đụng nhằm từng lửa mà cháy sáng hóa ra sao-chổi. Có anh tin dị đoan như dân, bàn rằng sao chổi là hồn của các bực thánh nhơn giận bỏ trái đất này bay tìm cảnh khác. Nên hễ hồn thánh-nhơn giận bay đi nơi khác, trái đất không ai dìu dắt, phải bị những tai họa to. Dân các nước văn minh bên Âu-Tây, từ đời đức Chúa Gia-Tô cho đến thế kỷ thứ 18, hễ thấy sao-chổi hiện ra trên trời thì bàn là gần tận thế. Người thì nói sao chổi là cây đao của trời để phạt nhơn loại. Người lại nói, thấy có mặt ma, mày quỉ trong đuôi sao chổi. Người thì bàn vận nhà vua đương thời gần cùng. Cái sao chổi năm 1910, sáng như trăng, dài vắt vang từ khỏi nóc nhà cho đến nữa trời, làm cho dân ta lo sợ một lúc. Sợ tai họa đến cho nước nhà ta. Năm sau Tàu nổi loạn thì mới bàn rằng cái sao-chổi ấy đem điềm về vận mạng nước Tàu. Muốn cho trong dân thấy sao chổi hết sợ, thì phải tìm cho ra sao chổi là gì ? Ở đâu hóa ra, ở đâu đến, rồi đi đâu. Phải cho dân biết rằng sao chổi xây dẫn trên trời cũng như trái đất xây vòng theo mặt trời, như trăng xây vòng theo trái đất vậy. Xây đúng giờ đúng lệ chớ chẳng phải hóa biển như ma. Ngày nay ta biết hễ mặt trăng, lúc xây vòng theo trái đất, mà đi ngang trước mặt trời thì án mặt trời đi, làm cho ta thấy như là mặt trời bị mặt trăng ăn, ngày nay ta thấy nguyệt thực, nhựt thực, không còn sợ dại như dân Ấn-Độ nữa. Các anh thiên văn tính biết ngày nào, giờ nào có nguyệt thực, có nhựt thực, không có mấy anh thiên-văn tìm ra góc, và tỉ như trăng ba mươi năm

khuyết một lần, thì có lẽ trong dân, mỗi khi trăng khuyết, bàn là trăng bị chi ăn mòn đầy.

Nghĩ rằng hễ biết rõ thì hết tin quấy, nên Newton, là một tay thiên-văn danh tiếng người Anh, thừa dịp năm 1680 có một cái sao chổi to hiện ra, mới quyết tìm cho ra cái đường đi của cái sao chổi ấy. Anh ta cùng với người giúp việc rất yêu thiết của mình là ông HALLEY, tính ra cái đường sao chổi ấy đi. Mới biết cái đường ấy như cái vòng thuẫn dẹp. Ông HALLEY, tìm ra điều ấy, thích ý mới ngã về tìm học sao chổi. Ông tìm ra rằng cái sao-chổi hiện ra năm 1531, với cái sao chổi hiện ra năm 1607, là một cái. Nên nói rằng chắc cuối năm 1758, hay là bước đầu năm 1759, là 76 năm sau thì cái sao-chổi ấy trở lại nữa. Sau hai ông thiên-văn CLAIRANT và LALANDE, và bà HORTENSE LEPAUTE, quên ăn, quên ngủ chăm chỉ trọn sáu tháng trời, tính ra rằng qua tháng tư 1759, thì cái sao chổi năm 1607 sẽ trở lại. Ba người ấy nói nếu tính có trật trong một tháng thôi. Quả thật, qua ngày 12 tháng ba (Mars) năm 1959 thì có sao chổi ấy trở lại, y như lời tiên tri.

Từ ngày đó mới biết chắc rằng sao chổi cũng xây vòng theo mặt trời, xây đúng giờ khắc như trăng xây theo trái đất, như trái đất xây theo mặt trời vậy. Từ đây dân Âu-Tây thấy sao chổi mới hết lo sợ nữa.

Ngày nay những thầy thiên văn biết chắc rằng sao chổi là như một đống bụi sao mới tom lại, chưa đông đặt lại như trái đất. Mấy cái sao chổi ta thấy từ xưa nay đều là đi vòng mặt trời. Nhưng mà mặt trời nằm xéo trong góc của vòng ấy, chớ chẳng phải nằm giữa như nằm giữa vòng con đường trái đất ta đâu. Cái vòng mà sao chổi đi theo ấy mà lớn thì sao chổi đi lâu lắm mới trở lại, còn như nhỏ thì đi mau. Nên cái sao chổi như cái sao của ông ENCKE tìm được thì đi có ba năm trở

lại. Cái sao chổi của ông HALLEY tìm ra là cái sao ta thấy năm 1910, lại đi 76 năm thì hết vòng. Có cái đi lâu hơn hai ngàn năm.

Cái đuôi sao chổi với hơi nóng của mặt trời khác nhau nên hơi khi trong sao chổi xẹt ra một đường sáng.

Có khi sao chổi lúc đi gần mặt trời bị sức nóng quá, đứt làm hai như cái sao chổi năm 1745, hóa ra hai cái, lần lần xa nhau. Hai cái sao này có lẽ bị phá nát ra nhỏ nữa, làm cho trong năm 1872 với năm 1885, trên trời sao xẹt như mưa. Năm 1872 ông thiên văn tây CAMILLE FLAMMARION, khi ấy sang chơi xứ Ý-ĐẠI-LỢI, ở lại thành ROME, ông nói sao xẹt đỏ như mưa từ bảy giờ tối đến một giờ sáng.

Khoa-học tìm ra gốc sao chổi, phá được một sự dại lớn của nhơn loại. Nên nói khoa học phá đi đoan mê tín là đúng lắm.

Như trên tôi đã nói, muốn mở mang dân trí, cổ xúy người dân ái quốc, cách mạng, biết quyền dân của mình chẳng gì hay bằng lời văn, bằng sách báo, bằng lời thơ như các nhà cách mạng tiền bối đã làm và thành công, nên ngày nay VIỆT-NAM chúng ta mới được tự cường, độc lập dân-trí càng ngày càng tiến bộ không ngừng.

Một bài văn ý nghĩa thâm trầm, hay một bài thơ đánh trúng tiềm thức người đọc thì nó làm cho người ta nhớ mãi trong đời, nhớ những lời đanh thép, hùng tráng, hay những cái phủ phàng áp chế của người quyền thế.

Thủa nhỏ, lúc còn đi học tôi thích đọc nhiều văn, thơ của nhiều nhà cách mạng, thích, phục họ tới thuộc lòng

không hay, và mãi cho tới ngày nay, còn ghi rõ trong đầu óc. Như bài thơ của Sào-Nam Phan-bội-Châu dưới đây, than thở, tức giận thân phận người dân nhược tiểu bị áp bức, tra khảo, đánh đập, cầm tù, buồn tức rồi Cụ buồn «NÓI CHUYỆN VỚI BÓNG»

Đêm thơ thẩn, mình ngồi với bóng,
Hỏi thế, tình bóng vẫn làm thinh,
Trên trăng, dưới bóng giữa mình,
Thôi thì với bóng tự tình vân vi
Khen cho bóng thiệt hay hay dở
Chưa dứt câu đà mở miệng rồi,
Rằng ai? như nghĩa ông tôi,
Khi đi, khi đứng khi ngồi có nhau,
Sao ông cứ hình dung buồn bã
Khiến cho tôi rầu rã vì ông
Điều gì uất kiết ở trong
Xin ông kể hết nỗi lòng tôi nghe
Ừ muốn nói nhưng e đêm vắng
Lời quá dài thêm bận lòng người
Lạ lùng cho mụ bà trời
Thình lình đẻ rớt một người là ông
Òa một tiếng non sông nứt nở
Nòi rồng tiên, xin kể một người
Sáng đôi mắt, tỏ đôi tai,
Khuôn thân bảy thước khá dài, khá to,

Đầu óc cũng tròn vo, sâu hoắy
Rân mày xem, dáng thấy nam-nhi
Mỹ-Âu đất há chật gì?
Tính cờ sinh ở Trung-Kỳ Việt-Nam
Sao chẳng điếc, chẳng câm cho rảnh
Sao hay mang, hay gánh hoài hoài
Chân không sao dám đá trời
Tay không sao dám, lấp vời, dời non?
Lưỡi khua mõ không mòn sao nhỉ
Ruột quặn tơ, chẳng nghĩ vì sao?
Gan đồng xương thép thế nào
Đành cho muôn sắt bắn vào bia thân
Sao mãi mãi phong trần không đã
Mà gan vàng, dạ đá trơ trơ?
Ích gì nghĩ vẩn, nghĩ vơ,
Nghĩ mình, mình luống ngẩn ngơ canh dài
Chẳng ích gì mà hay làm mãi
Làm mãi sao chẳng cái chi thành
Tội ai? hay tội tại mình?
Tội mình hay cũng sự tình tại ai?
Bóng nghe nói thở dài rồi nói:
Bởi đầu đuôi, thưa tội tại ông
Miệng đời độc ngọt, gian nồng,
Ai hay lừa gạt mà ông nghe liền
Ông xem xét sao nhiều hờ hững
Việc trăm năm tưởng những rày mai
Lòng ai ông tưởng như ai

Biết đâu rắn rít chông gai đầy đường
Người khôn khéo, ông càng sưa vụng
Trước đây ma, phun giọng Phật linh
Ngu sao, chúng trọc mình thanh
Cuồng sao chúng tỷ, mình tỉnh mà gì
Ông chẳng thấy đời này danh giá,
Chẳng gì hơn xa mã, lầu cao
Ngon cơm tốt áo là rồi
Ai còn tưởng đến việc ngoài thân gia
Dầu lịch sử ông cha, thây kệ,
Nhục hay vinh họ kể gì đâu
Ích gì ông cứ bo bo
Trong thiên hạ kẻ rất ngu ai bằng !
Ông thử dắt nàng trăng xuống hỏi
Xem như lời tôi nói phải không ?
Nghe lời lòng lại dặn lòng
Đã xe trước đó, còn mòng xe sau
Bóng hỏi bóng cùng nhau tính rốn
Rồi sau này càng bạn tri âm
Nàng trăng vừa ẩn non Tây
Trời đông lừng lựng lại mầy với ta.

Hay là : » DẬY ! DẬY ! DẬY !

« Bên ấn một tiếng gà vừa đó
Chim trên cây vừa ngỏ ý chào mừng

Xuân ơi ! xuân có biết chăng?
Thẹn càng sống, buồn càng núi, tủi càng trăng
Hai mươi năm lẻ, biết bao nỗi, đã từng chua, với chát.
Trời biển may còn thân sống sót
Tháng ngày khuây với bạn đầu xanh
Tiưa các cô, các chị lại các anh
Trời đã mới, người càng thêm mới mới..
Dương mắt thấy rõ ràng tân-vận-hội
Xúm tay vào ta xốc nổi cựa giang sơn
Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan
Giáy đoàn thể kiếp ghe phen thành nghiệp mới.
Ai hữu chí xin từ đây gắng-gỏi
Chị lớp xưa mà tu dưỡng lấy tinh thần
Chẳng thèm ăn, chẳng thèm mặc, chẳng thèm chơi,
Đúc gan sắt sẽ dời non lấp biển.
Sôi máu nóng rửa bớt dơ nô lệ
Mới thề này là mới hỡi chư-quân..
Chữ rằng : NHỰT NHỰT TÂN, HỰU NHỰT TÂN.

Một bài thơ là một hồi trống giống thức tỉnh của người cách mạng từ miền Trung, cụ Sào-Nam Phan-Bội-Châu, với nhân dân khắp ba miền. Ở miền nam, thì Ninh không kém gì, cũng noi gương ái quốc, ái quần của tiền nhân cách mạng đàn anh, viết nhiều loạt bài gây sóng gió với thực dân, để bình vực nhân đạo, nhân quyền, đả phá bất công xã hội, phổ biến đòi hỏi dân quyền, dân chủ, tự do.

Từ trên mặt báo Cloche Fêlée (Chuông Nứt) đến tờ La Lutte (Tranh-Đấu) Ninh, Thâu, không ngớt kêu gọi, tuyên truyền hết bằng tiếng Pháp, qua tiếng Việt.

Debout, debout ! les damnés de la terre !
Debout les forçats de la faim !
La raison forme en son cratère
C'est l'éruption de la fin.
Du passé faisons table rase
Foule esclave, debout ! debout !
Le monde va changer de base
Nous ne sommes rien, soyons tout
C'est la lutte finale
Groupons nous et demain

Sera le genre humain...

Đứng lên, đứng lên ! hỡi ai nô lệ trên hoàn cầu
Đứng lên ! hỡi ai cực khổ lầm than
Sục sôi nhiệt huyết nay đã chứa chan rồi
Ra chết sống phen này mà thôi
Chế độ xưa ta mau phá sạch tan tành
Đoàn nô lệ, đứng lên ! đứng lên !
Nay mai cuộc đời sẽ đổi ra mới mẻ
Bao nhiêu quyền lợi sẽ qua tay mình
Đấu tranh này là trận cuối cùng
Đoàn kết lại để rồi đây
Sẽ là xã hội tương lai

TỪ CUỘC KHÁNG THUẾ ĐÌNH CÔNG

ĐẾN «DÂN QUẠ ĐÌNH CÔNG»

VỚI BA NĂM TÙ Ở CỦA PHAN KHÔI

VỀ BÀI THƠ NÀY

Năm 1908, vì sự sưu cao, thuế nặng, lại có tục bắt làm xâu cực khổ nên dân Quảng-Nam nổi lên phong trào chống đối, đình công, kháng thuế, làm xâu. Nhiều nhân sĩ nông dân bị bắt đánh đập tù đày, từ khám tỉnh tới Côn-Nôn, nhiều người bị giết chết một cách quá ư là tàn nhẫn.

Như trường hợp Trần-quý-Cáp, hiệu Thái-Xuyên, bạn đồng niên với Huỳnh-thúc-Kháng, người làng Bát-Nhị, tỉnh Quảng-Nam, đỗ Tấn-Sĩ khoa Giáp-Thìn (1904), cũng bị bắt vào năm này, vụ này bị lãnh án tử hình.

Trần-quý-Cáp, bình sanh công học đường rất dày công luyện tập, một lời nói, một tiếng cười cũng giữ gìn chính đáng. Các bạn của ông đều kính nể, ai ai cũng cho ông là một bậc học giả uyên thâm, Thích đọc sách Khương-hữu-Vi, Lương-khải-Siêu, say mê thuyết tự do nhân quyền.

Khi làm Giáo-Thọ Phủ Thăng Bình vào năm 1907, lo mở mang dân trí bằng cách mở học đường, thương hội, thường diễn thuyết cổ xúy dân chúng nên theo cái học mới, và bài xích cái học khoa cử, cần hấp thụ cái văn minh mới của Âu-Châu bốn bể.

Vì đó, nhóm cựu học: nhứt là các quan tại triều đình Huế ghét thù, mới cho đổi vào Khánh-Hòa. Cho đi xa, đừng ở quê nhà là Quảng-Nam mà phá rối Nam-Triều.

Đến khi phong trào xin xâu, kháng thuế ở Nam-Nghĩa khởi lên, người ta bảo do Trần- Quý-Cáp xách động từ trước, giờ mới nổ bùng. Và từ đó bị bắt giam liền ở Nha-Trang.

Quan tỉnh Khánh-Hòa tra hỏi, Trần-Quý-Cáp bất khuất không chịu khai gì cả. Án sát tỉnh ấy, ghét tính ngạo mạn của Cáp, buộc tội kết án Cáp: ÁN MẠC TU HỮU CƠ có nghĩa là «NGỤC BA CHỦ MÀ TẦN CỐI GIẾT NHẠC-PHI, KHÔNG CẦN CÓ TỘI DANH GÌ» để đưa ngay Trần-quý-Cáp lên đoạn đầu đài. Sĩ dân trong nước lúc đó đều thương tiếc, căm hận kẻ độc ác, bất nhân.

Huỳnh-thúc-Kháng, lúc bấy giờ đang nằm trong ngục tù Quảng-Nam, có khóc Cáp một bài thơ như vầy :

Gươm, sách xâm xôm tách dặm miền.
Làm quan vì mẹ, há vì tiền (1)
Quyết đem học mới thay nô-hiệp
Ai quyết quyền dân nảy họa nguyên
Bồng đảo gió chưa đưa giấc mộng (2)
Nha-Trang cồ đã khóc hồn thiêng
Chia tay, chén rượu còn đương nóng
Đà Nẵng đưa nhau lúc xuống thuyền

1.— Nhà nghèo, còn một mẹ già

2.— Vì bực chế độ ngu dân, dày dân, toan động độ, nhưng vì còn mẹ già, buộc lòng phải ra làm quan, phải khuất phục chính quyền hiện tại.

Cũng vào năm 1908 nầy, vì một bài thơ, nói lên cái thống khổ của người dân trong cảnh sưu cao, thuế nặng, mà Phan-Khôi phải ở tù ba năm. Chẳng còn mấy ai biết đến, nhắc nhở bài thơ độc đáo, xác thực, ghi một giai đoạn lịch sử đau buồn, khi quê hương bị gót dày ngoại bang dô hộ, xâm chiếm. Tác giả sau nầy là một nhà văn khét tiếng từ Nam-Trung-Bắc vì cái LÝ LUẬN của ông ta, tới mùa TRĂM HOA ĐUA NỞ ở miền Bắc, thời Hồ-chí-Minh «PHAN KHÔI», nhà văn lão thành, điêu luyện, chẳng ai không biết và không nhớ sự nghiệp văn chương của ông. Nhưng người ta chỉ nhắc đến bài thơ TÌNH GIÀ một điệu thơ mới của ông.... Còn bài « DÂN-QUẠ ĐÌNH CÔNG.... Không một sách báo nào biết đến.

Ông Phan-Khôi, thời đó còn là một nho sĩ, chưa tên tuổi, thấy sự kiện đau lòng, tức tối, nhưng chẳng biết làm gì, nói gì, nên tức sự tình làm một bài thơ đăng báo mỉa mai sự kiện ấy, Bài thơ có cái «DÂN QUẠ ĐÌNH CÔNG» sau khi đăng tải lên rồi, ông bị bắt cầm tù, cũng khá lâu, giam chung một khám với Huỳnh-thúc-Kháng và rất nhiều nhân sĩ cách mạng.

DÂN QUẠ ĐÌNH CÔNG

Mồng bảy, tháng bảy năm Canh-Thân
Chiếu lệ bắt cầu qua sông Ngân
Hằng hà sa số cu-li quạ
Bay bổng về trời dường chảy quân
Hai bên bờ sông đậu lốc ngốc
Con thì kêu đói, con kêu nhọc

Bỗng nghe lịnh trời truyền khởi công
Nào con đầu cúi, cọn lưng cong
Thêm thầy Lý-Bẻo đứng coi việc
Đụng đâu đánh đó, như bao bông

Ngán cho cái kiếp làm dân thiệt
Làm có ăn không, chết cho chết!
Cắn cỏ kêu Trời, Trời chẳng nghe
Một con bay lên đứng diễn thuyết (1)
Hỡi đồng bào nghe tôi nói đây:
Dân quyền thạnh nhất là đời nay
Việc mà chẳng phải việc công ích
Không ai có phép đem dân đày
Trối kệ Hoàng-Ngưu với Chức-Nữ
Qua được thời qua không thời chớ!

Quốc dân ô thước tội tình gì?
Mà bắt xâu bởi làm khổ sở
Anh em ta, hè, về quách thôi!

Luôn thề kéo nhau vào cửa trời
Đụng trống đăng-văn, ầm đế tọa
Ngai vàng bệ ngọc rung rinh rơi

Nghe tin dân Quạ nổi cách-mịnh

---

1. — HUỲNH-TẤN là một nông dân đứng đầu, diễn thuyết chống thuế nặng, lại làm xâu bị Pháp hạ sát. Có Trương-Tuẩn làm bài văn truy điệu rất hay thời bấy giờ.

Đường sá xa xuôi, việc nặng nề
Phần lũ con thơ, ở nhà khóc
Trời sai Thiên-Lôi ra thám thính
Đầu đen, máu đỏ quyết hy sinh
Ngừng búa Thiên Lôi không dám đánh
Năm mây bỗng thấy chiếu trời ra
Đánh chữ đại-xá trời ban tha
Dân quạ ở đâu về ở đó
Từ nay khỏi bắc cầu Ngân-Hà

Ờ té ra :

Mềm thì ai cũng cắn
Rắn thì trời cũng nhả
Hàng hà sa số cu-li quạ
Bay về hạ-giới kêu KHÁ ! KHÁ !

Mấy câu kết bài thơ, thật là hay là cứn rắng»

«*Mềm thì ai cũng cắn*
«*Rắn thì trời cũng nhả.*

Thật đúng là *lý luận Phan Khôi.*

Và sau này vì cái *lý luận* ấy mà Phan-Khôi bị gởi đi *Tây Nảo,* đến uất hận mà chết sớm. Tiếc thay!...

Lúc ở tù (1908) cùng khám với Huỳnh-thúc-Kháng, khi cụ Huỳnh bị đày đi Côn-Nôn, Phan-Khôi có mấy bài thơ

tứ tuyệt tiền cụ rất xuất sắc. Chính cụ Huỳnh có lời khen Phan-Khôi trong quyển «*Thi-Tù Tùng Thoại*»

BỐN BÀI TỨ TUYỆT CỦA PHAN-KHÔI

Nhân sanh khởi tất trường tương tụ
Lưu lạc cùng sầu diệt phục giai
Tống biệt tự do quyền hạng tiểu
Ngục đình thốn bộ tức thiên nhai

II

Bất ngôn thứ khứ vị thương sanh
Chỉ vị ưu thời thụ trọng danh
Tiền lộ tương phùng ưng nhứt tiếu
Thiên nhai bất dụng khấp tàn đình

III

Khứ hỷ chư công hà sở tư
Thiên thu Hồng Lạc hữu dư bi
Thái bình dương ngoại ba thiên khoảnh
Hụ nhập Côn-Lôn đảo thượng thi

IV

Lan tồi hạc khứ lưỡng du du,
Thương hải mang mang hậu tử ưu
Chỉ hiệp mộng hồn vô quí tạc
Tiện hoành đông hải khẩn tây lưu

PHIÊN DỊCH

Sa-đéc
Monday, March 20, 2017

I

Người đời há phải hợp nhau hoài
Lưu lạc cùng sầu gẫm cũng hay
Tống biệt tự do, quyền hạn hẹp
Sân lao nửa bước, cách trời mây!

II

Đi này không nói vị thương sanh
Vì bởi lo đời mắc chữ danh
Ra đấy, một cười khi gặp chắc
-chỉ cụ Tây-Hồ ra trước-
Thiên nhai mựa rước lệ Tân-Đình

III

Việc gì? đi vậy hỡi chư tôn?
Hưng-Lạc ngàn thu lắm vẽ buồn
Ngoài biển Thái-Bình muôn lớp sóng
Có hồi tiếng dội dậy Côn-Lôn

IV

Lan khô, hạc tách rẽ giây sầu
Biển cả mênh mông gánh kẻ sau
Ước đặng mộng hồn kì ông hồ thẹn
Biển đông ngồi ngắm chảy sang Âu

Hai câu «*TỐNG BIỆT TỰ DO, QUYỀN HẠN HẸP,*
SÂN LAO NỬA BƯỚC CÁCH TRỜI MÂY»

Thật là chua chát làm sao. Cái tự do mà người đời ưa thích, mà buộc lòng phải tống biệt đi, vì thực dân cướp mất cái tự do của những người dân thuộc địa biết yêu nước, mến nòi. Phan-Khôi, ít làm thơ, nhưng khi làm thơ thì giọng cứng rắn, xác thực, như những lý luận của ông trên văn đàn, không bay bướm, ủy mị như thường tình các nhà thơ khác,

Nhờ bài thơ DÂN QUẠ ĐÌNH CÔNG mà nhân sĩ, dân chúng khâm phục Phan-Khôi, và vì bài thơ này mà cụ bị vào tù hết ba năm.

Đấy, văn thơ, sách báo ảnh hưởng rất sâu rộng vào quần chúng là thế. Vì đó, Nguyễn-an-Ninh bước đầu ra mắt nhân dân với mấy lần diễn thuyết ở hội Khuyến Học, sau đến viết báo, viết sách, đi phổ biến vô nông thôn là giới rất kém cỏi hiểu biết, học thức thời đó. Những bài QUYỀN LÀM CHỦ, CHO VAY, TẤT ĐẤT NGỌN RAU, ƠN CHÚA, LE CONTRAT SOCIAL của J.J. ROUSSEAU «DÂN ƯỚC, TÔN GIÁO, HAI BÀ TRƯNG, sau đến tờ LA CLOCHE FÊLÉE (CHUÔNG NỨT) được dân chúng hoan nghênh nhiệt liệt, mở mang đầu óc, đi tới một cuộc cách mạng có nhiều kết quả cho đến ngày nay.

Những bài sách báo ấy, chúng tôi xin trích đăng tất cả ra đây, để cùng tưởng nhớ người anh hùng dân tộc, khai mào ái quốc cho dân chúng miền Nam yêu thương của chúng ta. Loại bài này giúy cho dân chúng nông thôn, giới thợ thuyền lao

động được thấy xa hiểu rộng, biết cái quyền làm dân của mình đến giới bực nào, các bạn đọc qua, sẽ nhận thấy rõ, sự thiện chí, vô biên của nhà ái quốc, sự hy sinh ấy trong giòng sử đấu tranh Việt-Nam, với con đường mang tên Nguyễn-an-Ninh, để ghi nhớ, tưởng niệm cho hậu sanh.

Bài LÀM CÔNG, thì thường tình người dân chất phát ít học, đi làm công, tức là đi làm mướn, lãnh tiền lương ngoài ra chẳng hiểu rõ tinh tường cái vai tuồng làm công của mình là thế nào, cái quyền của người làm công quan hệ cho chủ nhân, làm giàu cho cơ xưởng đến bậc nào, nên thường bị thực dân bốc lột, đàn áp mà không biết đòi hỏi hay phản kháng. Vì Việt-Nam chưa có đoàn thể, liên đoàn, hội hiệp thời bấy giờ.

LÀM CÔNG

Một người làm chủ có ba cách dùng của mình, một là tiêu dụng, hai là cho hay bán, ba là cho mướn hay là cho mượn. Còn một cách dụng khác đối với xã hội có quan hệ nhiều lắm, là làm cho sanh sản, nghĩa là làm cho của vật ấy sanh thêm của vật nữa ; như dụng cái vườn để trồng rau trồng cây sanh trái, chớ không phải để trồng hoa trồng kiển chơi ; như dùng chiếc thuyền để câu cá, đem về ăn hoặc bán chớ không phải dụng nó để chiều chiều thả trôi theo mặt nước mà hưởng phong cảnh đâu ; còn như tiền bạc, thì hoặc dùng mà lập tiệm buôn, hoặc đặng mua ruộng, chớ không phải ăn tiêu nó đi.

Mỗi khi ta dùng của vật chi đặng cho nó sanh thêm của vật nữa, thì ta kêu của vật ấy là cái vốn.

Nhưng mà đặng cho cái vốn sanh thêm của vật nữa, thì phải có công lao của người giúp mới là sanh được.

Cũng có khi cái vốn tự nó mà sanh thêm của vật mới, như trứng gà để ấp, như vị thuốc quí để lâu năm. Trong cái hữu dụng và cái đức riêng của vật, thì cái phần của tạo hóa nhiều lắm, mà trong cái giá vật, thì cái phần công lao của người lại lướt cái phần của trời đất đi.

Lúc người làm chủ muốn cho cái vốn sanh lợi thêm mà chỉ nhờ công lao của mình thôi, như anh làm ruộng cày đất của mình, như anh đi câu dụng thuyền của mình mà đi câu, thì trong xã hội không có sanh điều cải đổi với nhau về cách dụng của vật ấy; nhưng mà nếu miếng đất rộng quá một người cày không hết thì người làm chủ phải mướn người giúp mình. Nếu thuyền của anh thợ câu rộng lớn mà anh thợ câu lại muốn câu cá cho đầy thuyền, thì phải có một người cầm lái, một người quăng chài.

Sức lực con người có mực, dầu mình siêng năng cho mấy cái lực của mình cũng không qua nổi cái mức ấy được. Nếu có người cho mình một triệu bạc, biểu làm cho triệu bạc sanh lợi thêm mà buộc lại mình không được nhờ ai hết, thì mình không dám nhận lãnh triệu bạc ấy. Thế thì người có vốn to nếu muốn cho vốn của mình sanh lợi thêm, thì phải nhờ công lao của kẻ khác; mà công lao của kẻ khác không phải là cho không đâu. Người chủ phải lấy một phần huê lợi, như anh làm ruộng thì phải lấy một phần lúa, anh câu cá phải lấy một phần cá câu mà đền bồi cái công của anh giúp việc. Thường thì người có vốn ấy lấy tiền mà đền bồi công lao cho người giúp việc. Số tiền ấy là tiền công.

Sự thuê công có lợi cho cả hai, lợi cho anh chủ vì anh nầy làm cho của của mình sanh thêm, mà cũng cứ còn quyền làm chủ của ấy khỏi cho thuê, cho mướn; lợi cho anh làm công vì anh nầy được một số tiền chắc chắn, khỏi lo sợ về những sự may rủi như anh có vốn, như làm ruộng thì sợ thất mùa, làm nghề câu thì khỏi lo sông ít cá.

Khởi đầu sự thuê công là một điều hòa hảo, có lợi cho cả hai, mà cớ sao ngày nay trong xã hội lại sanh ra tranh cạnh, làm cho khuấy rối nặng nề trong xã hội?

Là vì ngày nay sự giao kết của người mướn công với người làm công không phải còn là một sự giúp nhau như xưa nữa. Lúc trước khi có cái quyền làm chủ tư, lúc trong xã hội con người còn chỉ biết hiệp nhau làm gia đình, thì sự thuê công không có, vì hễ anh chủ cày thì anh em của anh chủ bừa, vợ con của anh chủ cấy, đồng lực cùng nhau mà lo việc sanh nhai: chủ cũng đó mà tôi cũng đó. Đến lúc cái gia đình nó nát lần ra, mỗi người được quyền làm chủ riêng thì anh chủ phải nhờ người giúp việc cho mình; mà lúc ấy muốn kiếm một người làm công không phải là dễ. Đất trống nhiều, non sông còn là của trời đất, ít có ai đem thân mình mà làm mọi cho kẻ khác. Như ngày nay ở mấy xứ mới, đất còn trống nhiều, thì người làm công cũng là rất khó kiếm.

Mặc phải cái khó ấy, những người làm chủ, xưa, bày mưu kế cướp công người, bày ra thói bắt người làm tôi mọi, Lúc người Âu tây tràn qua cày cấy đất bên Thế giới mới thì người Âu tây, tuy lúc đó cũng đã văn minh rồi, song cũng còn qué A phơ rit (Afrique) tìm mua người đen đem về làm tôi mọi. Đến ngày nay cái thói ấy đã bỏ đi rồi, thì lại có cách thuê công người đà vàng, không kém gì sự mua bán mọi đen khi xưa.

Xưa, có một lúc người làm công ngồi tại nhà, vừa làm thợ, vừa làm chủ. Ngày nay trong xã hội ta, lắm người làm công, như thợ bạc, thợ may, có thể còn giữ được cái tự do ấy.

Nhưng mà cái vốn càng ngày càng khó kiếm, kẻ có công càng ngày càng mắc phải ở trong tay người có của. Có nghề thì phải có vốn, dầu làm anh thợ câu cũng phải có một cây cần câu. Ngày nay anh có công mắc phải trong tay anh có của như xưa mắc trong vòng nô lệ, vì dầu công giỏi tài hay cho mấy mà anh có của không dùng, thì cũng phải khoanh tay chịu đói. Ra kéo xe kéo cũng phải nhờ xe của anh có của. Còn như đợi người ngoài chợ đặng năn nỉ xin đội thúng cho người, thì cái sự làm công ấy hèn kém chi việc làm của bọn ăn xin không còn kêu là một cái nghề được nữa.

Hễ nói «xin việc làm» thì là tùy theo người cho cùng không. Hễ người cho thì mình no ấm, người không cho thì mình đói lạnh, nên dầu siêng năng hay là có tài mà chúng không cho việc làm thì cũng khoanh tay chịu đói.

Nhưng mà xưa mọi việc đều ở nơi trời, giàu nghèo, đau ốm, đói no, đều ở nơi Trời, Trời sanh ra có người làm chủ, có người làm mọi : người làm chủ phát công phát việc phát cơm phát áo cho người lam mọi được nhờ. Trời sanh người làm chủ để nuôi người làm mọi, nên người làm mọi khi xưa phải vâng theo trời. Hại thay ! ngày nay, người làm công lại hỏi ; mình nuôi chủ hay chủ nuôi mình, anh chủ là người ơn hay là lường công của kẻ khó ? Ngày mà trong bọn làm công nổi ra câu hỏi ấy, là ngày trong xã hội nổi ra cái đạo xã hội (socialisme), đem rối đem điều tranh cạnh cho xã hội.

Nếu anh chủ nói mình cho anh thợ việc làm, thì anh thợ lại nói mình cho anh chủ công. Đã biết rằng làm thợ có lãnh tiền công, nhưng hễ nếu nhận tiền công rồi thì việc làm của mình đem lợi cho chủ bao nhiêu mình cũng không còn tranh giành được nữa.

Trong việc mua bán còn trả giá được, chớ người đi bán công mình khó mà trả giá cái công mình với người làm chủ. Cho đến tiền công không đủ nuôi vợ nuôi con, nuôi lấy thân mình, mà vì sợ đói lắm khi phải nhận lãnh làm công cho có hai bữa cơm. Trong mấy năm sau đây tiền công bên Âu châu có lên nhiều, là nhờ bọn làm công hội hiệp cùng nhau buộc chủ phải tăng tiền công lên, bằng không thì đồng nhau mà bỏ việc làm ; lại với trong bọn làm chủ cũng có hiểu ; hễ bọn thợ thiếu thốn, đói lạnh thì công việc làm của chúng nó ít, nên tăng tiền công lên cho thợ no đủ, thì việc làm hoặc nhiều hơn, hoặc khéo hơn, thêm lợi đắp dư tiền công cao ấy.

Tuy vậy sự tranh cạnh cũng còn càng ngày càng thêm, có lẽ, cho đến bao giờ trong xã hội hết có giàu nghèo, có chủ tớ mới là dứt được.

KHOA-HỌC

Trong xứ ta hai tiếng khoa học là tiếng mới. Tai vừa nghe hai tiếng khoa-học thì trí liền thêm : Âu-Tây

Chẳng phải Á-Đông ta từ xưa đến nay không biết chút gì là khoa học. Nhưng, khoa-học bên Á-Đông từ xưa ở trong xã hội, lộn trôi theo một dòng với cái vận mạng của xã hội. Nên khoa-học bên Á-Đông không có tách ra mà hóa làm một ngành riêng trong xã hội như bên Âu-Tây.

Bên Âu-Tây, nước dầu loạn, dầu yên, luân lý dầu suy, dầu thạnh, khoa học ngày nay hóa ra như một người vô tình, như một người tu đến bực, dầu thiện ác đánh nhau bên tai mình như giặc, cũng không cảm tình mà binh ai, phụ ai.

Á-Đông ta tìm ra địa bàn, nhà in, thuốc pháo. Á-Đông ta cũng có thuyền đi sông đi biển, có cộ, có xe, cũng biết đào kinh mấy ngàn dặm, cất lầu đài thành lũy tọ tát.

Á-Đông y-khoa cũng có người giỏi, tính toán cũng có người hay, thiên-văn, địa lý cũng có người tài. Nhưng, khoa-học bên Á-Đông là vừa đủ mà đối với sự cần dùng xã hội thôi. «CÓ TÚNG MỚI CÓ CHẾ».

Nên Á-Đông tìm chế mà giải cái túng của mình thôi. Giải rồi thì thôi, không cần phải mệt nhọc tra xét cho rõ cội rễ các cái nhiệm mầu của trời đất.

Chịu mưa không nổi, nên phải tính toán cất ra cái nhà. Có nhà rồi thì thôi, cần gì phải lo tra cho ra mưa, gió ở đâu mà đến ? Vì nghĩ rằng dầu có biết được đi nữa, mưa gió cũng cứ mưa gió hoài hoài. Phần thì trọng xã hội lại có một nền luân lý trói người lấy cái «VỪA ĐỦ» làm ý gốc cái luân lý của các bậc triết nhơn.

Khoa học bên Âu-Tây nay đã thành một ngành không vướng vấp với xã hội, chăm về có một điều, là tra cho biết các cái luật của trời đất, cái tư chất của cây, đá, biết sao vật nặng thì rớt, biết nước thì chảy xuống mà cũng có thể làm cho chảy lên được.

Khoa-học hóa ra như một người vô tình, vì khoa học tìm cội gốc các cái nhiệm mầu của trời đất, tìm cho rõ biết

cái luật của trời đất, mà trời đất là vô tình, sanh rồi giết, tạo rồi phá, nên không thể lấy giọng cảm tình mà tra hỏi cái vô tình được.

Ta thấy một miếng ngói rớt trúng đầu kẻ đi đàng, ta thảm thương cho người ấy. Nhưng miếng ngói ấy lúc phải rớt thì rớt rồi sao lại rớt trúng đầu người đi đường. Khoa-học, học cho biết, nên khoa học vô tình. Nhưng đến khi dùng các điều của khoa-học đã tra ra, đã tìm ra, thì lại vướng vấp với thiện ác.

Âu-Tây đất thì hẹp mà người thì đông, tranh sống rất khổ, nên bên Âu-Tây như nước Hòa-Lan (Hollande), dùng khoa-học mà ép đất sanh sản như ép chày ra mỡ, dụng khoa-học mà lấn đất với biển. Dân đã đông mà tranh ganh nhau, nên Âu-Tây chế dụng khoa-học của Âu-Tây mà chống với Âu-Tây, chớ bên Á-Đông ta cũng còn chưa hiểu thấu hai chữ « KHOA-HỌC »

Bên Âu-Tây người hiểu hai chữ « KHOA-HỌC » thì có nhiều nhưng người mà mang khoa-học trong tâm hồn, trong trí não, thì cũng còn ít lắm.

Cái nghĩa hai chữ KHOA-HỌC, ở xứ ta cho đến ngày nay, là đã có giao thiệp với Âu-Tây gần được bảy chục năm, mà cũng chưa biết dụng khoa-học nữa kia !

QUYỀN LÀM CHỦ

« Cây viết nầy của tao. Con chó nầy của tao. Cái nhà nầy của tao. Miếng vườn nầy của tao. « Ngọn rau, tấc đất

của Trời, cớ sao lại có đặt ra « Cái nầy là của tao, cái kia là của mầy » ? Gốc rễ cái quyền làm chủ ở nơi đâu mà ra ?

Như con nít nhỏ, hễ nó nắm được một vật chi trong tay mà ta lấy lại thì nó khóc ngay. Có lẽ nó tưởng nó là chủ của vật ấy. Mà cớ sao vật chi của con nít nó nắm được vào tay lại đem ngay lên miệng mà ngậm ? Ấy có lẽ là vì « ăn là sống », vật ăn là cần nhứt, nên khởi đầu xã hội, vật ăn là vật của các loại « ăn mà sống » tranh giành nhau làm chủ trước hết.

Ông Thomson Selton, người Ăng lê có viết trong báo :

« Một hôm kia tôi quăng trái noa cho sóc ăn. Trái noa vừa rớt tới đất thì cả mấy con sóc chạy đùa tới mà giành. Con nào giành được trước hết thì làm chủ. Trong vài xơ gông đồng hồ thì không còn con sóc nào tranh cãi cái quyền làm chủ của con được đầu ấy. Nếu con sóc đói thì nó ăn ngay trái noa. Còn như nó chưa đói thì nó lại lăn lộn trái noa ba bốn lần trong miệng rồi mới đem vào ổ mà giấu, đặng cho trái noa ấy mắc hơi nước miếng của mình, có ai cướp trộm thì dễ mà nhìn lại. »

Ấy, lúc đầu tranh nhau làm chủ là tranh vật ăn thôi, mà hễ được vật ăn thì nuốt vào bụng ngay. Cái quyền làm chủ khởi có, là lúc con sóc để giành trái noa lại sau sẽ ăn.

Lần lần cái quyền làm chủ nó rộng ra mà gồm hết các vật tay ta lấy được. Nên, lúc đầu xã hội, các vật tay ta tạo sửa thì ta làm chủ ; mà các vật ta cướp trộm của người ta cũng làm chủ nữa. Vì, có sanh ra cái quyền làm chủ mới có sanh ra trộm cướp, mà cái quyền làm chủ khởi đầu cũng là trộm cướp (Ngọn rau tấc đất của Trời). Khởi đầu thì cái quyền làm chủ chỉ gồm các vật tay ta lấy được ; đến sau

thì làm chủ những tôi mọi của mình, làm chủ vợ con mình nữa.

Cái nhà, thuở xưa, là một cái trại con, đi đến đâu thì vác theo đến đó, không dính với đất như ngày nay. Đến lúc con người không còn sống nay đây mai đó, đến lúc cái nhà nó dính với đất như ngày nay, thì cái quyền làm chủ nó nở rộng thêm nữa, gồm luôn miếng vườn chung quanh nhà để trồng tỉa nuôi vợ nuôi con. Cái quyền làm chủ đất khởi đầu, không đặng mấy rộng (một miếng đất nhỏ vòng theo nhà mà thôi). Sau nữa mới đến lúc cái công cày cấy nó cho quyền làm chủ. Khi ấy hễ lưỡi cày đi đến đâu thì anh cày được quyền làm chủ đến đó.

« *Người nào làm người nấy ăn. Đời nào làm đời nấy ăn* ». Nên xưa từ người làm chủ. Đến sau, như ở một nhà, hễ chồng là chủ thì vợ cũng là chủ, con lớn khôn cũng là chủ ; là vì cái tình thương yêu nó giao quyền của người nầy cho người kia. Cho đến ngày nay, trong xã hội có luật cấm người cha dụng trọn cái quyền làm chủ của mình, không được đem hết sự nghiệp mà cho người ngoài, phải để lại một phần cho con.

Cái quyền làm chủ đất, ta thấy nó lúc mới khởi, đi theo lưỡi cày. Công lao nhà cửa, mồ mả ông bà, ấy là mấy cái rễ của cái quyền làm chủ đất. Mà sao lại có ruộng đất cò bay thẳng cánh, mà không phải một mình anh chủ, không phải vợ con anh chủ làm nổi hết, không phải cả nhà anh chủ choán được hết, phải nhờ phải mướn người ? Cái gốc của miếng đất rộng mấy chục, mấy trăm ngàn mẫu này ở đâu mà ra ? Do theo sử, thì là ở nơi đánh giặc thắng mà ra. Trước hết thì là thắng trận rồi cướp đoạt ; sau, lúc chiếm đoạt xứ người yên rồi, thì kẻ thắng trận làm luật lần lần sang đoạt

của kẻ yếu. Lúc đất còn nhỏ thì là nhờ lưỡi cày, muốn cho đất rộng thì lại nhờ lưỡi gươm. Nên có anh cố đạo nước La-lăn (Irlande) thuật chuyện nầy cho bọn nhà quê xứ mình nghe «Hôm nọ tôi đi trong đất người. Anh chủ đất ra đuổi tôi. Tôi hỏi anh : «Đất nầy của ai trao lại cho anh ? «..» Của cha tôi. «..» Ai để lại cho cha anh ? «Anh tức giận mới trả lời : «Ông nội tôi đánh người lấy của người.» Tôi trả lời ngay : «Mau cởi áo ra! Hai ta đấu võ chơi cho biết đất nầy về ai.»

Gốc cái quyền làm chủ đất là ở nơi cướp đoạt. Nhưng lần lần, lâu năm là một, buôn đổi là hai, nó che đậy, chôn mất cái gốc ấy, cho đến ngày nay không ai còn nhớ đến cái gốc xưa nữa.

Từ xưa đến nay hễ ta làm chủ vật nào thì ta biết vật ấy. Nhà ta, ta biết ; ruộng ta, ta biết. Ta làm chủ «thấy dáng». Đến thế kỷ nầy lại có sanh ra cái quyền làm chủ mà «không thấy dáng» Cũng làm chủ nhà, chủ đất như xưa, làm chủ mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ than, mỏ dầu ; làm chủ ruộng đất mênh mông lầu đài to tát. Nhưng mà người chủ thì ở Âu tây, còn lầu đài ruộng đất thì ở Á đông ; người chủ ở Saigon, còn mỏ vàng mỏ dầu thì ở bên thế giới mới. Làm chủ thì chỉ biết mặt ba miếng giấy phần hùn ấy thôi. Mỗi ngày cứ xem nhựt trình coi sự nghiệp thêm hay bớt. Thế nầy thì tiện cho người chủ. Dễ giữ, dễ cầm, dễ bán. Nhưng bao giờ trong xã hội xảy ra cuộc đổi dời thì bao nhiêu mỏ vàng mỏ bạc cũng bay.

TẤC ĐẤT NGỌN RAU ƠN CHÚA

Lúc xã hội mới lập, thì ruộng đất còn là của Trời. Con người xúm nhau lại, hợp ba, hợp bảy, chia nhau làm cho ruộng đất sanh sản. Xưa lập làng ra là vậy. Một đám

người choán một miếng đất trống, rồi chia nhau mà cày cấy. Mỗi người nhận lãnh một miếng đất là nhận lãnh phận sự cày cấy miếng đất ấy. Nếu bỏ không mà không trồng tỉa thì làng lấy lại mà giao cho người khác.

Sau, các làng hội nhau lại thành một nước. Cái nước rộng quá phải tạo ra một cái quyền gồm lo các lợi chung và thay mặt cho cả thảy mà giao thông với các nước khác. Đến lúc nhà vua là người của dân cử, dụng cái quyền lực của dân giao mà tách mình ra, xưng mình là chủ của dân, thì cái tục xưa cũng còn giữ. Trong câu « tất đất ngọn rau ơn chúa » chữ « chúa » còn cái nghĩa là người thay mặt cho dân. Nên không bao lâu nay có một cái luật buộc dân phải trồng tỉa đất của mình, bằng không thì vua lấy đất lại vì ; một người không cày thì ba người đói, là a/ anh lãnh làm chủ đất, banh lãnh việc khác trong xã hội còn phần lúa gạo thì nhờ anh chủ đất lo giùm, c/ người ngồi khoanh tay trông cho có đất mà làm cho sanh sản cho xã hội nhờ.

Cái quyền của anh chủ đất muốn trồng tỉa thì trồng, bỏ không thì bỏ, là xưa chỉ có trong luật la-mã .(romain) có mà thôi. Luật tây là gốc ở trong luật la-mã ra, nên trong luật tây cũng có cho cái quyền ấy. Nay Tây làm chủ xứ ta thì cũng có đem cái luật ấy qua đây.

Nhưng xã hội bên Âu tây lần lần phá diệt cái quyền thới quá ấy đi. Tuy là cái quyền làm chủ sản nghiệp còn, nhưng anh chủ phải biết rằng sản nghiệp của mình mắc một phận sự đối với xã hội là : cái sản nghiệp phải sanh sản cho xã hội nhờ.

Xét cho kỹ, thì như làm ra một cuốn sách, làm sao mà

nói rằng cuốn sách của trí não mình đặt ra, có chút gì mắc nợ với xã hội mà luật buộc mình trong năm mươi năm phải trả lại cho xã hội? Tỷ như quyển Kim Vân Kiều có mắc nợ với xã hội đời ông Nguyễn Du không? Câu « trải qua một cuộc bể dâu » đủ làm bằng rằng có. Cái học của ông Nguyễn Du cũng là nhờ xã hội thời ấy chớ nhờ ai? Tinh thần của câu văn Nguyễn Du là tinh thần của Nguyễn Du. Gốc sự đau buồn của Nguyễn Du cũng là ở nơi xã hội.

Đôi guốc của anh thợ đóng guốc đóng, cái áo của anh thợ may may nếu không có người đi guốc, mặc áo, thì anh thợ guốc với anh thợ may đóng may vừa đủ cho mình dùng thôi.

Nên ngày nay xét ra thấu lý ấy rồi, không còn ai tra hỏi vậy chớ anh làm chủ có công cày phá, hay là trộm cướp người mà được làm chủ. Ngày nay xã hội chỉ hỏi anh làm chủ câu nầy : «Anh có làm cho sản vật của anh sanh sản cho xã hội nhờ hay không ?».

Bên Pháp trong mấy năm giặc mới rồi đây, chánh phủ có ra luật buộc mấy anh chủ đất phải trồng tỉa cho hết đất của mình, bằng bỏ trống thì người ở gần được phép trồng tỉa trong đất ấy. Có nhiều hội thừa lúc ấy mà lập ra lãnh làm cho sanh sản mấy miếng đất bỏ không. Thế thì biết từ nầy về sau trong nhơn loại lần lần mấy anh chủ đất lớn không còn bỏ đất trống mênh mông để nuôi chim, nuôi thỏ, đặng săn bắn, vì nếu trong xã hội mà còn một người đói thì anh chủ đất ấy phải mắc tội với người đói.

Bên Pháp, mấy nơi còn đất nhiều mà cằn hoặc phải đem nước thêm vô, hoặc phải đem nước bớt ra, thì người ở mấy nơi ấy được phép lập hội buộc người phải đồng lực mà làm

việc lợi chung. Trong luật tây có một cái luật cho phép chánh phủ, lúc làm việc hữu ích chung như làm làm đường xe lửa, được ép người phải bán đất lại cho chánh phủ Còn như bên Ăng lê, bên Đức, nhiều tay đại phú phải đóng thuế đến nửa phần huê lợi của mình; bên Huê Kỳ có khi đóng đến 75%. Gương ấy cũng là chỉ rằng cái quyền làm chủ của anh chủ phải bị xã hội lần lần giựt bớt.

Tiền bạc không cho ra ngoại quốc. Đồ quí báu như tượng vẽ tốt, hình chạm khéo cũng không cho ra ngoại quốc.

Ấy là mấy cái bằng chứng rằng xã hội khởi sự giựt lần sản vật cho về tay mình, không muốn cho một người ôm tiền cả, còn chung quanh mình thì cả ngàn người đói khổ nữa. Xã hội ngày nay muốn trở lại như xã hội xưa, nhớ lại câu: Ngọn rau tấc đất của Trời.

CHO VAY

Thuê đất, cho vay, thuê công đều là về kinh tế, đều có phần vướng vấp với xã hội. Kinh tế học nó cũng là về khoa học, vì kinh tế phải do theo luật pháp riêng của kinh tế. Như đi buôn, lỗ lời cũng có cái lý là vì sao; giá bán lúa khi cao khi thấp cũng có cái lý là vì sao; công thợ khi đòi mắc khi lại rẻ cũng có cái lý vì sao? Mấy cái lý ấy không lướt qua nó nổi. Ra đi buôn gạo, lập ra một cái nhà máy to, hay là một cái quán trà huế nhỏ, lỗ lời, đặng thất, cũng đều ở trong mấy cái lý ấy. Mấy cái lý này, kinh tế học tìm ra cho đặng biết cái pháp luật tự nhiên của ngành kinh tế, Tìm cho ra cái pháp luật tự nhiên, tìm cho biết, ấy là khoa học.

Trong sự cho vay, người cho vay được lời, người vay cũng được lợi mà sao từ xưa tới nay đã mấy ngàn năm mà cũng còn cải nhau mãi. Người thì nói cho vay ăn lời là phải và công bình, người thì cho nghề cho vay là ác, mà bọn sau đây lại là đông hơn. Vì từ xưa đến nay bọn vay tiền phần nhiều là bọn thiếu cơm thiếu áo, mượn tiền về mà ăn, chớ không phải đem về mà làm cho sanh sản ra. Tiền vay là tiền chết. Nên là vì một bọn nghèo vay bợ về nuôi vợ nuôi con, đến lúc trả không phương thế trả nổi, điều ấy chọc lòng nhơn của người; hai là vì cho vay xưa nay là làm hại chớ không phải làm lợi cho xã hội, nên từ xưa đến nay trong xứ nào cũng đều ghét cái nghề cho vay.

Nhiều người có tiền mà không có tài hay là bị việc chi cần không làm cho sanh lợi được, thì mấy người nầy có phải nên đưa bạc của mình cho kẻ khác dùng đặng sanh lợi, một là cho mình, hai là cho người hay không? Một người có vốn sẵn, một người không có vốn nhưng biết làm cho sanh lợi, nếu để người nầy lo làm lần lần cho có vốn thì có khi cả một đời người ấy chưa góp đủ nổi cái vốn mà mình cần dùng. Chi cho bằng để cho người nầy mượn vốn người kia, rồi mỗi năm trả lời cho người, còn cái phần lời dư lại tại mình lấy. Như vậy thì lợi cho cả hai, mà cái phần lời cũng không phải là không công bình, thì có phải là cho vay không ăn lời lại là vô lý hơn cho vay ăn lời không? Cớ sao xưa nay trong xã hội lại cãi chống nhau mãi về sự cho vay?

Người nói là vì ba lý nầy

1/ Đất thì có sanh sản. Người mượn đất lo trồng cho nó sanh sản cho nhiều, mãn mùa trả một phần lợi lại cho người cho mượn: thế thì còn cho là công bình được. Chớ như bạc tiền thì đâu có sanh trái, đẻ con; ruộng thì sanh lúa,

còn tiền bạc thì sanh ra ? Xưa bên nước Grec, trong chữ «lời» có nghĩa sanh đẻ ; nên ông Aristote là bực có danh bên xứ ấy, đời ấy cãi, không nhận rằng tiền «sanh con». Ông ta nói vậy là phải, vì bỏ một đồng bạc vô tủ sắt đóng tủ lại đến cuối năm thì không thấy nó sanh đồng nào. Nhưng mà nếu dùng bạc làm vốn mua ruộng, mua bò thì lại là khác. Vì tuy bạc không đẻ, chớ mua bò thì bò nó đẻ dùm cho.

2/ Một mẫu ruộng sanh bao nhiêu lúa, một miếng vườn sanh bao nhiêu trái, mình biết được mà định biết phần lời của người cho mướn là thời quá cùng không. Còn cho vay ăn lời thì biết lấy chi làm mực mà định số lời ấy, thành ra ăn lời thới quá cũng không ai biết được. Như bên Pháp thường cho vay ăn bốn, năm phần lời. Nhiều xứ mới khai phá, có đến mười, mười hai phân.

Có xứ bên Pologne, bên Balkan (Âu tây), cho vay ít ngày ăn đến một phân một ngày, thành ra 365 % mỗi năm. Bên xứ ta có cho đến hai phân một ngày, thành 730% mỗi năm. Có phải là cắt cổ người ta hay không ? Cho nên có xứ phải ra luật mà định phần lời, buộc mấy người cho vay phải do theo số định ấy.

3/ Cho mướn đất hay là cho thuê nhà, thì của, của người cho mướn còn đó mãi. Đến ngày phải trả lời, như người mướn không trả nổi thì dẫu thế nào cũng bị đuổi là cùng, đất nhà còn nguyên cho người cho mướn. Còn cho vay bạc thì lại khác. Thuở nay ai vay bạc rồi để nó nằm đó hay sao ? Người thì vay đặng ăn xài, như mấy cậu công tử và nhà nước ; người thì vay đặng lập công chuyện cho sanh lợi. Vay bạc về đến nhà thì nó cứ chạy đi đi mãi. Đến ngày phải trả thì phải lo cho số bạc mượn chạy trở về, lại phải lo phần lời. Có khi trả không nổi thì, như người đi buôn thì bị khánh tận, cải

đời mình hết làm ăn được nữa. Trong xứ ta người không trả nổi phải bị tù.

Trong tuồng hát «Anh lái buôn tại thành Venise» của ông Shakespeare, có chuyện anh vay bạc mà anh hứa như đến ngày anh ta không trả nổi thì cho anh cho vay cắt đi một cân thịt trong thân thể mình. Trong luật xưa của ông Moise có một cái luật phạt xé thây người thiếu nợ không trả nổi ra mấy phần tùy số người cho vay là bao nhiêu. Xưa mấy người thiếu nợ không trả nổi phải bị người bắt làm tôi mọi, hoặc trọn đời, hoặc cho đến ngày nào làm công trừ hết nợ thì thôi.

Cách không bao lâu nay bên Âu Tây còn có chỗ ngục riêng để cấm cố những người thiếu nợ mà không trả, cho đến ngày nào trả nợ được thì thả ra. Nhưng mà ở trong tù mà làm chi cho ra tiền, nên nhiều người phải ở tù chung thân. Bên Pháp mới bỏ cái tục dã man nầy năm 1867 đây thôi.

Nên từ xưa đến nay đâu đâu cũng chưởi mắng nghề cho vay cho nó là ác hơn giết người. Trong xứ ta ngày nay cho vay còn là một việc ác. Mà bên Âu châu lần lần đến nay người lại không còn rên la về sự cho vay ăn lời nữa. Lắm nơi chánh phủ lại phải dụ dân cho vay, không còn phải ngăn cấm như xưa nữa, là sao 1/ Ai ai bây giờ cũng biết rằng cái gốc của cái bịnh cho vay ăn lời là ở nơi cái quyền làm chủ của anh cho vay. Hễ trong xã hội còn mấy cái luật cho người sắm đất, để của cho con cháu, thì còn có người giàu người nghèo mãi mãi, thì cái nghề cho vay ăn lời không bao giờ dứt được.

2/ Xưa nay là như ngày nay trong xứ ta, thường bọn vay mượn là bọn nghèo, bọn vợ đói con khóc. Chớ như bên Âu tây bọn vay mượn lại là bọn giàu, như nhà băng, như các hội buôn to. Nên thành ra nếu bây giờ mà phá tiêu mất cái thói cho vay ăn lời đi thì lại là làm ơn cho mấy nhà đại phú.

Cho vay ăn lời khởi đầu là một việc phải, một cách để giúp nhau lần lần hóa ra một việc ác để hại nhau, lường công rút máu người; đến nay nó lại mất bớt cái ác của nó đi, vì người vay là bọn đại phú, còn bọn cho vay lại là bọn vừa đủ ăn hay là dư ăn chút đỉnh thôi. Nhưng cái tánh ác xưa của nghề cho vay cũng còn, nhưng không còn thổ lộ cái ác thói quá như xưa. Còn ác, là vì bọn đại phú tom góp bạc của bá tánh vào tay mình đặng tạo lập nhiều cuộc thâu lợi to tát, để hưởng cái công lao của bọn nghèo, làm cho bọn nầy, lao động trọn đời cho được no ấm thôi như trâu ngựa kia.

BIỂN

Người không học mà thấy nhiều thì tri thức cũng được mở mang.

Các anh đi tỉnh này, xứ kia thì biết nhiều hơn mấy anh không bao giờ ra khỏi làng.

Xưa kia các nước giao thông chỉ nhờ đường bộ, qua sông, leo núi rất khổ, nên khi xưa từ Huế đi được đến Quảng-Đông thì cho là lạ thường rồi. Còn Ấn-Độ, Âu-Tây thì chỉ nghe mà biết chớ chẳng ai mơ ước đi đến đấy, vì biết mình không bao giờ đi đến được.

Nhờ những tay mạo hiểm như ông Từ-Phước, Christophe Colomb, Magellan tìm được đường, biển lần lần cho đến ngày

nay, dầu nước nào cho xa mấy cũng là đi đến được. Nay khoa-học lại làm được tàu to chở được trăm người, mà lại đi mau, lại có các kinh to như kinh Suez và Panama đào, để cho tiện đường giao thông, thì cái trái đất nầy khi xưa ta cho là miếnh mông không cùng, nay ta mới biết là hẹp, hẹp cho đến người xứ nầy phải sang làm ăn cướp phá xứ kia, hẹp làm sao mà đi hai tháng đường thì đi vòng hết cả trái đất. Ngộ thật! Xưa có kẻ chán đời kêu ta là tù Trời, nay nhờ dụng được đường biển giao thông thì mới thấy rõ ta như kiến bò trong chén, như cá lội trong thau. Tàu bay ngày nay tuy tách không khí đi từ Âu qua cực Á dễ như chơi, nhưng tàu bay là một cách giao thông mới rất tiện của khoa học ngày nay đã tìm được, chớ sự tìm được tàu bay không mở mang đầu người như lúc các tay mạo hiểm nhờ biển làm cho thông đồng Âu-Á hay là tìm được một cái thế giới khác.

Non cao thì xúi ta ngồi tĩnh tu tập cho êm ái tấm lòng, còn biển rộng lại chọc cho lòng ta xôn xao, giục ta vượt biển như có tiếng người ở xa kêu gọi ta vậy. Người đã thấy biển thì biết được cái rộng của trời đất hơn người không bao giờ thấy biển.

Dân hay đi biển thì can đảm, mạnh mẽ hơn các dân theo mồ mả ông bà. Có lẽ trên mặt biển xôn xao, phơ phất cái thanh khí nó thêm khỏe, thêm mạnh. Mà biển là chỗ trử nước để cho hơi nóng mặt trời lược ra mây. Mây ấy gió đưa vào đất làm mưa, tưới nước ngọt cho cây cỏ nhờ, cho người ta uống. Nước dơ, nước thúi đổ trở về biển, thì muối trong nước biển lại làm cho trong sạch lại. Biển là chỗ trử sự sống của trái đất nầy.

Dưới biển hiện bây giờ cũng đang sanh sanh hóa hóa.

Từ các giống hoa đá, từ các loại ngư mới hóa hình, cho đến cá to như cá ông, cho đến các loại thú còn nữa ở biển, nửa ở đất, biết bao nhiêu là giống, biết bao nhiêu là loại! Ai mà biết hết các loại, các giống ở biển mới biết sanh hóa của trời đất không cùng mà lại rất khéo lạ. Nầy! theo các lời học lại của mấy tay đi biển gặp một thứ rắn to, dài hơn ngàn thước, đầu đuôi giống như rồng ta vẽ, thì có lẽ con rồng có thật chớ chẳng phải tự mình bày biến ra mà vẽ đâu.

Lúc tôi sang chơi ở Berlin là kinh đô nước Đức, tôi có đến vườn Tiergarten, vào coi chỗ nuôi các loại ở biển và ở nước ngọt. Cách nuôi rất kỹ, chia ngăn bằng kiến làm cho mình đi coi cũng như mình ở dưới nước, chen lộn theo sò cá mà trông nom nó sống động một cách rất tự nhiên. Lúc coi rồi ra về, tôi rất vui thích, mà trong đầu lại nhớ rõ ràng hơn đọc mười cuốn sách hay dạy về các loại ở nước. Sau tôi sang chơi nước Hòa-Lan, nghe người ta nói ở xứ ấy cũng có nuôi cá rất lớn, song vì mắc ham xem cái tình cảnh nước Hoa-Lan mà không đến chỗ ấy được. Đến sau nữa, thừa lúc tôi sang Ý Đại Lợi lần thứ hai trở về Pháp, tôi có ghé xứ Monaco đến xem chỗ để người đến học về các loại biển. Loại nào nuôi được thì nuôi như bên chỗ nuôi cá ở Berlin. Còn loại nào nuôi không được, như cá nước, cá ông, cùng các thứ lạ ở sâu, khó mà bắt được, thì chích thuốc phơi khô. Lại có trương phô đủ các thứ đồ câu, từ đồ để câu cá to cho đến đồ để câu cá nhỏ ở sâu năm bảy ngàn thước.

Người đi tàu sang Pháp thấy biển mênh mông, hoặc lúc sống động gớm ghê, hoặc lúc im lặng như tờ, còn cá thì chỉ thấy cá nược, cá bay mà quên rằng dưới biển biết bao nhiêu loại hóa hóa sanh sanh. Mà lái có nhiều thứ cá có phương

giữ thân rất lạ, còn thì vượt bay khỏi nước, con thì phun mực cho tối mắt người, con thì xịt điện cho tê người. Có con ở sâu mình lại ánh sáng đặng rọi đường. Nhiều thứ rất lạ. Thấy cái khéo của tạo hóa mà bắt cười.

Biển sanh bao nhiêu giống lạ. Biển trử nước nuôi cây, thú. Dưới biển lại có đường nước chảy như sông đem nước xứ nóng lên niêm lạnh làm cho ấm đất, ấm người, bớt lạnh cho người để ở. Biển làm đường giao thông giúp cho nhơn loại tiến bộ rất nhiều. Ngày nay có người lại dùng con nước biển lên xuống mà quây máy. Đối với người, công ơn của biển thật là lớn. Nhưng biển thì cứ lượng sóng nầy đưa lượng sóng kia không ngớt, kể gì là lời khen chê, câu ơn, tiếng mắng. Trời đất vô tình, có lúc sanh hóa, rồi cũng có lúc ruộng dâu hóa biển, biển hóa ruộng dâu. Một khi kia tôi lên chơi trện núi cao hơn ba ngàn thước, gặp một thứ đá mà vỏ ốc vỏ sò thành ra. Dấu vỏ hãy còn ràng ràng, mới biết sách dạy : biển hóa non, là có thật.

Trích loạt văn của nhà cách mạng Nguyễn-an-Ninh là giúp cho các bạn trẻ có đủ tài liệu văn chương để tôn sùng, tưởng niệm Từ lâu, các nhà văn, nhà báo thường nhắc nhở đến nhà cách mạng trên mặt các báo, như nhà văn Lê-văn-Thử viết quyển HỘI KÍN NGUYỄN-AN-NINH, nhưng chỉ có một giai đoạn nhỏ mà thôi, không đầy đủ, *những vụ án CHÁNH TRỊ* của Anh-Thành, *Nguyễn an-Ninh*, của nhà văn Huân-Phong trong Hòa-Đồng, nhưng về văn nghiệp của nhà cách mạng rất tiếc lại mất hết, không còn dấu vết gì. Kẻ có đủ, thì không đủ sức, tài, phương tiện làm được một sứ mạng quá sức mình dù thiện tâm, thiện chí có thừa.

Đọc lại văn của nhà cách mạng từ thời nửa thế kỷ về trước, chúng ta nhận thấy rõ tư tưởng thông thái khoáng đại bình đẳng của con người thanh niên ái quốc, trên bước đầu tiên vào con đường cách mạng, chống thực dân, mở mang dân trí.

Ảnh hưởng những bài đó rất to lớn, rộng rãi. Nó như một làn sóng hay một ngọn gió bão to, thổi giựt mạnh vào tiềm thức người dân, đang bị ru ngủ, đè bẹp dưới sự thống trị của ngoại bang với ba thứ văn chương nhồi sọ, gồng tuyệch, suy tôn thực dân của những nhà văn bán nước, thờ thực.. Như những bài văn dưới đây, cổ động người Việt đi đánh giặc thay cho *mẫu-quốc*, làm bia đỡ đạn cho Tây, do bọn bồi bút viết trên mặt báo, ghê tởm như thế này :

Tại nơi mẫu quốc
Giữa chốn chiến trường
« *Lên ngựa cầm cương*
« *Xông vào súng đạn*
Hay là *Hỡi anh em bạn từng chinh*
Vì sao nước Pháp hưng binh thế này
« *Chỉ vì giặc Đức cố gây ....*
« *...Với dân thuộc địa khắp miền gần xa*
« *Binh hùng tướng mạnh kéo ra*
« *Dưới cờ Đại-Pháp kể là rất đông*
Anh em Nam-Việt ta ơi
« *Vốn giòng nghĩa khí, vốn giòng thông minh*
« *Trong lòng vốn sẵn cảm tình,*
« *Biết ơn Bảo-Hộ với mình xưa nay (1)*
« *Tùng chinh lại gặp hội này*
« *Đền ơn ta phải tiếp tay với người...*

Thật là thúi tha quá, ghê rợn quá, đối với kẻ nào có lòng yêu nước, mến nòi. Mặc dù những thi văn này vào thời xưa, thời đệ-nhứt thế chiến 1914-1918, nhưng đem ra đề đối chiếu lại với những văn thơ của những nhà ái quốc. Cũng may cho đất nước Việt-Nam, ngoài bọn bồi bút, tay sai của thực dân, còn có những tâm hồn cao thượng, yêu nước, yêu nòi, chớ đem nhắc lại thật cả là một cái nhục thề quốc gia có bốn ngàn năm văn hiến, sản xuất nhiều bậc anh hùng, cách mạng. Như nhà cách mạng tiền bối Giải-Nguyên Lê-văn-Huấn đã kêu thương :

« Năm một ngàn chín trăm mười bốn
« Cõi Âu Châu thành chốn chiến tranh
« Máu nhân dân chảy còn tanh tới giờ
« Bọn đế quốc bắt nhân lắm tá
« Đem ta làm thịt cá mà chơi
« Chốc đà hơn bốn năm trời
« Non cao xương trắng, bể vơi máu hồng...

Còn tại miền Nam, nữ sĩ Sương-nguyệt-Ánh, một người công dân mất nước như bao nhiêu công dân mất nước khác từ thuở chào đời, cái hờn vong quốc luôn luôn canh cánh bên người, đứng trên lầu tòa soạn tờ NỮ GIỚI CHUNG, thấy đoàn quân Việt đi xuống tàu đánh giặc mướn, bà tức cảnh kêu lên :

« Đình thảo thành hào liễu hữu ty
« Chinh phu hà nhựt thị quy kỳ
« Bán liêm tàn nguyệt thương tâm dạ
« Nhất chấm đề quyên lạc lệ thì
« Tái bắc vân trường cô nhạn ảnh
« Giang nam xuân lạc lạo nga my

« *Tái lai kỷ tử tương tư mộng*
« *Tàng đáo quân biên tri bất tri ?*

Em ruột bà là Nguyễn-đình-Chiêm dịch như sau :

« *Cỏ rạp sân thêm liễu rủ hoa*
« *Chàng đi bao thửa lại quê nhà*
« *Nửa đêm trăng xế lòng ngao ngán,*
« *Chiếc gối quyên gào lụy nhỏ sa*
« *Ải bắc mây giăng che bóng nhạn*
« *Vườn xuân nắng tắc ủ mày nga*
« *Nhớ nhau mấy lúc chiêm bao thấy*
« *Ngàn dặm lang quân biết chăng là ?*

Hoặc là : *Nước non xa cách ngàn trùng*

Ai gây chiến họa mang chồng ta đi

...trong bài ĐỜI CHỒNG của một thi sĩ, hoặc là...

« *...Văn minh công lý khua đầu miệng*
« *Vũ lực cường quyền cướp thẳng tay*
« *Xã hội bao giờ thay đổi mới*
Yêu hòa bình, ghét chiến tranh thay ! của nhà cách mạng Ngô Sanh Đặng-thúc-Sứa.

Đấy, chúng ta nhận thấy rằng, từ ngàn xưa cho đến ngàn nay, trong mọi bối cảnh đấu tranh dân tộc, luôn luôn lịch sử minh định rõ ràng vai tuồng của những người ái quốc, với kẻ gian tà, ngụy tặc, để mà ghi nhớ hay nguyền rủa, làm gương soi chung cho thế hệ sau nên tìm con đường chính mà đi...

xxx

Nhà cách mạng Nguyễn-an-Ninh, một đời hy sinh cho dân tộc, gông cùm, tra tấn, tù đày, nên mới trở thành người anh hùng dân tộc, tiếng thơm vạn thuở vẫn còn ghi, ngàn đời người người sùng bái.

Muốn cho dân khôn, kiến thức rộng để đi đến con đường đòi hỏi công bằng, tự do độc lập, Ninh cố gắng dịch nhiều phần trong quyển CONTRAT SOCIAL của J. J ROUSSEAU (DẪN ƯỚC) để phổ biến, trong dân chúng. Nên nhớ danh từ tiếng Việt lúc bấy giờ nghèo nàn lắm, không được dồi dào như bây giờ. Phần đông người ta dùng tiếng Pháp, viết sách, viết báo tiếng Pháp, nên chẳng mấy ai nghĩ đến trau dồi văn chương, tiếng nói Việt Nam. Ninh dịch lưu loát những sách này, thật là một sự công phu rất lớn.

Những câu như thế này, nó làm cho người đọc, phải đau lòng suy nghĩ :

Rốt lại cũng không thấy con người được quyền bắt người « ta làm nô lệ, vì quyền ấy trái lẽ, lại vô lý, Hai tiếng nô lệ với « nhơn quyền nó nghịch nhau. Người với người, dân với dân « nói với nhau câu này, thì không thể cho là không phải nói điên « được.

« — Tao với mầy giao kết như vầy, mầy gánh hết, tao hưởng « hết, tờ giao kết này, tao muốn hủy chừng nào cũng được, còn « mầy, mầy phải gánh mãi, chừng nào cho phép thôi thì thôi...

Đúng là ở trong trường hợp của người dân bị đô hộ, nên Ninh dịch ra, đăng báo, cho in thành sách, phổ biến nhiều chừng nào càng hay chừng nấy.

Chúng tôi xin trích đăng tải dưới đây, quyển DÂN ƯỚC của nhà cách mạng :

DÂN ƯỚC

(DỊCH CỦA J.J. ROUSSEAU LE CONTRAT SOCIAL)

Muốn sắp đặt cho một làng người thì phải do theo tánh tình tự nhiên của người đang lúc ấy. Còn làm luật pháp thì phải do theo người, tính sắp đặt sao cho xã hội được lợi ích lớn hơn hết. Tôi muốn tìm cho ra coi trong xã hội này có cái luật pháp nào là chánh công đúng và chắc chắn không. Trong khi suy-sét, thì tôi cứ lấy hai điều này làm mực : một, là cái nhơn quyền, hai, là sự lợi ích chung, đặng cho sự công bình với sự lợi ích chung nó hòa với nhau.

Tôi tưởng không cần phải chỉ rằng cái đề mục của tôi là trọng hệ thể nào. Có kẻ muốn hỏi tôi vậy chớ tôi là vua-chúa hay là có quyền làm luật cho một đoàn dân dùng, mà luận về quốc sự. Tôi không phải vua chúa hay là người làm luật. Nhưng vì tôi không phải vua chúa hay là người làm luật, nên tôi phải viết về quốc sự Nếu tôi là vua chúa hay là người làm luật, thì tôi không cần phải mất thì giờ mà luận điều phải làm ; vì một, là tôi làm thành ngay cái ý của tôi, hai, là tôi nín.

Tôi là dân của một nước tự chủ. Dầu lời nói của tôi không có can hệ với việc chung trong dân cho mấy, vì tôi được phép tuyển cử thì tôi phải rỏ biết việc chung trong nước. Vui thay ! mỗi khi tôi suy sét về các cách trị quốc thì tôi lại tìm ra được nhiều lẽ nó buộc tôi thương nước tôi thêm.

❁

Con người sanh ra tự do, mà ở xứ nào con người, cũng bị đóng còng cả. Có người tưởng mình làm chủ kẻ khác,

thì có lẽ lại còn nô lệ hơn nữa. Bởi sao mà sanh ra điều đổi ngược ấy ? Điều đó tôi không biết. Làm sao cho sự đổi ngược nầy hóa ra phải lẽ ? Điều nầy có lẽ tôi chỉ giải ra được.

Nếu tôi chỉ nhận cái cường lực và các điều ở nơi cường lực mà ra, thì tôi nói câu nầy «Một đoàn dân bị người ép phải vâng lời người, thì đoàn dân ấy làm như vậy là phải. Đến lúc nó vùng quăng cái ách nô lệ nổi, mà nó vùng quăng đi, thì điều nó làm lại là phải hơn nữa. Vì, người khác dùng cường lực mà đoạt lấy sự tự do của nó, nay nó cũng dùng cường lực mà đoạt lại, thì một là nó có phép lấy cái tự do của nó lại; hai là người ta không được phép giựt cái tự do của nó. «Mà trong xã hội, cái thứ tự là một cái quyền pháp trọng nhứt, gốc của các cái quyền pháp khác. Nhưng cái quyền pháp nầy không phải khi không ở nơi Trời mà ra. Nó ở nơi những lời giao kết mà ra. Ta phải tìm biết những lời giao kết ấy, Nhưng trước hết tôi phải chỉ cho rõ chắc những điều tôi mới nói trên đây.

Cái xã hội trước hết các xã hội và tự nhiên hơn hết là gia đình. Mà lại xã hội nầy, đến lúc con hết cần cha mẹ nuôi dưỡng thì rã. Trời buộc cha mẹ phải nuôi con đến lớn, còn con thì nhờ có cha mẹ mới sống được, nên đến lúc con không cần cha mẹ nuôi nữa thì tự nhiên cái giềng cha con phải dứt. Con hết phải vâng lời mẹ cha, mẹ cha hết phải nuôi con nữa.

Nếu cha mẹ con cái, đến lúc con lớn rồi, mà còn ở chung hợp thì là không phải theo lẽ tự nhiên nữa, là vì đồng muốn chung hợp với nhau. Thì gia đình, đến lúc con lớn, mà còn đứng được, vì trong gia đình có giao kết với nhau.

Cái tự do nầy của mọi người là cái lẽ tự nhiên của Trời đất. Phận sự của con người, trước hết là phải lo nuôi giữ lấy thân mình. Nên con người, đến lúc có trí khôn, chỉ có

một mình mình lo về cách nuôi giữ thân mình thôi, nên con người chỉ có mình làm chủ mình thôi.

Nên gia đình, là cái xã hội đầu, gốc rễ của cái nước. Chúa là người cha, dân là các con. Cha con đồng bực và tự do. Nhưng nhường nhau mà bớt sự tự do của mình, là vì sự lợi chung Nước với gia đình khác nhau, là trong gia đình cha mẹ vì thương con mà nuôi dưỡng con, còn trong nước chúa không có cái tình ấy thì lại có cái lòng ham ngồi trên sai khiến người.

Anh Grotius không chịu nhận rằng quyền lực chánh trị lập ra cho dân nhờ. Anh ta chỉ cái thói dùng kẻ nô lệ thuở xưa mà cho ý mình là đúng. Anh ta có thói hay lấy điều hiện tại. (Vì cho đến ngày nay, trong nhơn loại cái quyền chánh trị xét cho rõ không phải là của dân), chẳng suy điều ấy phải hay quấy, mà luận ra gốc quyền phép: Có cách luận khác đúng hơn của anh ta, nhưng mà luận theo lẽ nầy thì lại không vừa lòng kẻ hiếp dân.

Theo ý anh Grotius thì ta không biết vậy chớ cả nhơn loại là của một đám người, hay là một đám người nầy là của nhơn loại. Xem cuốn Sách của anh ta thì thấy anh ta muốn nhận cho ý đầu là đúng, Anh Hobbes cũng một ý đó. Như vậy thì nhơn loại là như bầy thú; mỗi bầy ó người chăn giữ để dành ăn thịt.

Bổn tánh của anh chăn thú cao hơn bổn tánh của thú mình chăn. Nên bổn tánh của mấy anh chăn loài người, mấy anh chủ của loài người, cao hơn bổn tánh của dân. Xưa vua Caligula luận như vậy, nên ông nói Vua là trời, dân là thú.

Ý của anh Caligula hợp với ý của anh Hobbes và anh

Grotius. Trước mấy anh nầy, có anh Aristote cũng nói con người sanh ra không có đồng đẳng, rằng người sanh ra đặng cầm quyền đè ép nhơn loại; người thì sanh ra làm nô lệ.

Anh Aristote nói trúng, nhưng anh ta nói cái ngọn cho là gốc. Người sanh ra trong vòng nô lệ thì sanh ra đặng làm nô lệ, điều ấy không chối được. Người mắc phải vòng nô lệ thì mất hết cả quyền lợi của mình, cho đến không còn trông mong ra khỏi vòng nô lệ, lại say mê cái nô lệ của mình như anh say rượu nó làm cho mình ra ngu khờ vậy. Nếu có người sanh ra làm nô lệ như là Trời đã phú ra vậy, là vì trước có người bị phải điều nghịch với Trời nó buộc mình làm nô lệ. Trước có cái cường lực nó ép làm nô lệ, sau vì cái tánh yếu nhát của bọn nô lệ nó truyền nối cái phường nô lệ ra.

Tôi không nói về đức vua A-đông và đức hoàng đế Nô ê là cha của ba anh chúa mà chia nhau cái trái đất nầy. Tôi đây là con cháu của mấy người ấy, lại có lẽ tôi là con cháu dòng cả thì có lẽ tôi đây được quyền làm chúa cả nhơn loại. Thế nào đi nữa cũng còn điều này không cải được là trong lúc ông A-đông một mình trên trái đất nầy thì ông ta là chúa cả trái đất, như anh Robinson trôi bè đến một cái cù lao không người làm chúa cả cái cù lao ấy. Lại có điều này lợi cho đức vua, là ngôi trời yên vững không sợ nguy loạn, giặc giả.

Anh cường mạnh hơn hết, nếu không đổi cường lực của mình ra quyền lực, và không hóa sự ép người vâng lời tùng phục mình ra cái phận sự, thì không thế nào mạnh hoài mà làm chủ người hoài hoài được. Cái quyền lực của người mạnh hơn là ở nơi đó ra. Cái quyền lực nầy nói ra như cười chơi, nhưng thật là nó có gốc rễ rất chắc. Nhưng mà ai đâu

giải thử «quyền lực của kẻ mạnh hơn» là gì ? Cường lực nó là lực của xác thịt của vật chất. Tôi không hiểu sao lực ấy kết quả hòa hợp với tâm đức. Chịu thua cái cường lực là vì ép mình phải chịu thua, chớ không phải ai muốn chịu thua, có giỏi lắm thì là vì cần thủ mà thôi. Sao mà cho sự nhịn ấy là phận sự được ?

Tỷ như ta nhận rằng hễ người nào mạnh hơn hết, thì được quyền lực thì lại hóa ra câu lộn đầu lộn đuôi, vì nếu cái quyền lực mà sanh ra quyền lực được thì hễ gốc đổi, thì ngọn cũng đổi ; có cái cường lực nào mới mà thắng được cái cường lực đầu thì được giựt cầm cái quyền lực. Lúc nào ta cãi lịnh mà khỏi bị phạt thì ta được phép cãi lịnh. Hễ mạnh thi hơn, thì ta cứ làm sao cho mạnh hơn. Hễ cái cường lực tan đi thì cái quyền lực cũng tan ri eo, thì cái quyền lực ấy ra gì ? Nếu có người ép phải vâng lời thì cần gì bày ra cái phận sự phải vâng lời. Nếu không còn ai ép mình vâng theo nữa, thì mình khỏi vâng theo. Đấy là cái quyền lực nầy có thêm chút chi cho cái quyền lực đâu ; nó không có nghĩa lý gì hết.

Nếu dạy : «Chúng bây phải vâng theo quyền phép» chỉ nghĩa là : «Chúng bây phải chịu theo cái cường lực», thì tôi cũng cho lời dạy ấy là phải, nhưng tôi tưởng là không cần mấy, vì tôi dám đoan rằng không ai làm trái lời dạy ấy đâu, Tôi cũng biết rằng quyền lực là của Trời giao cho. Nhưng mà cái bịnh cũng là gốc nơi Trời mà ra vậy. Tôi có nên kêu thầy thuốc đến hay, không ? Anh ăn cướp đón tôi tại gốc rừng, tôi phải móc hết túi tôi ra, nhưng tôi có thể giữ lại được, thì có cái gì buộc lương tâm tôi phải đưa hết số bạc cho anh ăn cướp hay không ? Cây súng sáu của anh ăn cướp cũng là một cái quyền lực vậy.

Thế thì cái cường lực không bao giờ sanh ra quyền lực được. Và chỉ quyền phép trúng lý mới được ép người.

Người đối với người thì Trời không có cho người có quyền gì với người cả. Còn cường lực thì không sanh ra quyền pháp được. Vậy thì quyền phép chỉ còn có ở nơi sự giao kết (của con người hợp nhau mà lập ra xã hội) mà ra thôi.

Anh Grotius có nói; «Nếu mỗi người được phép trao cái tự do mình cho kẻ khác, thì sao một đoàn dân được phép trao cái tự do của mình cho một anh chúa?» Trong câu này có nhiều tiếng cần phải giải nghĩa ra cho rõ ràng. Nhưng đây ta chỉ bắt tiếng TRAO mà thôi. Trao, là cho hay là bán. Mà người làm tôi mọi cho kẻ khác, thì không phải cho đứt mình cho kẻ khác; nó chỉ bán mình đặng nuôi mình mà thôi. Một đoàn dân thì nó lại bán mình làm chi? Có vua chúa nào nuôi dân no cơm ấm áo, hay là dân phải nuôi vua chúa? Mà lại như theo lời của anh Rabelais, thì vua chúa ăn có phải là ít đâu. Nếu vậy dân đã giao mình cho chúa đặng nhờ chúa lấy luôn hết của cải nữa sao? Tôi không biết vậy chớ dân còn chút gì là của mình mà lo giữ?

Có kẻ nói rằng anh chúa ép dè dân đặng cho trong nước bình yên. Tỷ như có thật vậy đi, thì dân sự dưới tay anh chúa được gì là lợi? Túi tham của anh chúa sanh ra giặc này giặc kia, lòng tham của anh chúa rút rỉa của dân không bao giờ đã, quan quyền của chúa làm nhục hiếp đáp dân. Nước thái bình như vậy lợi chi hơn nước loạn rồi. Nếu cái thái bình này là cái đau đớn khổ sở của dân thì lại làm sao? Ở trong ngục cũng thái bình vậy; thái bình như vậy là vui sướng không? Mấy anh Grec, xưa bị anh chằn Cyclope bắt nhốt vào hang chờ ngày ăn thịt, thì lúc ở trong hang cũng là êm ái vậy,

Nói có người cho không mình cho kẻ khác, là nói điều

vô lý, không thể người trí thức nhận là có thật được. Ai làm điều ấy là người khùng điên, thì việc làm của người khùng điên không trúng lẽ mà cũng không vướng vấp gì hết. Nếu một đoàn dân mà làm như vậy, thì đoàn dân ấy là một đoàn dân điên. Điên mà giao quyền sao được ?

Ta có thể trao thân ta cho kẻ khác được chớ ta không được trao thân con của ta cho kẻ khác được ; vì con của ta sanh ra nó là người mà lại là người tự chủ ; quyền tự do của chúng nó là của chúng nó; chỉ một mình chúng nó được dụng cái quyền ấy thôi. Khi chúng nó chưa đến tuổi khôn, cha mẹ được phép thế quyền của chúng nó đặng giao kết với người cho chúng nó no ấm ; nhưng không được cho đứt chúng nó cho người khác, vì cho như vậy là sái lẽ Trời đất vì quá cái quyền làm cha. Muốn cho một nhà trị quốc hay để ép người hóa ra một nhà trị quốc trúng lẽ, thì mỗi đời con cháu trong dân, đến lúc lớn khôn, phải được quyền tự mình ưng nhận hay là bỏ phá cách trị quốc ấy. Nhưng nếu vậy thì không thể gọi nhà trị quốc ấy là ép chế được.

Từ bỏ tự do của mình, là từ bỏ bổn tánh của con người của mình, từ bỏ cái quyền của nhơn loại, từ bỏ cho đến cái phận sự riêng của mình. Anh nào mà từ bỏ đứt hết như vậy thì không có chi đền bồi cho anh ấy được. Mà lại nếu trong việc làm của mình mà không có tự do thì việc làm của mình không còn vướng vấp với luân lý được. Vả lại giao kết một bên thì được hết cả quyền lợi còn một bên thì cứ vâng lời mãi thôi, thì lời giao kết ấy nghịch ý mà lại vô ích. Điều giao kết không đồng cân này, lời giao kết có vay không trả này có phải là làm cho cái tờ giao kết ấy không thể dùng được hay không ? Vì nếu điều chi của người tôi tớ của tôi là ở trong tay tôi, thì người này còn quyền chi mà đối với

tôi. Mà lại quyền của anh ta là quyền của tôi, thì quyền của tôi chống với tôi, ấy có phải là điều vô lý không ?

Mà xét rõ thì cái quyền được giết kẻ thất trận của họ nói đó không có lẽ nào là ở nơi giặc mà ra, Vì lúc con người còn tự do như mọi ở rừng, không có giao thông gần gũi nhau mãi mãi cho ta có thể nói chắc rằng họ hòa với nhau hay là họ nghịch với nhau ; thế thì không nói được rằng Trời sanh ra con người nghịch thù với nhau. Có giặc là gốc ở nơi VẬT mà ra chớ không phải ở nơi người ; giặc không có thể ở trong sự giao thông riêng của từng người mà sanh ra, thì trong lúc chưa có xã hội, không có giặc vì chuyện tư của một người, là vì lúc ấy không có cái quyền làm chủ vật mãi mãi, đến lúc thành ra xã hội thì cũng không có giặc như vậy được vì mọi việc đều có luật pháp lập ra để xử.

Thế là giặc không phải là từ người đối với từ người, là một nước đối với một nước. Trong lúc có giặc. con người thù nghịch nhau không phải vì là làm người hay là vì làm dân ; nghịch thù nhau là vì làm lính bảo hộ nước mình. Rốt lại, chỉ có nước nghịch với nước, chớ không phải nghịch với người ; ví như người nầy nghịch với người kia, thì mình thấy rõ cái giềng mối của sự nghịch thù của họ, còn nước này nghịch với nước kia thì trong ấy có nhiều cái giềng mối rối lộn khó cho người phân xử rỏ ràng được.

Cái lý nầy từ xưa đến nay dân nào nước nào cũng phải nhận. Cho nên hạ chiến thơ là cho dân bên nước nghịch hay trước, chớ không phải là cho chúa nước ấy hay. Một người kia, một anh vua kia, một đoàn dân kia sang xứ khác cướp người, giết người, bắt người mà không hạ chiến thơ

là không phải người giặc, là ăn cướp đó. Một anh chúa công bình, lúc thắng trận vào nước người, chỉ đoạt lấy của chung trong nước ấy thôi, không động đến trong dân và tiền riêng của mọi người. Giặc là để giết phá cái nước nghịch, kẻ thắng trận chỉ được phép giết kẻ cầm gươm súng chống lại với mình thôi ; hễ kẻ nầy quăng gươm súng đi mà chịu đầu phục thì không còn là người thù nghịch nữa, là con người như mọi người trong nhơn loại, không được phép giết người ta. Lắm khi cũng có thể giết chết một người dân nào trong nước ấy ; mà có giặc là đặng giết nước của người, thì điều chi ngoài cái đó là sái phép. Nhưng mà anh Grotius không nhận mấy cái lý nầy, vì bọn ngâm thi uống trà không có bàn về mấy cái lý ấy, ; mấy cái lý ấy chỉ ở trong sự thật, ở trong phải lý mà ra thôi.

Còn nước này sang đoạt chiếm cứ nước khác thì cái quyền chiếm cứ ấy là ở nơi cường lực thôi. Nếu kẻ thắng trận không được phép giết dân thất trận, thì lấy đâu mà nói được phép bắt dân thất trận làm nô lệ cho mình. Nếu nói : khi nào bắt kẻ thất trận làm nô lệ không được thì được phép giết ; thì là cái phép bắt kẻ thất trận làm nô lệ không phải là ở nơi cái phép được giết kẻ thất trận mà ra. Không được phép giết người ta mà nói rằng bắt người ta làm nô lệ đặng người ta chuộc mạng thì có phải là trái công bình hay không ? Nói rằng vì buộc người làm nô lệ không được nên giết người, rồi nói giết người vì bắt người làm nô lệ không được ; ấy có phải là nói lộn rồng lộn rắn không ?

Dẫu kẻ thắng trận được phép giết hết cả nhảy đi nữa, thì tôi cũng nói : một người bị giặc bắt hay là một đoàn dân thua bị chiếm đoạt không có mắc chi với kẻ thắng mình hết,

hễ người thắng trận ép mình vâng lời cho đến ngày nào chống lại được thôi. Kẻ thắng trận bắt kẻ thất trận làm nô lệ nuôi mình, ấy có phải là ơn đâu ; giết thế kia vô ích, thôi thì giết thế này lại được nhờ. Người thắng trận được làm chủ là nhờ cái cường lực ép chế, đã không được quyền phép gì làm chủ người, mà lại cũng còn nghịch thù như xưa ; hễ còn có kẻ thắng người thua thì là còn giặc. Mà lại hễ có giặc mà làm tờ giao hòa thì không ăn thua gì hết. Hai nước thật có làm một tờ giao kết, nhưng tờ ấy là đem giặc nữa chớ không phải đem hòa được, vì sự bất bình còn ở trong tờ giấy. Giao hòa nghĩa là còn giặc nữa, chớ không phải là hết giặc.

Suy xét bề nào, rốt lại cũng không thấy con người được quyền bắt người ta làm nô lệ, vì quyền ấy đã trái lẽ mà lại vô lý. Hai tiếng *nô lệ* với *nhơn quyền* nó nghịch nhau. Người với người hay là dân với dân mà nói với nhau câu này thì không thể cho là không phải nói điên được : «Tao với mầy giao kết nhau như vầy mầy gánh hết, tao hưởng hết ; tờ giao kết này tao muốn hủy chừng nào cũng được ; còn mầy thì phải lãnh gánh mãi, chừng nào tao cho phép thôi thì thôi.»

Dầu tôi nhận mấy điều tội phá từ khi nãy giờ là phải, thì mấy kẻ hiếp dân cũng không thêm được gì. Ép chế một đám người là khác, cai quản một xã hội là khác. Một đám người, dẫn dẫn bị bắt làm nô lệ, dẫu đám người ấy đông cho mấy nữa, tôi cũng chỉ biết đó là một anh chủ với một bầy tớ thôi, tôi không thể nói đó là một người làm đầu với một đoàn dân tự do được. Cho rằng đó là một đồng người đeo cục lại thì được, cho rằng một đám người hội hiệp thì không ; trong đây không có lợi nước, quyền dân. Dầu người ấy làm chủ đoạt

ép được hết nửa trái đất nầy, thì cũng là như một anh chủ điền kia vậy thôi. Cái lợi của anh là khác, cái lợi của dân anh là khác; nên cái lợi của anh chẳng qua là một cái lợi tư kia. Khi anh ta chết thì cái đại quốc của anh ta phải rả rời ra như một cái cây lớn bị lửa cháy tiêu ra tro bui vậy.

Anh Grotius có nói: « một đoàn dân được phép trao mình cho vua thì đã có dân là dân rồi. «Nếu dân trao mình cho vua thì mỗi người trong dân chịu trao mình cho vua, thì là cả thảy trong dân có bàn cải nhau trước cho đồng ý. Như vậy thì muốn tra về điều dân trao mình cho chúa, trước phải tra về điều dân là dân đã; vì có điều nầy trước mới có điều kia; gốc của xã hội ở nơi điều nầy, chớ không phải ở nơi điều kia.

Rốt lại, thì nếu xã hội lúc đầu không phải ở nơi con người hội hiệp giao kết với nhau mà ra, thì ai cho phép phe đông trong xã hội được phần phải hơn phe ít? Lấy đâu mà nói hễ có một trăm người đòi có vua mà còn mười người không ưng theo, thì mười người này phải theo trăm người kia? Cái luật hễ bỏ thăm ai đông thì hơn, nghĩa là: «trước, cả thảy có đồng ý với nhau, giao kết với nhau mới ra cái luật ấy.»

Mấy điều ở trong sách Dân-Ước (Le contrat social) của ông Rousseau nói tiếp theo mấy bài trên đây là tóm trong câu nầy

«Tôi viết quyển sách Dân-Ước (Le contrat social) là đặng giải cái khó nầy: tôi muốn tìm cho xã hội một cách hội hiệp thế nào mà cái lực chung của xã hội để mà bảo hộ thân thể và của cải của mỗi người trong xã hội; làm thế nào mà trong cái hợp hợp ấy mỗi người hợp với người ta, mà hễ khi

nào phải vâng lời người thì lại thật là mình vâng lời người, thì cái tự do của con người cũng còn y như trước».

Thừa một lúc có ngày giờ dư tôi dịch được đến đây. Lúc nào tôi rãnh nữa tôi sẽ dịch nối theo. Mà không biết chừng có người thấy tôi dịch được đây, sẽ lãnh dịch nối theo chia giùm công việc làm với tôi. Tôi viết chữ quốc ngữ còn kém lắm, lắm khi không được mấy đúng : nhưng tôi muốn giúp ích cho đồng bào, xin đừng bắt buộc tôi lắm.

NGUYỄN-AN-NINH

°O°

NHÀ CÁCH-MẠNG NGUYỄN-AN-NINH ĐỀ THƠ, HỌA TRANH

KHUYẾN TẠ-THU-THÂU DUY VẬT

HUỲNH-THANH-THẢO DUY TÂM (giáo Thảo Cao Đài)

1939.... Đệ-Nhị Thế-Chiến vừa bùng nổ ở Âu-châu, tại Việt-Nam mở cuộc «TỔNG RUỒNG VÉT SẠCH» Những nhà cách mạng, đủ mọi thành phần, xu hướng chính trị. Kẻ bị đưa lên Tà Lài, Bà-Rá, người khám lớn, Côn-Nôn. những ký giả, nhà văn, họa sĩ chi chi có óc tiến bộ cũng bị vạ lây, như Cao-thượng-Thinh, nhà văn lảo thành kỳ cựu, Đào-trinh-Nhất, chủ nhiệm tờ báo Mai cũng bị trục xuất về nguyên quán Thái-hà ấp, ngoài Bắc, nhà văn Phan-văn-Thiết, Nguyên-bảo-Toàn, Đặng-văn-Ký, một họa sĩ tài hoa, một nhà văn được nhiều người mến chuộng, thơ hay, một môn đồ gần như con

nuôi của nhà cách mạng tiền bối Nguyễn-An-Khương, bạn đồng tâm, đồng chí với Ninh cũng bị tù đày 18 tháng ở Tà-Lài. Tội gì ? Tội liên quan đi lại, sự giao thiệp sát cánh với Nguyễn-an-Ninh.

Nguyễn-bảo-Toàn, một cựu công chức sở Bưu-Điện, vốn là một thanh niên yêu nước, có nhiều nhiệt huyết, chủ nhiệm tờ DÂN-MỚI, vì loạt bài Hắc-Họa (Le Péril noir) cũng bị vào tù. Phan-văn-Thiết, có cử nhơn luật, có quốc tịch Pháp, có văn phòng biện sự, bị loạt bài Bạch Họa cũng bị kêu 4 năm tù ở, 5 năm biệt xứ, mất hết quyền công dân.

Ngay tới cụ Phan-văn-Hoài, thân sinh nhà cách mạng Phan-văn-Hùm cũng bị bắt giam. Bắt liên tiếp như vậy cho tới gần hai trăm bị kết án thiệt thọ. Còn loại bị tình nghi lên tới 3 950. Chỉ có trong sáu ngày mà vét sạch mấy ngàn người. Thật là đủ mặt anh hùng tứ xứ.

NGUYỄN-AN-NINH, bị án lưu xứ, đang sống tại Mytho, cũng bị tóm bắt vào tù ngày 5 tháng 10 về khám lớn Saigon, đợi ngày gởi ra Côn đảo.

Trong thời kỳ TỔNG RUỒNG, VÉT SẠCH này, thực dân chia ra nhiều vụ, nhiều nhóm để kết án kêu tù, nhưng chung qui đồng chung một tội là PHÁ RỐI TRỊ AN. Thật là một thời kỳ khủng khiếp. Ai ai cũng nơm nớp sợ vạ lây, sự bị bắt, tra tấn, kêu tù, đày ải. Tới Hội ÁI-HỮU những nhà viết báo cũng bị giải tán, Nguyễn-văn-Sâm, Hội trưởng cũng bị vào tù. Lý do :

Trong ban trị sự có Trần-văn-Thạch làm Tổng-thơ-ký, Lê-văn-Thử phó thủ quỹ, thành phần này khuynh tả, trong nhóm La Lutte. Trần-văn-Thạch, người giữ mục LES PETITS

CLOUS, có một giọng văn châm chích nhà đương cuộc như cây đinh nhọn đâm vào, còn cú pháp văn chương Pháp thì tuyệt. Trí thức, sinh viên thuở đó, hễ mua tờ La Lutte thì liền đọc ngay mục LES PETITS CLOUS của Trần-văn-Thạch liền, một giáo sư được nhiều sinh viên mến phục.

Cuộc diện Việt-Nam năm 1939 thay đổi một cách hết sức bất ngờ. Đâu đâu cũng mở chiến dịch bắt bớ, tra khảo, giam cầm. Vì sao có sự bắt bớ tổng quát như thế ?

Như chúng ta biết, Pháp trước kia coi Nga-Sô-Viết như là một hữu bang, nay thình lình khai hẳn với Pháp, vì đó Pháp không thể dung túng, để yên cho những thành phần khuynh tả, tự do tuyên truyền cho chủ nghĩa Staline.

Toàn cõi Việt-Nam đều trong tình trạng bắt bớ, sau cái nghị định lịch sử có những khoản như vầy do lịnh cầm quyền Pháp :

1.—Cấm tất cả các cuộc hoạt động, bất cứ hình thức nào có mục đích hoặc gián tiếp, hay trực tuyên tiếp truyền các khẩu hiệu của cọng sản hay các cơ quan do cộng sản kiểm soát.

2.— Quyết định giải tán chi bộ quốc tế cọng sản và tất cả những hội, cơ quan liên lạc đến chi bộ cọng sản. Các ông Tổng-Trưởng nội vụ có quyền ký sắc lịnh định cách, phân chia tài sản của những cơ quan bị giải tán.

3.— Cấm xuất bản, phát hành đem bán đem cho đem treo hoặc tàn trử những sách vở, báo chí, những bức họa, có tánh cách tuyên truyền cho cọng sản.

4—. Những kẻ phạm sắc lịnh, có thể bị phạt theo sắc lịnh ngày 29 tháng 7 năm 1927 (1) và phạt từ

một đến năm năm, một trăm đến 5 ngàn quan vạ. Hơn nữa, họ còn có thể bị phạt trong điều khoản 42 của Hình-Luật.

Vì cái sắc lịnh này, mà cuộc TỔNG RUỒN, VÉT SẠCH từ Nam ra tới Trung, Bắc. Chính ở Pháp, đảng cọng sản cũng bị giải tán vào thời kỳ này tháng *10 năm 1939*. Thành phố Saigon như Hà-Nội và các tỉnh, ngày nào cũng rộn rịp cảnh bắt hớ, xét nhà bắt đi. Ở Bắc như Trần-huy-Liệu, Văn-tiến-Dũng, Ngô-lê-Đông, Nguyễn-đức-Chính, Tạ-quang-Sáu, Lê-Chất, Văn-đức-Rũng, Nguyễn-mạnh-Chất, những yếu nhơn của cọng sãn đều bị vào tù.

Ngày 16 tháng tư năm 1940, tại Tòa Tiểu hình Saigon pưới quyền chủ tọa Chánh-Tòa Pierre xử kêu trăm người có tên dưới đây :

Tạ-thu-Thâu 5 năm tù, 10 năm biệt xứ
Trần-văn-Thạch, 4 năm tù, 10 năm biệt xứ
Nguyễn-văn-Sâm, 3 năm tù, 5 năm biệt xứ
Hồ-hữu-Tường 4 năm tù, 10 năm biệt xứ
Phan-văn-Chánh 3 năm tù 5 biệt xứ
Võ-công-Tồn 4 năm tù. 10 năm biệt xứ (xem tiểu sử trang sau),
Nguyễn-thị-Lựu 3 năm tù, 10 năm biệt xứ
Nguyễn-thị-Hai tự Sóc 3 năm tù, 5 năm biệt xứ

Còn gần trăm người khác, đều bị kêu từ 3 năm đến 3 tháng. Tuyên án rồi, Tòa còn tuyên bổ thêm cái án bị tước hết quyền công dân trong kỳ hạn 10 năm, Tạ-thu-Thâu, Trương-Lập-Tạo, Võ-công-Tồn, La-vinh-Lợi đều bị thêm cái án tước quyền này..

1939.. một năm lịch sử của Việt-Nam ta.. Tất cả, tất cả người ái quốc, yêu nước với khía cạnh nào, xu hướng nào, xa gần dính dấp chi với các nhà cách mạng đều bị đưa vào tù...

Và bắt đầu năm này mà Ninh chết luôn trong tù (1943) Thâu bị giết chết (1945) ở Quảng-Ngãi. (1)

Thật là vét sạch anh hùng cách mạng trong nước. Các khám đường chật nức tù nhơn chánh trị.

Bác-sĩ Nguyễn-văn-Nhã, Trịnh-hưng-Ngẫu, người tổ chức đảng Jeune Annam, tiếp rước Bùi-quang-Chiêu, Nguyễn-hòa-Hiệp (V.N.Q,D.Đ) Phan-văn-Hùm, Đặng-văn-Ký bị đưa đi Tà-Lài, các cô Minh-Khai, Hai Sóc, Cô Hồng,, cô Lựu v. v.. vào khám Bà-Rá..

Nguyễn - an - Ninh, Tạ - thu - Thâu, Phan-văn-Sữu, Trần-ngọc-Danh, Cử Trần-văn-Thạch, Võ-công-Tồn, Hòa-Thượng Đồng, Đốc Lợi v..v.. thì đưa ra Côn-Nôn. Họ được đưa giam chung vào cách-sô (cachot) lao (bagne) II. Nơi này là nơi để giành riêng cho các nhà «Đại cách mạng» thành phần nguy hiểm nhứt của thực dân, nguy hiểm vì cái án chánh trị, cái tội yêu nước của họ, để khỏi bịnh truyền nhiễm «bịnh ái quốc» tới các thường phạm tội nhân.

Vì bịnh, NGUYỄN-AN-NINH, Tạ-thu-Thâu, Lê-hồng-Phong và Huỳnh-thanh Thảo được đưa vào khám nhà thương, nói là nhà thương cho nó có danh từ, chớ thật ra cũng là một loại phòng giam đặc biệt bên cạnh một phòng chứa thuốc.

Vì sợ tù trốn thoát, nên nơi này ngoài sự bố phòng chặt chẽ, bên trong còn có đặt sẵn một dây còng, để có gì bạo động xảy ra, thì cho tù đeo ngay vào chân tức thì.

1.— Xem quyển NHÀ CÁCH MẠNG TẠ-THU-THÂU 1906-1945.

Chỗ giam Nguyễn-an-Ninh, Tạ-thu-Thâu và nhiều nhà cách mạng khác vào những năm 1939 tới 1944.

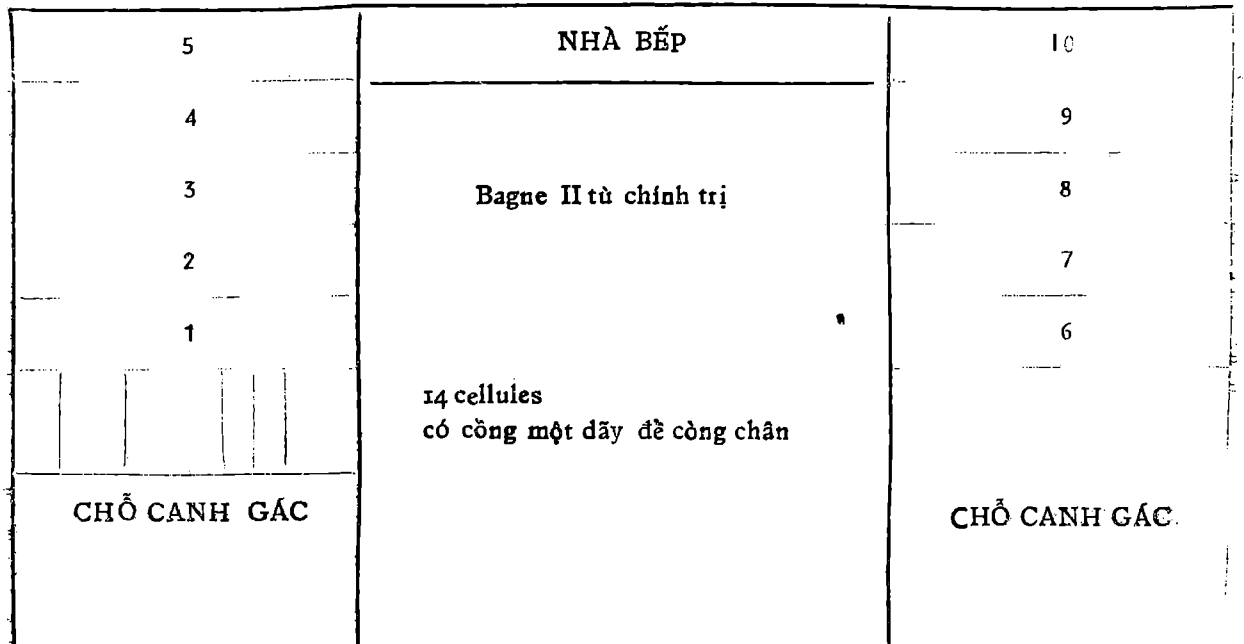

Nằm không dưỡng bịnh, các nhà cách mạng thường hay bàn luận chánh trị, văn chương. Hay thay đổi dạy nhau học chữ Pháp và Nho. Kẻ biết chữ Nho dạy cho người rành chữ Pháp, người giỏi chữ Pháp dạy lại cho người chữ Nho. Hết luyện học, đọc sách phê bình qua chuyện chánh trị Đông-Tây, đến chuyện nước nhà. Hết chánh trị sang bàn những chủ thuyết khác.

Rồi một hôm TẠ-THU-THÂU DUY VẬT gặp Huỳnh-Thanh-Thảo DUY-TÂM, một THẢO có tiếng học giỏi, biết gần 10 thứ tiếng ngoại quốc, một con người đầy đủ đức tin với phái Cao-Đài, một thanh niên ái quốc, như bao nhiêu thanh niên khác.

Sa-đéc

Monday, March 20, 2017

Như chúng ta vẫn biết, Thâu là một nhà lãnh tụ có tài hùng biện không thua Ninh, là hiện thân của phái DUY VẬT (Matérialisme) tư tưởng đại đồng, trong các cuộc tranh biện từ Pháp sang Nam, Thâu nắm vững cái biện luận của mình. Còn Giáo THẢO, người đạo Cao-Đài, tượng trưng phái DUY TÂM (Spiritualisme), một con người đầy đủ đức tin, cơ hồ bao trùm cả vạn vật.

Trong câu chuyện chánh trị từ ngoại quốc đến nước nhà, sau đến cao hứng đến thế nào lại đem vấn đề lý thuyết ra bàn. Thâu duy vật gặp Thảo duy tâm, hai ông đụng nhau cải lên nẩy lửa.

Theo thảo duy tâm quả quyết chủ trương :

— Mọi việc trên thế gian này đều do đấng *chí tôn* định đoạt, con người ai ai cũng có linh hồn đi đôi với sự luân hồi, quả báo. Và, để bảo vệ cương thường, luân lý, xã hội loài người cần phải cóTÔN TI, TRẬT TỰ. Nếu không, thì kiếp sống của con người sẽ không khác chi loài vật, mới

không cần đến cương thường, đạo lý v..v.. Nhưng với THẦU, thì ngược hẳn lại, Thầu chủ trương rằng :

— Mọi việc trên trái đất này đều do sức người dựng lên. và một kiếp chết là một kiếp hết. Và tất cả mọi người đều phải được sống một cuộc đời đầy đủ và bình đẳng như nhau. Đến như TRỜI, PHẬT, THÁNH, THẦN, chẳng qua là những danh từ YÊU NGÔN, HOẶC CHÚNG mà thôi, không có liên quan mật thiết gì đến cuộc sống hàng ngày của nhân loại v..v..

Chúng ta còn lạ gì nhà cách mạng Tạ-thu-Thầu, hiện thân của phái duy vật, thích chủ nghĩa duy vật tới dịch trọn quyển PRINCIPE ÉLÉMENTAIRE DE LA PHILOSOPHIE» TRIẾT HỌC PHỔ THÔNG CỦA POLIZER ra quốc văn, có dịp sau này, tôi sẽ trích đăng lại tất cả trong quyển NHÀ CÁCH MẠNG TẠ-THU-THẦU 1906-1945.

Thế là cuộc tranh luận hai chủ thuyết DUY-TÂM VÀ DUY-VẬT sôi nổi. Sôi nổi tới cả một buổi trưa, không ai nhịn ai, càng cãi càng la to, rùm lên cả khám, làm các anh nằm gần nơi đó, không nghỉ ngơi gì được. Trong số có Nguyễn-an-Ninh. Mạnh ai nấy cực lực bình vực chủ thuyết của mình, không đi được đến kết thúc nào, mà càng lúc càng căng thẳng thêm lên. Quá thế, nhiều anh em khuyên can trong số có Lê-hồng-Phong cười chua chát bảo :

— Hai anh em tranh luận mà tôi bực quá. Từ sáng sớm tới giờ có được cái gì ích lợi đâu ? Hay là chung cuộc cũng chỉ có hai ca gạo lức không hơn không kém. Hiện giờ, chúng ta một thứ nạn nhân trong cảnh tù đày, và ngày nào cũng loại gạo sâu, khô mục. Ấy thế mà đem lý thuyết ra tranh luận, tôi thấy nó trái mùa quá đi. Chúng ta kẻ vì yêu dân tộc,

mến giống nòi trong cảnh nô lệ, mới làm cách mạng, chịu cảnh tù đày, hy sinh thân thế, đời người để đòi cái tự do, độc lập cho dân tộc, thì lo cái đó đi, lo cho cái ngày ra khỏi tù đày, làm cái gì trước ? Kế hoạch nào hay ? Hợp thời, hợp lý ? Hợp với nhân tâm thì sẽ được tồn tại, còn cái gì ngược lại thì sẽ bị sa thải ngay, có gì lạ mà tranh luận cả buổi, cả đám không ai nghỉ ngơi gì được ?

Những lời khuyên can, được bớt sôi nổi một chút, rồi trở lại sôi nổi thêm.

Từ những giây phút đầu cho tới phút chót, Nguyễn-an-Ninh nằm gần đó, nhưng giữ thái độ trầm lặng, không binh ai, bỏ ai, mặc dù vẫn lóng tai nghe, nhưng trong khóe mắt thấy lộ vẻ vợi buồn- Đến phút tranh luận kịch liệt hơn, thì Ninh từ từ đứng dậy, đi lấy một cục phấn san-hô, ngồi bệt xuống đất, vẽ lên trên nền xi-măng một bức tranh « BẠN DUẬT TƯƠNG TRÌ» và dưới từ từ khắc từ chữ một mấy câu thơ như thế này

« NƯỚC TRIỀU XUỐNG BỂ BÀY SA MẠC
« NGAO NGỬA LÒNG, HÓNG MÁT CHỜ TRĂNG
« CON CÒ LẶN LỘI KIẾM ĂN
« THẤY MỒI CHỰC SẴN NGỞ RẰNG DỊP MAY
TUỐT MỎ NHỌN ĐỐP NGAY CHÙM THỊT
NGAO GIỰT MÌNH, KHÉP KHÍT VỎ HÀO
BẢO RẰNG : MI ĐÃ HẠI TAO
THÌ ĐÂY CHỐC NỮA NƯỚC TRÀO SẼ HAY
CÒ ĐÁP LẠI : RẰNG MẶC CŨNG CHẾT
RÚT RUỘT MÀY CHO HẾT MỚI THÔI
DẰNG CO CHƯA KỊP HẾT LỜI

ÔNG CHÀI BONG TỚI NƠI SẴN SÀNG
HAI TAY CHỚP HAI CHÀNG VÀO GIÓ
VIỆC ĐÃ RỒI CÒN CÓ NGHĨA CHI
THAN ÔI ! BẠN DUẬT TƯƠNG TRÌ
NGƯ ÔNG ĐẮC LỢI, CHẾT THÌ CẢ HAI...

Khi thấy Ninh vừa vẽ, vừa đề thơ theo thể thơ ngụ ngôn của La Fontaire : NGAO CÒ CẮN LỘN. NGƯ ÔNG THỦ LỢI, thì nhà cách mạng Tạ-thu-Thâu và duy tâm Cao-Đài Huỳnh-thanh-Thảo, nín lặng ngay từ lúc đó, và chăm chỉ theo dõi từ câu chữ viết của Ninh.

Thật là một cách khuyên can có nhiều ý nghĩa, tế nhị khoa học. Nhờ đó mà Thâu Thảo bắt tay nhau, đồng cười xòa.

Một câu chuyện nhỏ trong tù như trên, đủ chứng tỏ bầm chất ôn hòa, dung hòa, của nhà ái quốc gần như một triết gia. Và lắm lúc Ninh vì lòng vị tha, vị bạn, hơi yếu mềm, nhơn đạo ấy mà trong đời cách mạng của Ninh, đôi khi bị người khác làm hoen ố cái đức tính cao cả vô biên, cách mạng tính, quân tử tính của Ninh. Như lúc vị tình Nguyễn-văn-Tạo, một lãnh tụ Đệ-Tam Quốc-Tế trong nhóm La Lutte của Tạ-thu-Thâu vào viết giúp cho tờ nhật báo Trung-Lập, của ông bà Trần-thiện-Quí, Ninh phụ trách mục BIA MIỆNG, dưới ký tên THÔNG-REO, thay cho TỬ PHAN.KHÔI, đảm trách mục này từ lâu, nay cùng Bùi-thế-Mỹ, vị chủ bút tờ báo này, sang qua PHỤ-NỮ TÂN-VĂN.

Đầy, cái nguyên nhân tai hại về sau, cái hậu quả không lường cho cả nhóm. Ninh bị hoen ố danh dự vì loạt bài chỉ

trích, xuyên tạc của nhóm Phụ nữ Tân-Văn, bảo Ninh đi thờ chủ nghĩa Đệ-Tam, phò Tạo bỏ Thâu. Nguyễn-văn-Tạo, vị lãnh tụ Đệ-Tam quốc Tế, không được mấy người thích, với cái chủ nghĩa đã đành, thêm với bộ tịch nghinh nghinh, đôi mắt xênh xếch, với cái béret chụp xeo xéo lên đầu, với bộ giò chân cao; chân thấp, xà nghinh, xà ngang, tỏ về ta đây, thêm giọng văn hỗn láo, nên chẳng mấy người ưa thích. Vì sự sống chết của tờ báo, sau khi hai trụ cột Bùi-thế-Mỹ và Phan Khôi sang ngang qua Phụ-nữ Tân-Văn, ông bà Trần-thiện-Quí mới mời Tạo điều hành tờ báo, kéo thêm Nguyễn-an-Ninh vào.

Nhưng sự thật, ai ai cũng biết rõ như hai năm là mười Nguyễn-an-Ninh từ bao giờ đến bao giờ là cái con người duy thức trong phái Trung-Hoa Tiến-Bộ, đơn thân độc mã với cái CHUÔNG RÈ RẠN NỨT «LA CLOCHE FÊLÉE», từ năm 1923 đã phất cao ngọn cờ tư sản tự do, mở một phong trào ái quốc, mở một kỹ nguyên cách mạng trong giới hạ tầng, nông dân, lao động, cái con người đi tiên phong, không kể gì danh, gì lợi, đến thể xác không cần, nói gì tới danh với lợi. Ở miền Nam nói riêng, và ở Việt-Nam nói chung, Nguyễn an Ninh đã mở ra một con đường cách mạng tự do, công khai lên án thực dân trước dư luận trong nước đến dư luận quốc tế.

Để rồi Nguyễn-an-Ninh gieo giống, nở mầm, trong bao nhiêu năm qua, trong LỰC LƯỢNG QUỐC GIA TRUNG-HÒA TIỀN-BỘ của Ninh, để sau này, Ninh dọn đường sẵn cho nhóm Tam-Tứ quốc Tế nhào vô.

NGUYỄN-AN-NINH ! Cái con người duy thức, có tư tưởng rất tự do, rất gần với tư tưởng vô chánh phủ ấy (anar-

rchistes), nghĩa là rất giống với cái tâm lý và tánh chất người miền Nam, là một THẦN-TƯỢNG chiêm ngưỡng của đại đa số nhân dân miền Nam lúc đó. Chẳng những đối với trí thức tư sản và các giới cần lao, mà ngay tới cả địa chủ, thượng lưu trí thức cũng đều ngưỡng mộ NGUYỄN-AN-NINH. Có như vậy mới có một vị Hội-Đồng, Điền-chủ giàu có tên tuổi tại Gò-Đen (Chợlớn) «VÕ-CÔNG-TỒN, bất chấp nguy hiểm, dám chứa chấp Nguyễn-an-Ninh trong nhà trong lúc bị thực dân truy nã.

NGUYỄN-AN-NINH ! Con người trong NI-THỂ HỌC PHÁI (De l'École NIETZCHÉENNE), phái chỉ thích sống trong nguy hiểm, mà Ninh thường viết bài phổ biến trên báo, trong sách về Nết. Ninh thường bảo với các bạn :

— Cõi bất diệt như cái váng nhện trong một góc nhà hoang. Con nhện ở đó, ngày ngày sống mà ăn, ăn mãi năm này qua năm kia...

Nếu bất diệt như thế, thì chán biết chừng nào ?..

NGUYỄN-AN-NINH ! Thần tượng của Phan-văn-Hùm, nhà cách mạng đồng chí, một «CON BÀI TRÙNG» của Nguyễn-an-Ninh, tác giả quyển NGỒI TÙ KHÁM LỚN, trong vụ đánh lính ở Bến-Lức với Ninh, cùng cạo đầu giả người tu hành với mục đích đánh lừa qua mắt thực dân Pháp, trong kế hoạch đi sát, với dân chúng, tuyên truyền cách mạng lồng sâu vào hạ tầng cơ sở ở nông thôn, là yếu tố quyết định cán cân lực lượng đoàn kết trong QUỐC GIA TRUNG-HÒA TIẾN BỘ của Ninh và Hùm.

Đấy, cái uy tín, sự cảm tình nồng nhiệt của nhân dân miền Nam đối với Ninh to lớn như thế, nên, người ta cần tranh hủ được Nguyễn-an-Ninh, là tranh thủ được cả một

hậu thuẫn cảm tình, tranh thủ được lực lượng tìm tàng trong lòng các giới.

Ván cờ Nguyễn-văn-Tạo quyết thi hành là cần phải có Ninh giúp Tạo, mới mong được nhiều người ủng hộ, tử ra tranh cử Hội-Đồng QUẢN HẠT khóa 1939. Ninh đứng chung sổ với Tạo và Mai-Dương-bạch-Mai. Đó cũng là dịp Tạo dùng con cờ Nguyễn-an-Ninh với dân chúng vùng Hốc-Môn, Bà-Quẹo, Đức-Hòa, Mỹ-Tho v.v... vùng nhiều cảm tình với Nguyễn-an-Ninh. Thật ra, Ninh có nhiều cảm tình với Thâu hơn Tạo, Ninh không muốn chống đối bất kỳ ai ai. Với ai ai Ninh cũng muốn dung hòa tư tưởng, chính kiến. Ra ứng cử Hội-Đồng là một sự bất đắt dĩ do sự cầu khẩn của Tạo, vì sổ Tạo không có ai đứng chung một sổ mà có tên tuổi, cảm tình như nhà cách mạng Tạ-thu-Thâu thời đó, một nhà cách mạng đầy đủ đức độ. Vì bạn, buộc lòng Ninh mới ra đối chọi với sổ Thâu. Chớ người như Ninh từ ôm bằng Cử-Nhơn-Luật về nước, không ra làm quan, vào chính trường, thì nay còn ham muốn gì đi tranh làm hội đồng quản hạt. Phần Thâu với Ninh gần như nghĩa «thầy trò» trong phong trào ái quốc Nguyễn-an-Ninh 1925-1926, chính Thâu hấp thụ tư tưởng của Ninh mà trở thành nhà cách mạng. Và lúc đó, tuy Thâu đi sau, nhưng trên sân khấu chính trị Thâu bằng hoặc hơn Ninh, chớ chẳng thua về mặt cảm tình với nhân dân. Bằng chứng là khóa hội đồng Thâu thắng sổ Ninh. Bị Tạo bắt buộc, Ninh thua, nhưng Ninh không buồn, vì dù đứng tên chung sổ, nhưng Ninh không đi vận động.

Thêm một phần quan trọng chính yếu khác là trên mặt trận chính trị chung ở Việt-Nam chúng ta lúc đó, giữa hai phe tam tứ từ bên Pháp đem về, sau vụ biểu tình ở điện Élyssée phản kháng bản án tử hình, đưa lên đoạn đầu đài 13 chiến sĩ V.N.Q.D.Đ, Nguyễn-thái-Học, Ký Con v.v,.. về vụ Yên-Báy.

Cuộc biểu tình lịch sử trước điện Élyssée tại Pháp, nhiều sinh viên bị bắt cầm tù rồi cho trục xuất về nguyên quán, dưới chiếc tàu ATHOS II ngày 24-6-1930. Và bắt đầu từ ngày này, làn sóng đỏ tràn ngập vào Việt-Nam từ đó.

19 sinh viên có tên dưới đây :

1.— Tạ-thu-Thâu. 2.— Trần-văn-Giàu, 3.— Nguyễn-văn-Tạo, Huỳnh-văn-Phương, Lê-bá-Cang, Ngô-quang-Huy, Trần-văn-Chiêu, Phan-văn-Chánh, Trần-văn-Đỡm, Hồ-văn Ngà, Trần-văn-Tự, Đặng-bá-Lân, Lê-thiếu-Tự, Đặng-tấn-Phát, Vũ-Liên, Nguyễn-văn-Tân, Trịnh-văn-Phú, Trương-duy Tam, Nguyễn-duy-Đạm.

Thả cọp về rừng, cho cọp dễ tranh hùng, thao túng. Để rồi lấy GẬY ÔNG ĐẬP LƯNG ÔNG. Cái gì hấp thụ học hỏi được với những nhà cách mạng, chánh trị ở ngoại quốc cái gì tự do, bình đẳng bác ái, chũ nghĩa cọng sản chi chi, họ đem về áp dụng ngay trong xứ.»

Như ta vẫn biết, tổ chức quốc tế, từ năm 1927, từ khi nội bộ lãnh đạo của nhóm, thì ở Nga, có cuộc xung đột tư tưởng, tranh chấp quyền hành, và sắp có vụ thanh trừng nội bộ đẫm máu giữa Staline và Trotsky (Staline chủ trương cách mạng xã hội trong một xứ, còn Troksky, cha đẻ của hồng-quân Nga (Armée Rouge) chủ trương cách mạng thường trực (Révolution permanante) tổ chức đối lập với Staline lấy tên là Tả-Đối-Lập, thì giữa Đệ-Tam và Đệ-Tứ quốc tế khắp nơi trên thế giới, đâu đâu cũng đều coi nhau là thù địch. Thù địch sâu sắc còn hơn giữa cọng sản và tư bản.

Thế mà lúc đó, lãnh-Tụ Đệ-Tứ Quốc-Tế là Tạ-thu-Thâu và lãnh tụ Đệ-Tam Quốc-Tế Nguyễn-văn-Tạo, ban đầu thù nghịch nhau cũng dữ, viết báo, rải truyền đơn bí mật tố nhau cũng-

nhiêu, vì hai xu hướng nghịch nhau, không thể nhân nhượng nhau một ly nào, mà sau họ hợp tác với nhau trong một nhóm «La Lutte». Dù hợp tác trong giai đoạn trong Mặt Trận Thống-Nhất (Front unique), mà thời bấy giờ, nhóm «OCTOBRISTE» cho là Ninh *gả bán chánh trị cưỡng ép*. Nhưng sự thật là do sự nhu cầu cho cả ba phe : Tam, Tứ quốc tế cộng sản và Lực Lượng Quốc gia Trung-Hòa của Ninh. Đó, chính Ninh đã giúp cho liên kết hai phe thù nghịch nhau. Chính Ninh tiếp tay dung hòa hai nhóm với khẩu hiệu» ĐI CHUNG MÀ ĐÁNH RIÊNG». Ninh bảo :

— Hợp tác chung trong một nhóm, cùng chỉ huy một cơ quan ngôn luận là do sự ích lợi, nhu cầu cần thiết cho cả ba phe. Nhu cầu cần thiết dạo đó là đoàn kết sức mạnh nhân dân. ĐI CHUNG về phương diện chiến lược, chống thực dân, nói chung là hợp tác với nhau đứng chung trong một mặt trận phản đế. Còn đánh riêng có nghĩa là theo chủ trương hợp tác trong giai đoạn, là tập trung phương tiện, vận động lực lượng cho mạnh mẽ, kiện toàn, còn mỗi xu hướng mạnh ai cứ lo phát triển riêng cho mình, chủ nghĩa của mình, và gầy uy tín riêng cho mình, chũ nghĩa của mình, và gầy uy tín riêng cho người và cho đảng mình.

Nhờ sự dung hòa của Ninh, mà hai phe tam tứ quốc tế Sàigòn phải miễn cưỡng bắt tay hợp tác nhau trong một tờ báo «La Lutte» hợp tác trên lập trường chánh trị tương nhượng từng giai đoạn. Sự kiện có MỘT mà không có HAI trên thế giới. Một phần, nhờ Nguyễn-an-Ninh. Một phần do bản chất người-Việt-Nam chúng ta và điều kiện lịch sử cần thiết lúc đó đòi hỏi phải có sự hợp tác như thế. Trên mặt trận phản đế, theo

lời Nguyễn-an-Ninh khuyên, mới có thể tạo nên một lực lượng tương đối mạnh, đủ sức chống đối thực dân.

Đây, chính Nguyễn-an-Ninh, bậc đàn anh khai mào cách mạng ái quốc tại miền Nam nước Việt trong LỰC LƯỢNG QUỐC-GIA TRUNG-HÒA TIẾN-BỘ, làm môi giới thống nhứt lực lượng Tam Tứ Cộng sản quốc tế vào lúc đó. Nguyễn-an-Ninh, chính là yếu tố đoàn kết trong giai đoạn của hai nhóm nghịch nhau, yếu tố định cán cân lực lượng giữa đệ tam và đệ tứ ở Sàigòn lúc đó.

Và trong hai phe, Tạo cố tranh thủ cho được Nguyễn-an-Ninh làm hậu thuẫn, là tranh thủ được cảm tình nhân dân, tranh thủ được lực lượng tiềm tàng trong lòng của các giới, trong LỰC LƯỢNG QUỐC GIA TRUNG-HÒA TIẾN BỘ của Ninh.

Còn với Thâu, với bản chất ôn hòa, không mưu mô, thủ đoạn như Tạo, Thâu để tùy Ninh tự do giúp ai thì giúp, không bắt buộc, chẳng van nài, vì Thâu biết chủ trương vững chắc của con người cách mạng ấy rồi. Không muốn lôi một thần Tượng trong trắng ấy vào những trò tranh đấu không đúng theo chữ nghĩa mong muốn của mình.

Như trên, tôi đã nói Ninh vì nể bạn, vì lòng, mà danh dự đời cách mạng của Ninh vì đó lắm phen hoen ố là vậy. Tạo, chẳng mấy người thích, nhè đứng chung sổ ứng cử Hội-Đồng, thua sổ Thâu, dù với Ninh không thành là một vấn đề, nhưng danh dự, uy tín cũng chạm một phần không nhỏ. Đến lúc vào giúp việc chung với Tạo cho tờ Trung-Lập, lao mình vào cuộc bút chiến dơ dáy hạ bệ vợ chồng Nguyễn-đức-Nhuận, chủ nhiệm tờ Phụ-Nữ Tân-Văn trong tổ chức Hội chợ, một hội chợ vĩ đại, thành công chưa hề có trong lịnh sử từ Pháp đô hộ tới giờ, gây quỹ cho Hội-Dục-Anh hiện-giờ, còn tồn tại ở đường

Cổng-Quỳnh, còn treo hình người Giám-Đốc sáng lập viên, bà Cao-thị-Khanh tức Nguyễn-đức-Nhuận phu nhân, cuộc bút chiến đến đưa ra tòa, Tòa nhìn nhận Ban tổ chức, ông bà Nguyễn-đức-Nhuận nói riêng, không có gian lận, thế mà hai tờ Nhật báo, do hai bà chủ nhiệm đứng tên công kích không tiếc một lời nào. Để rồi người có nhiều thiện chí với nền văn hóa phụ nữ, và từ thiện xã hội như vợ chồng Nguyễn-đức-Nhuận, đâm ra chán nãn, đóng cửa tờ Phụ-nữ Tân-Văn luôn cả cửa hàng tơ lụa, bỏng bế con cháu sang Pháp sinh sống, cho tới ngày bà chết tại Pháp, ông về Việt-Nam chết tại đây trong lạnh lùng, cô độc, không mấy kẻ tiễn đưa, không một lời nhắc nhở một chút công nào đóng góp của người có thiện tâm, thiện chí với xã hội hiện tại thời đó (Nguyễn-đức-Nhuận chết ngày *5 tháng 6 năm 1968*). Nhà văn Thiều Sơn, một nhà văn được nhiều người hâm mộ qua những bài văn xác đáng của ông trong P.N.T.V. phải nhắc lại ông bà trong «*BÀI HỌC NGUYỄN ĐỨC NHUẬN*» có đoạn như thế nầy :

«Tờ P.N.T.V một tờ tuần báo Phụ-Nữ, nhưng đã phản ảnh được» một thời đại quan trọng của lịch sử nước nhà...P.N.T.V. là một nhân chứng trung thực trong suốt 5 năm là những năm có nhiều biến cố... Nhưng có một biến cố mà tờ P.N.T.V. không ghi được «là cái chết của người đã khai sinh ra nó để phục vụ xã hội một cách tận tình và đắc lực,..

«Tôi không bao giờ tưởng tượng được một đám táng mà người đi đưa không đầy một trung đội, không vợ, không con chỉ vỏn vẹn có 2 đứa cháu nội với một số rất ít bạn bè thân quyến.

«Tôi biết kẻ quá cố là một người hào phóng hiếu hữu, hay làm nghĩa và hay giúp đỡ mọi người. Cả những người ông không quen biết, ông thấy cần giúp đỡ là ông giúp,.....

«..Tờ P.N.T.V. trong thời kỳ thực dân toàn thịnh mà dám đề cao những anh hùng liệt sĩ bị thộ án tử hình ở Yên-Báy, dám lên án «những vụ oanh tạc cố ý tiêu diệt cả làng Cổ-Am, dám công khai ủng hộ những nhà chí sĩ ái quốc, dám đăng tải những bài chống chánh sách thực dân, dám tiếp đón những cây bút chống công thức...

«Phan-Khôi, Đào-trinh-Nhứt và biết bao nhà văn khác đã do sự cộng tác với P.N.T.V. mà nổi tiếng. Một chánh trị phạm bị lưu đày ngoài Côn-đảo mà giữ lại tên tuổi cho tới ngày nay. Tôi muốn «nói B.Đ tức Bửu-Đình tác giả những bộ tiểu thuyết Mảnh-trăng-Thu. Cậu-Tám Lọ v..v..

Cả tới nhà văn Hồ-biểu-Chánh tuy đã được độc giả lưu ý, nhưng chỉ có sau khi có tiểu thuyết đăng trong P.N.T.V. mà người ta thật sự chú ý tới ông.

«Trường hợp Phan-khôi cũng vậy, ông đã viết nhiều trên tạp chí Nam-Phong. Ông đã viết Đông-Pháp thời báo. Nhưng người ta chỉ đặc biệt lưu ý tới ông ở P.N.T.V....

Hai ông bà đã gây được một phong trào phụ nữ, tạo nên được nhiều hiện tượng để thúc đẩy phong trào..... Chính bà chủ nhiệm đã viết trong số ra mắt của P.N.T.V. ngày 2-5-29 :

«Nghĩ vì, cây có cội, nước có nguồn» dân tộc ta sở dĩ không phải là bọn ăn góc biển, ngủ đầu rừng như dân da đỏ ở bên Nam-Mỹ, cùng là tối vầy đoàn sớm rẽ bạn như dân da đen ở Tây-Phi, chính là vì chúng ta nhờ được nền nếp từ xưa, cội nguồn vững chắc, suốt 4.000 năm đã sống về vang trên cõi đất nầy...

Người viết ra những câu đó đã minh định lập trường dân tộc, tự hào là dân Việt-Nam không phải như dân da đỏ,..., nhờ có 4.000 năm văn hiến,...

« P.N.T.V. có thể tự hào là đã góp phần giác ngộ cho đồng bào thấy rõ số phận của mình mà kiên định lập trường dân tộc và cách mạng».....

Một tờ báo có một tôn chỉ, hữu ích như thế, mà người ta vì một tư thù cá nhân, một ganh tị thường tình do sự mất Phan-Khôi, Bùi-thế-Mỹ là hai cây viết mến của độc giả. Trung lập chạy mạnh nhờ hai cây viết trụ cột này. Trang văn chương Trung-Lập đầy đủ văn thơ quí giá cho tới bây giờ chẳng có tờ báo nào được có những trang văn chương vô giá như thế. Vì bị mất hai trụ cột, cầm vận mạng tờ Trung-Lập, buộc lòng chủ nhân cho mời Nguyễn-văn-Tạo, và nhờ Tạo thuyết Ninh vào với Tạo tiếp tục thay hai kẻ sang ngang. Ván cờ này được thành công, tờ Trung-Lập nắm vững được độc giả, nhờ có Ninh, người thanh niên ái quốc được nhiều cảm tình của nhân dân. Rồi cuộc bút chiến xảy ra, một cuộc bút chiến vu khống, thiếu bằng cớ, một cuộc bút chiến đưa đến Tòa quyết định phải quầy về ai. Vợ chồng Nguyễn-đức-Nhuận được tòa công nhận «Không gian lận trong cuộc tổ chức Hội chợ từ thiện gây quỹ cho Hội-Dục-Anh. Một cuộc bút chiến làm gảy đổ sự nghiệp tờ P.N.T.V. cũng như gia đình ông bà Nguyễn-đức-Nhuận.

Trên văn đàn báo chí từ đó vắng bóng :

«PHẦN SON TÔ ĐIỂM SƠN HÀ»

«LÀM CHO RỠ MẶT ĐÀN BÀ NƯỚC NAM»

Vợ chồng tôi là những cọng sự viên một thời gian lâu với ông bà Nguyễn-đức-Nhuận, nhận định lời nhà văn Thiếu-Sơn rất đúng với sự thật một trăm phần trăm. Ông bà Nguyễn-đức-Nhuận là một người chủ nhơn trọng tài, mến đức, tất cả các nhà văn, ông bà có nhiều sáng kiến từ thiện xã hội, do người Việt điều hành, chớ chẳng phải như vào thời đó, phần nhiều người Pháp chủ trương, Chương trình

từ thiện xã hội đại quy mô còn nhiều, nào định thành lập NỮ-LƯU HỌC HỘI, một hội liên kết các giai tầng phụ nữ Nam-Trung-Bắc, trí thức như cần lao, liên kết để khuyến miến nhau trong con đường học vấn như nghề nghiệp, tiếp tục ĐỒNG XU HỌC SANH, gởi-thêm sinh viên nghèo du học ngoại quốc.v..v.. Nhưng rất tiếc, những chương trình này đành chôn vùi theo cuộc bút chiến, theo tờ P.N.T.V.

Người ta bảo ông là con buôn, nhưng ít nữa không đến nỗi con buôn bốc lột nhơn công, trái lại trả công gấp đôi hơn người khác. Thời bấy giờ, một bài báo giá trị, nhà báo trả 5 đồng, P.N.T.V. trả 20. Lương một vị chủ bút, cầm vận mạng, bao thầu cả tờ báo, có 80, 90 đồng một tháng, P.N.T.V. trả 150 đồng...

Nhờ đó mà bao nhiêu cây bút hay, văn nhân danh tiếng đều tụ tập về P.N.T.V. là phải. Thế mà, vì một tư thù cá nhân, người ta đang tay giết hại tương lai đầy tốt đẹp ấy, thật là đáng tiếc !

Và trong cuộc bút chiến này, giữa lúc Nguyễn-an-Ninh cộng tác với Tạo trong tờ Trung-Lập, cũng bị tổn thương ít nhiều uy tín. Vô tình, Ninh chen giữa cuộc chiến, dơ dáy này, Ninh sao khỏi dính ít nhiều bùn nhơ của cuộc bút chiến do phe kia tự vệ bắn trả. Họ điên tiết lên, rồi quợ đủa cả nắm là đó.

Sau khi P.N.T.V. tự đóng cửa một thời gian gần đó, Trung lập cũng bị Pháp cấm xuất bản luôn, vì những loạt bài xách động quá khích của Tạo, Ninh trở lại nghề đi bán cù là, bán sách, gieo rắc tư tưởng ái quốc của mình.

Một sự làm tốt, giúp người trở thành tai hại, nhưng với Ninh, một Ninh cách mạng, triết nhơn, Ninh coi như con số O.

Di ảnh nhà cách mạng Mạnh thường Quân

VÕ CÔNG TỒN

Sinh năm 1892

Chết năm 1943 — tại Côn sơn sau nhiều năm tù đày lao khổ.

Những giai thoại của những thanh niên yêu nước hay cách mạng, ở trong tù rất nhiều chuyện hay hay. Chứng tỏ cái chí bất khuất của họ. Như trường hợp Trịnh-hưng-Ngẫu, người trong đảng Jeune Annam, cùng với Tạ thu Thâu, đứng tổ chức cuộc tiếp rước Bùi-quang-Chiêu để nhơn dịp đó đòi hỏi thả Nguyễn an Ninh, khi bị giam ở khám Tà Lài, theo lời nhà văn, họa sĩ Đặng-văn-Ký, một bậc lão thành cách mạng trong sạch thanh cao, thuật lại, ai nghe qua cũng thán phục sự can đảm vô biên của Ngẫu. Chỉ có một Ngẫu dám phản kháng, tranh đấu cho chế độ lao tù bớt tàn nhẫn đánh đập vô lối, bớt hành hạ tù nhân, bất phân chánh trị hay thường phạm. Đặng văn Ký nhà văn kiêm họa sĩ sanh cùng năm 1899 với nhà ái quốc Nguyễn an Ninh, một môn đồ trung kiên của cụ Nguyễn-an Khương, một bạn đồng tâm, đồng chí hướng với Ninh, đồng vở lòng bài học yêu nước qua tài liệu Đông Du của cụ thân sinh Ninh. Nghề họa rất tinh vi được nhiều bạn mến phục. Nhưng vì lòng yêu nước, theo dấu Nguyễn-an-Ninh, hưởng ứng phong trào yêu nước của Ninh, Ký bỏ nghề hội họa, sang lĩnh vực viết văn, báo chí, để phổ biến tư tưởng của mình với quần chúng. Chính Đặng văn Ký, theo sự ủy thác của Ninh, vào tù, khi lo săn sóc bịnh tình cụ Phan chu Trinh. Khi cụ Phan bịnh nặng, Ký cùng với các bạn đem dời cụ Phan lên nhà cụ Nguyễn-an Cư; chú ruột của Ninh trị bịnh rồi cụ Phan mất tại đây. Đặng-văn-Ký hợp với Huỳnh-đình Điển, Phan Khôi đem cụ Phan về Khách Sạn Bá-huê-Lầu, đường Pellerin giờ là Pasteur do Huỳnh-đình-Điển là chủ nhơn khách sạn, thành lập Ủy ban làm quốc táng, cụ Phan Khôi đảm nhận viết lời hiệu triệu quốc dân. Đặng văn Ký nhóm Jeune Ananm lo liên lạc tìm đất chôn.

Một bữa nào đó, Ngẫu vô nhà bếp mồi thuốc, thể mà chúa ngục Tây bảo Ngẫu đi ăn vụng, Ngẫu gây

lại, theo thói quen ở ngoài đời, lúc còn tự do, Ngẫu có tiếng hay chưởi Pháp, đánh lộn với Pháp như Ninh.

Ninh hay chưởi Pháp, đánh Pháp; vì chưởi đánh mà Ninh mất vợ. Cái vụ đánh hai người Pháp, trong rạp xi nê trước mặt người anh rể tương lai, một hương cả ở Trà-Nóc, Cần-Thơ. Vì hai người Pháp chế nhạo cái « củ nừng » của ông Cả. Với kẻ khác, ai cũng hài lòng về cái gan dạ dám sửa lưng Tây, đánh Tây vô lễ, thất học đối với người bổn xứ, cho chúng nó bớt hung hăng. khinh lờn người Việt-Nam như Ninh và Ngẫu. Tây vào thời đó, ngán như cơm nếp, thấy dạng xa là lo tránh đi chỗ khác, Trái lại, ông hương Cả, một hương chức hưởng bổng lộc thực dân, nên ông ta sợ hậu quả đường quan liêu của ông ta, không khen lại chê với bà mẹ vợ tương lai của Ninh :

— Bây giờ ăn học chưa bao nhiêu còn dám đánh Tây. Ngày nào chị cho nó đi Pháp ăn học thêm, nó giỏi nữa, rồi nó làm giặc chống Tây, là khổ lây tới địa vị gia đình mình.

Thế là vụ hứa hôn, gả con cho Ninh bị hủy bỏ, vì tội dám đánh ông Tây. Người vợ chưa cưới này, em của một người bạn học, thân với Ninh, lúc ở trường thuốc ngoài Hà-Nội, thấy Ninh thông minh, học giỏi nên giới thiệu với gia đình, và nói với mẹ gả em gái mình cho Ninh, để được cùng Ninh sang Pháp du học chung cho có bạn ?

Bị vụ đánh Tây, binh vực gia đình vợ, Ninh mất luôn cả vợ. Mỉa mai thay trò đời. Còn phần Trịnh-hưng-Ngẫu bị Tây vu đi ăn vụng, Ngẫu tức cải lại, Tây truyền lệnh cạo nửa đầu trừng trị tội hỗn xược của Ngẫu. Ngẫu phản đối không chịu cho cạo, chúng cho ba bổn tên tù, đè Ngẫu xuống, lấy con dao tràn của đồng bào Thượng dùng để đốn tre, củi, đặng cạo đầu Ngẫu,

Chẳng biết Ngẫu có vỏ, gồng hay không mà Ngẫu một mình chân đá, tay thoi tứ tung, miệng la lối om sòm:

— Để tao làm đơn thưa tụi bây với Toàn-Quyền tụi bây. Tù chánh trị chớ tù ăn cướp sao? Và tao sẽ tuyệt thực phản kháng chế độ lao tù tàn ác, của tụi bây v..v..

Rốt cuộc, không cạo đầu Ngẫu được, ba bốn người làm không lại Ngẫu. Xếp tâu cho giam Ngẫu vào khám riêng biệt một mình.

Ngẫu liền viết đơn thưa chúa ngục Tây đàn áp, đánh đập tù chính trị và bắt đầu tuyệt thực tới 14 ngày. Sợ Ngẫu chết, chịu trách nhiệm, họ đem sửa vô bom vào hậu môn Ngẫu, Ngẫu đá lung tung không bồm được chút nào. Nhờ anh em đoàn kết thương nhau, tối họ lén đem nhét vô chút chanh đường cho Ngẫu cầm hơi, chịu đựng. Nhiều anh em sợ Ngẫu chết, khuyên Ngẫu, đơn cứ gởi, ăn cứ ăn, tội gì nhịn đói cho khổ thân, rũi chết cũng chẳng làm gì tụi chúa ngục được, giỏi lắm là chúng bị đổi đi nơi khác là cùng. Nhưng Ngẫu gan lì thật lì, tiếp tục nhịn đói... Tới ngày thứ 15, xếp khám vô phủ dụ Ngẫu:

— Anh muốn đưa đơn phản kháng chế độ tù nhơn, thì ăn đi sẽ chuyển đơn cho, bằng cứ nhịn đói cho chết, thì khỏi gởi đơn đâu hết..

Thêm nhiều anh em khuyên dứt, Ngẫu mới chịu ăn lại. Và nhờ vụ này chế độ lao tù bớt phần nào sự sỉ vả, chưởi bới, đánh đập.

Nhiều anh em phục Ngẫu sát đất. Gan thì ai cũng gan, có gan mới dám làm cách mạng, chịu tù đày, tra tấn, chớ cái nước lì, chẳng ai dám lì hơn Ngẫu.

LA CLOCHE FÊLÉE (CÁI CHUÔNG NỨT, RÈ) RA ĐỜI 1925-1926

LA CLOCHE FÊLÉE.. MESSIEURS.. MESDAMES... CHUÔNG NỨT (RÈ) nè quí ông.. quí bà... Tiếng rao báo với giọng Parisien vào hạ tuần năm 1925 của một thanh niên, với mái tóc dài nghệ sĩ, chiếc áo dài đen đạo mạo, nghiêm trang như một ông làng sửa soạn đi nhậm, người thanh niên với đôi bờ vai rộng, người lùn, mặt mày thông minh, sáng sủa, tay ôm xấp báo, tay đưa mời, giọng rao nghe lanh lảnh trong suốt, vang dậy khắp các nẻo đường lớn như Tự-Do Lê-thánh-Tôn v..v.. (Thời xưa là Catinat-Bonard)

Người thanh niên mặt áo dài đạo mạo, tóc để dài, ôm báo rao bán đó là nhà cách mạng Nguyễn-an-Ninh, quan Cữ, Cử-nhơn-Luật, từ bên Pháp vừa về tới quê cha.

TIẾNG CHUÔNG NỨT! TIẾNG CHUÔNG RÈ! Vang dậy, ngân rất xa, ngân dài, ngân vọng từ mảnh đất Việt-Nam có cái hình chữ S sang tận mây trùng dương, bay sang ngoại quốc...

Thật đúng như bài thơ của Bùi-thế-Mỹ cổ động «chuông rè» trong bài DẬY! DẬY theo thể thơ DẬY! DẬY của nhà cách mạng Phan-bội-Châu

CHUÔNG RÈ KÊU KHẮP TÂY ĐÔNG
SÔNG NGƯU SÓNG DẬY, NÚI NÙNG CÂY LAY

mà tôi xin đăng tải trọn bài dưới đây :

Kìa! Kìa! Nghe tiếng chuông rè!
CHUÔNG RÈ lên tiếng gọi đời..
Bỏ khi lửa đỏt, bỏ hồi than nung

CHUÔNG RÈ kêu khắp tây đông
Sông Ngưu sóng dậy, núi Nùng cây lay
CHUÔNG RÈ TỨC KHỞI
Bạn ta ơi! tỉnh dậy kẻo trưa rồi
Kìa ai đương xô-xát bốn phương trời
Mà ai vẫn chưa thôi cơn túy mộng
Trời đã trưa, CHUÔNG RÈ đã đổ
Bạn lòng ơi! Dậy dậy nghe chuông
Chuông gọi hồn khoan nhặt tiếng boong... boong...
Dậy! Dậy! Dậy! Dậy! mà trông nước tổ
Ai? Gầy dựng giang san cẩm tú?
Mà ai đành nằm ngủ hỡi chăng ai?
Kìa, kìa, nghe tiếng chuông mai.
Rè... rè....

BÙI-THẾ-MỸ, nhà văn viết báo chuyên nghiệp, nổi danh trước đây nửa phần thế kỷ, mà các bạn xa gần cho là nhà viết báo HÁN PHÁP XÁO THÔNG, một cây bút cừ trong nhóm TAM TÀI: Phan-Khôi, Đào-trinh-Nhất, Bùi thế-Mỹ. Người bạn đồng tâm, đồng nghiệp với nhà cách mạng Tạ-thu-Thâu, Thuở thiếu thời, cùng ở chung một nhà, ăn cơm tháng với chị ba Chuẩn, chị ruột nhà cách mạng trong Gia-Định, sau Lãng Ông Bà-Chiểu, cùng dạy học chung một trường cho tới ngày Tnâu du học. BÙI-THẾ-MỸ, năm 1923, cũng như tất cả thanh niên có tâm chí ở Việt-Nam vào tuổi ấy, máu nóng cũng bồng bột sôi, sẵn sàng đón tiếp tất cả phong trào tân văn hóa, phong trào ái quốc Nguyễn-an-Ninh dồn dập đưa đến không ngừng. Từ những cuộc vận động cách mạng tại miền Trung của những nhà đại chí sĩ tỉnh Quảng-Nam do

các cụ PHAN-CHU-TRINH, NGUYỄN-THÀNH, HUỲNH THÚC-KHÁNG, đã gieo vào đầu óc Bùi-thế-Mỹ nhiều tư tưởng cấp tiến.

Bùi-thế-Mỹ không tán thành chuyện thực trị, nhưng cũng không hoan nghinh thuyết quân nhân, công chủ. Một lập trường quốc gia thuần túy như nhà ái quốc Nguyễn-an-Ninh, không chủ trương ngoại viện. Chỉ thiết tha với nền độc lập, tự do hoàn toàn của quốc gia với chế độ cộng-hòa dân chủ, tán thành với kế hoạch toàn tự lực cánh sinh dân tộc, tự cường giải phóng quê hương...

Vì vậy, mặc dù sống chung rất lâu với nhà cách mạng Tạ-Thu-Thâu, giao dịch kết liên với nhiều thanh niên có tư tưởng quốc gia bồng bột như Trần-huy-Liệu, Đồng-Sĩ-Bình, Trần-hữu-Độ v..v.. nhưng không hề chịu chủ nghĩa cộng sản. Là một nhà viết báo cừ, làm thơ lại rất tuyệt, như bài thơ KHÓC ĐỒNG SĨ-BÌNH đăng trong tờ báo Tân-thế-Kỷ, khi Bình bị thực dân xử tử hình; một bài thơ nung chí thanh niên hậu thế:

KHÓC BẠN ĐỒNG-SĨ-BÌNH

Đồng-sĩ-Bình ơi! Đồng-sĩ-Bình!
Một người yêu nước đã hy sinh!
Thương ai tuổi trẻ, gan bằng đá
Xót kẻ lòng son, chí chửa thành
Cô-Trúc mây lồng, trăng vặc vặc
Mịch-Hà sóng gợn, nước xanh xanh
Thân anh dù nát, anh đâu nại,
Trách nhiệm mong tròn lũ hậu sanh.

La Cloche

ORGANE DE PROPAGANDE

PARAISSANT LE LUNDI

民爲貴社稷次之

LA QUESTION D'INDO-CHINE

DÉFENSE — VENTE — RÉTROCESSION

I

Position de la question

[illegible]

Défense

[illegible]

Pêle-Mêle

DÉMOCRATIQUE

On est rebelle quand on est vaincu. Les victorieux ne sont jamais rebelles.

Anatole FRANCE

LE MEETING D'HIER

Huit cents Annamites indépendants proclament leurs droits et protestent contre tout attentat à la liberté individuelle

ĐỒNG-SĨ-BINH là một nhà cách mạng chống Pháp trong nhóm Bửu-Đình, Trần-hữu-Độ. Khen Đồng-sĩ-Bình GAN BẰNG ĐẦU, là dựa theo chuyện Khổng Minh khen gan dạ Triệu-tử-Long với Lưu-Sử-Quân. Triệu-tử-Long : đãm đại như đầu. Có nghĩa là gan dạ Triệu-tử-Long to bằng đầu. Bình là thanh-niên rất can-đảm, coi cái chết nhẹ như lông hồng, nên mới khen gan to bằng đầu.

Cô-Trúc lấy nghĩa : Bá-Di, Thúc-Tề là hai người nghĩa sĩ không phục nhà Châu, trước ăn rau vi, sau nhịn đói chết ở Cô-Trúc.

Mịch-Hà lấy nghĩa : Khuất-Nguyên là tôi trung thẩn nhảy xuống sông Mịch-Hà tự tử vào ngày mồng năm tháng năm.

Nhờ có căn bản Hán học thuở nhỏ, nên thơ văn Bài-thế-Mỹ thường có nhiều câu lấy trong những điển tích nho.

Năm 1924.25 Bài-thế-Mỹ viết cho tờ ĐỒNG-PHÁP THỜI BÁO cùng với Trần-huy-Liệu, Nguyễn-khắc-Hiếu, Ngô-tất-Tố v..v.. cũng hợp cùng tờ CHUÔNG NỨT của Nguyễn-an-Ninh để xướng phong trào xin ân xá cho cụ Phan-bội-Châu, nhờ các loạt bài đó mà cụ Phan-bội-Châu mới được Pháp cho an trí ở Bến-Ngự. Và tờ báo này, dưới sự kêu gào đóng góp giúp tiền cho nhà chí sĩ Phan-bội Châu. Lúc vua Khải-Định sang Pháp, Phan-chu-Trinh gởi THẤT-ĐIỀU THƠ, Bài-thế-Mỹ cũng đăng một bức thơ trên mặt báo Đồng Pháp, gởi cho Nguyễn-hữu Bài, đang giữ chức Lại Bộ Thượng Thơ kiêm Cơ Mật Viện đại thần trào đình Huế yêu cầu thay đổi chính sách, bớt sưu cao thuế nặng cho dân. Bức thơ này cũng làm sôi nổi dư luận miền Trung rất nhiều. Chỉ khác một điều là THẤT ĐIỀU THƠ của cụ Tây-Hồ thì

lên án vua Khải Định bảy tội đáng chết, còn trong bức thơ công khai của Bùi-thế-Mỹ thì lên án quan tham, ô lại, chỉ trích tầy trời, những thói hư tật xấu của triều đình Huế.

Trong báo lúc đó, Bùi-thế-Mỹ là cây bút cừ đã đành nhưng lại có đủ đức tính hơn người, trong giáo giới là một giáo sư mến yêu của học sinh, có một lối văn tân kỳ, tế nhị, kín đáo khi có dịp bình vực các bạn, mỗi lần có cuộc biến chuyển nào trên sân khấu chính trường rất sôi động lúc đó.

Như một bài thơ KHINH AI? đáng trong một tờ báo, khi Mỹ vừa bước chân vào làng báo, gần với chính trường biết rõ mặt trái của nhóm gọi là THƯỢNG LƯU TRÍ THỨC, CÁCH MẠNG MỒM, thì Bùi-thế-Mỹ làm bài thơ này, mà hôm nay nghe nhiều kẻ mạo nhận là của họ, bài thơ tuy nửa phần thế kỷ về trước, nhưng vẫn hợp với mọi giai đoạn, hiện tình đất nước của chúng ta

KHINH AI

Tớ vẫn hay mang tiếng ngạo đời
Mà ai? có biết tớ khinh ai?
Khinh thằng lắm của, nhè thờ của
Khinh đứa cao ngôi chẳng xứng ngôi
Khinh ả chung tình, chung lỗ miệng
Khinh chàng ái quốc, ái đầu môi..
Tớ khinh đại đễ là khinh thế
Đâu dám khinh khi cả mọi người...

Khi bị trục xuất về miền Trung (Quảng-Nam) vì vụ ĐÔNG-DƯƠNG ĐẠI HỘI, Công-An Pháp đến bắt tại nhà 10 bis VERDUN (giờ là Lê-văn-Duyệt) vào lúc 1 giờ trưa

đưa ngay về Công An khai thác tới 4 giờ chiều, liền giải ngay lên xe bít bùng, đi ngõ sau đưa ra khỏi lãnh thổ miền Nam, không kịp từ giã một ai, từ vợ con đến bạn bè.

Báo hại 6 giờ chiều hôm ấy, bạn bè, gồm có nhóm La Lutte, anh Tạ Thu Thâu cầm đầu, nhóm các nhà báo bạn, vợ ông, ra chuyến xe lửa tốc hành tiễn chân, ai ai cũng cho là Mật thám giải đi bằng xe lửa, nhưng cả đám tìm, tìm khắp từ đầu xe đến cuối toa, không thấy dạng, Vợ ông đành đi theo chuyến xe đó, để đón chừng ở mấy ga Thủ Đức, hay Biên Hòa. Vẫn không thấy. Ai có ngờ, họ đưa ngay đi bằng xe hơi, tránh mọi biểu tình, tiễn đưa ở ga xe lửa.

Trước cái cảnh chia ly bất thần, tủi đau ấy, Bùi thế-Mỹ tức cảnh làm bài thi gởi về đăng trên nhật báo Điện-Tín, sau khi tới Đà nẵng, cách 10 ngày sau (bị giam ở Nha Trang, hết 1 tuần)như thế này :

Đang ở khi không bị đuổi đi
Đi thời đi vậy, nỏ cần chi!
Non sông ba cõi đâu là chẳng?
Đất nước đôi đường cũng thế ni!
Nhẹ gót khỏi lo, tiền lộ phí
Phân tay đỡ xướng, khúc phân kỳ
Sài thành nhìn lại cơn lâm biệt
Riêng thẹn cùng anh Chệt bán mì!!...

Nghĩ thật đáng buồn cười ! Một công dân trí thức, không bằng một anh chệt bán mì ! Trong thời kỳ bị đô hộ đất nước của mình không được tự do đi lại sinh sống. Đi ở rất dễ dàng. Chống đối tranh đấu cho quyền lợi nhân dân, đòi hỏi chút tự do, nhân đạo trong Đ.D.Đ.H. phải chịu vạ lây tan nhà mất sống...

Cuộc đời của những nhà văn chân chính trong thời kỳ Pháp thuộc là thế!

Nguyễn-an-Ninh để xướng trên tờ CHUÔNG NỨT thì Bùi-thế-Mỹ phụ họa xôm tụ vô ngay, nhưng né tránh kiểm duyệt một cách tài tình. Lời văn ôn hòa, mà nhiều nghĩa. Như vụ ứng cử HỘI-ĐỒNG QUẢN HẠT vào năm 1939, số Tranh-đấu Tạ-thu-Thâu thắng thăm một cách vẻ vang, chứng tỏ nhân dân đã giác ngộ nhiều sau bao phong trào ái-quốc Nguyễn-an-Ninh đến các cuộc mết tinh, biểu tình. Bùi-thế-Mỹ sợ sự trả thù của thực dân với cử tri, liền viết một bài xã luận nói về số TRANH-ĐẤU thắng LẬP-HIẾN (số của nhóm thượng lưu trí thức theo Pháp, Pháp ủng hộ) rất khéo léo như thế này:

« Bỏ thăm cho số TRANH ĐẤU không phải là cử tri muốn làm Cách-Mạng, hoặc nhìn nhận chương trình số này, nhưng sự thật họ chỉ muốn nhơn lấy cơ hội đó bày tỏ nỗi bất bình. Cử chỉ ấy là cử chỉ « CỰC ĐOAN » của những người bị thiếu « CỰC ĐIỂM»

Một câu văn gián tiếp chỉ trích chính sách cai trị của Pháp thời bấy giờ, sự bình vực cử tri, tránh sự trả thù của chính quyền rất ý nhị. Nhiều bạn thanh niên làng văn, còn sống thường nhắc nhở đến lối hành văn « yêu nước, yêu dân tộc » của Bùi-thế-Mỹ rất là tế nhị, kín đáo.

Rất tiếc sự nghiệp văn chương không để lại được bao nhiêu, ngoài quyển VAI TUỒNG GÕ ĐẦU TRẺ độ 100 trương. Dù lúc đó nhiều bạn bè khuyên nhủ Mỹ nên trước tác, trong số đó có nhà văn Vũ-ngọc-Phan tác giả « NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI » thường viết thơ nhắc nhở khuyên nên

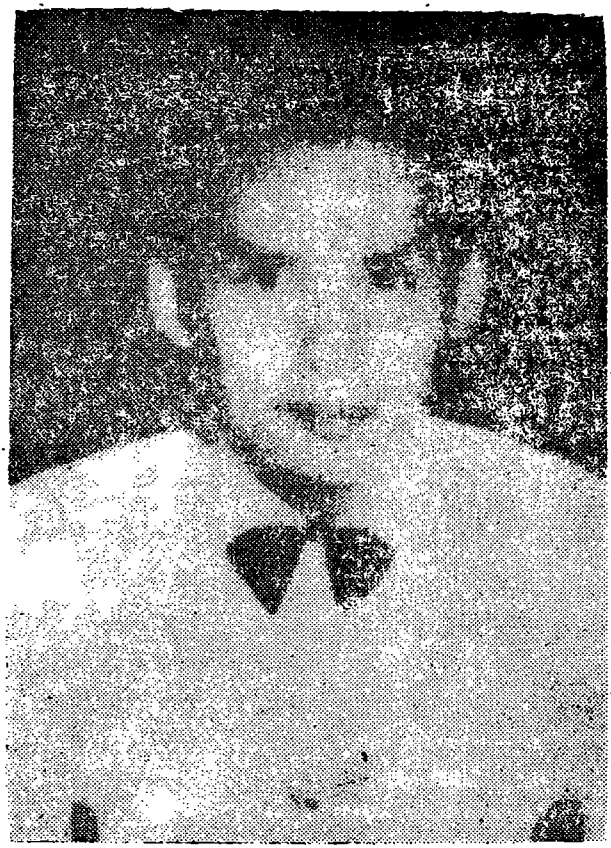

BÙI THẾ MỸ bút tự Lan-Đình
nhà báo cánh mạng
1908 — 1943 —

giành ngày giờ trước tác, như bức thơ lúc Phan viết ở Hà-Nội Tân-Văn ngày 10 Mars 1941, có mấy đoạn sau đây :

« Như anh, tôi thiết tưởng, không cần viết lên báo nhiều lắm làm gì. Theo ý tôi, nên để mất qua mọi việc trứ thuật thì hơn. Càng làm báo lâu tôi càng thấy nó bạc bẽo vô cùng. Nó chỉ là một sự lăng hái trong chốc lát, rồi lại tàn ngay, không phải cái việc thật có ích cho đời và cho mình...

Một lời khuyên đúng cho Bùi-thế Mỹ, như cho các bạn làng báo, có thực tài. Nhưng Bùi-thế-Mỹ cứ say mê nghiệp báo, dù có hoạch định sẵn chương trình trước tác, nhưng chẳng may chết sớm (27 Mars 1943) cùng một năm với nhà ái quốc Nguyễn-an Ninh, người tháng 3, kẻ tháng 7.

Cụ Huỳnh-thúc-Kháng, bậc tiền bối cách mạng, đàn anh trong làng báo, đã khóc Bùi-thế-Mỹ hai câu đối như thế này:

«QUỐC VĂN BÁO GIỚI NHỊ THẬP TÀI VU KIM, ĐƯƠNG ĐẮC BẰNG TRỦ THÔI LÃO KIỆN»
«NGUYỆT ĐÁNG CHÂU BÌNH, NGŨ-HÀNH-SƠN DI TÍCH, KHẨN GIAO BÚT THIỆP KHUẤT NHƠN TÀI

trong tờ TIẾNG-DÂN do cụ biên tập.

☆

LA CLOCHE FÊLÉE: CÁI CHUÔNG NỨT ra đời, một tờ báo Pháp văn, do người Việt chủ trương tự viết, do một thanh niên thấm nhuần tư trưởng tự do, dân chủ như nhà

ái quốc Nguyễn-an-Ninh, tự nhiên dám ăn, dám nói, dám phản đối, cái gì cần phản đối, dám phê bình chỉ trích những cái bất công bốc lột của chính quyền thời đó. Cú pháp dùng chữ Pháp độc đáo hơn người Pháp. Những sự chỉ trích, châm biếm thật là nhứt óc thực dân trong mục phiếm luận « PROPOS-OISEAUX » của Nguyễn-an-Ninh, vừa triết lý, vừa khó chịu, vừa hài hước.

CLOCHE FÊLÉE, một cơ quan ngôn luận bằng tiếng Pháp cơ quan báo là tuyên truyền cho những tư tưởng Pháp để lớn dưới cái manchette CHUÔNG-NỨT (Organe de propagande des idées françaises) bán mỗi số 1 cắt bạc, là giá cao nhứt thời đó, các báo Việt chỉ có 1, 2 xu nhưng sự thật Nguyễn-an-Ninh tuyên truyền toàn những tư tưởng cách mạng, chống đối qua sự mở mang dân chúng với những bài dân chủ, dân quyền ở Pháp từ thế kỷ nào đến thế kỷ nào để người Việt lấy đó soi chung, noi gương ái quốc của tiền nhân của Pháp, mà vùng lên đòi hỏi, bình vực thẳng dân nô lệ cho Pháp. Những tư tưởng chính trị như xã hội, Ninh đã khảo cứu tinh tường nhứt là về tư tưởng dân quyền, dân chủ, lúc còn du học nay truyền bá lại tất cả cho dân chúng, từ trên mặt báo, qua các cuộc diễn thuyết, tới in thành sách.

Đúng là do Nguyễn-an Ninh giúp dân chúng nông thôn, thợ thuyền lao động vỡ lòng những bài học ái quốc, chống ngoại xâm, thống trị, qua tờ Chuông-Nứt cũng nhiều.

CHUÔNG-NÚT do Nguyễn-an-Ninh đề xướng, nhóm thanh niên bồng bột yêu nước hợp vô, như Dejean de la Batie một thanh niên Pháp Lai, dân Pháp chính cống, đứng tên chủ nhiệm. Theo thủ tục thời đó xuất bản báo Pháp, không cần phải xin phép như báo bằng Quốc-văn, chỉ chính người

Pháp đứng tên chủ trương là được (như tờ La Lutte sau này cũng tên người Pháp đứng là Ganofsky) cùng với sự cộng tác với nhiều anh em như Lâm-hiệp-Châu, Nguyễn-Pho v.v... Nhưng sự thật chỉ một mình Ninh bao sân tờ báo viết bài, sửa bài, mise en page, có khi sắp chữ luôn. Đã từ lâu Ninh đã quyết định làm báo, viết sách, nên nghề sắp chữ Ninh đã học từ hồi nào chẳng ai hay biết, khi cần ; sắp mau lẹ, ít lỗi như thợ nhà nghề. Vì Ninh Pháp-Văn giỏi, tới hàng Cử-nhân luật, tự nhiên sắp bài không có lỗi nhiều như người thợ không rành tiếng Pháp, chỉ dò theo bài viết mà sắp.

Khi báo làm xong, đem gởi đi bán, chẳng ai dám nhận, vì sợ thằng Tây nó bỏ, tới mấy đứa trẻ ôm báo bán cũng chẳng dám nhận, dù có nhiều cảm tình, kính nể Ninh. Thế là Ninh đành phải tự mình ôm báo đi bán là nguyên nhơn đó.

Tòa soạn CHUÔNG NỨT đặt tại số 29 đường Pierre Flandin giờ là Bà Huyện Thanh-Quan.

CHUÔNG NỨT từ số đầu cho tới mấy số liên tiếp được nhân dân hoan nghinh thật là hoan nghinh, báo bán như tôm tươi, mặc dù thực dân tìm mọi cách cấm đoán, trừng phạt những ai dám đọc CHUÔNG NỨT của Nguyễn-an-Ninh. Hễ là công chức thì bị sa thải hay xuống chức hoặc bị đổi đi những nơi rừng thiêng nước độc, hoặc là sinh viên bị đuổi ra khỏi trường,

Và chính trong thời gian này, nhiều học sinh, sinh viên ở hai trường lớn là Sư Phạm và Chasseoup Laubat bị đuổi cũng nhiều, vì trường bắt gặp đọc tờ CHUÔNG NỨT.

Dân chúng hoan nghinh tờ CHUÔNG NỨT, từ trí thức thượng lưu cũng như nông dân, lao động. Không biết đọc chữ

Pháp, mua về nhờ người biết chữ Pháp đọc cho nghe. Đâu đâu người ta thập thò, lo le tờ CHUÔNG NỨT trong túi ra, tìm người đọc, cắt nghĩa cho nghe, rồi cùng thì thầm bàn tán. Thật CHUÔNG NỨT mở một kỷ nguyên mới cho một tờ báo, chấn động cả một vùng to lớn miền Nam, từ thị thành đến thôn quê. Cái không khí bồng bột, ẹ dè, kín đáo của dân chúng từ đây biến mất. Họ dám nói chính trị, dám bàn chuyện đàn áp bắt công, bốc lột v.v... mà Ninh đã dám nói ra trắng trợn của nhà cầm quyền trên nhựt báo CHUÔNG NỨT. Chính nó là phản ảnh trung thực lý tưởng tiểu tư sản, bần cổ nông như trí thức phản uất một chế độ. Họ phẫn uất, căm hờn, đè nén tự dưới đáy lòng, nay có dịp có người nói đến, đả phá nó, thì họ như một nồi nước sôi được xả xú báp.. Vì đó, vì được công chúng hoan nghinh nhiều, đọc Chuông Nứt, nhiều, Ninh càng bị nhà cầm quyền bổ ráp, bủa vây tứ phía.

Hết hăm dọa những độc giả đọc Chuông Nứt, đến theo sát phá hoại bằng cách cho lính kín theo sát Ninh, hỏi bâng quơ chỉ trích tầm bậy những bài trên mặt báo Chuông Nứt. Nhờ đó Ninh có dịp mở một cuộc diễn thuyết với những khách hàng đứng chung quanh đó, và khẩu chiến ngay với bọn phá hoại Ninh.

CHUÔNG NỨT, CHUÔNG RÈ, CLOCHE FÊLÉE! Tại sao nhà ái quốc Nguyễn an Ninh không đặt cho cái tên nào khác, như Chuông Thần, Chuông Mai, Chuông Chiều chẳng hạn mà lại đặt cái tên CHUÔNG RÈ, CHUÔNG RÈ... Trong thời gian đó, người người tự hỏi và tự trả lời với nhau, kẻ bảo: Vì Ninh cảm thấy, quốc gia Việt Nam là một nhược tiểu, dân trí kém mỡ mang, bị người đô hộ, bao nhiêu cái bất công, thống khổ người dân phải gánh lấy, còn vui gì, hành-diện gì mà CHUÔNG THẦN, CHUÔNG MAI, CHUÔNG CHIỀU...

Một quốc gia đã bị người dày xéo cai trị, ví nó như cái chuông rạn nứt, hết tiếng kêu ngân, xa vọng, còn làm sao kêu gọi được như cái chuông lành... Ngắn cổ kêu, kêu chẳng tới đâu. Cái Chuông Nứt, rè rè như lòng đau khổ, nức nở của lòng người dân mất nước.

Còn nhà văn Hồ-hữu-Tường thì bảo (trong báo Hòa Đồng số 70) — Ninh muốn làm một văn sĩ nổi danh, một nhà tư tưởng lỗi lạc, một nhà đại văn hóa, mà danh tiếng lẫy lừng khắp thế giới, ví không khác tiếng của một đại hồng chung vang lên và ngân vọng khắp nơi nơi. Điều ấy, nhà cầm quyền thực dân Pháp phá không cho Ninh làm. Phá bằng cách chọc tức máu nóng của thanh niên, thì Ninh làm sao mà bình tĩnh tâm tư lo những điều cao siêu nổi ?... Điều kiện tranh đấu ép cho Ninh chọn hình thức chánh trị để mà tranh đấu..Ninh ý thức rằng hình thức tranh đấu chính trị là hình thức hạ đẳng. Tiếng của Ninh mất cái thanh tao, và nhã nhặn của nhà văn hóa. Tiếng của Ninh sẽ pha lẫn giọng hằn học căm thù, hăng tiết của người chiến sĩ. Tiếng của Ninh chỉ là tiếng rè của một cái chuông đã nứt. Để tả cái tâm trạng của mình. Ninh ngậm ngùi mà chấp nhận sự tranh đấu chánh trị với lũ thực dân. Nên chi Ninh chọn cái tên CÁI CHUÔNG RÈ (La cloche Fêlée) mà đặt cho tờ báo của mình.

Hai lý luận, cái nào xác thực, xin nhường lại cho các bạn. Ninh hướng dẫn dân chúng, thanh niên một cách đắc lực, thời đó Ninh là Thần Tượng của tất cả nhân dân miền Nam. Tên Nguyễn an Ninh, tờ báo CHUÔNG NỨT đi tới đâu cũng thấy, cũng nghe nhắc nhở, bàn tán đến.

CHUÔNG NỨT không có một đường hướng chánh trị nào, CHUÔNG NỨT chỉ là tiếng nói trung thực của một

thanh niên, đại diện nhiều thanh niên khác, các tầng lớp dân chúng, trí thức, tư sản sinh viên nói lên những cái bất công, đàn áp của nhà cầm quyền hiện tại mà thôi. Chớ không có hệ thống tổ chức chánh trị hay cách mạng vào đó. Nhưng ở đời có mấy ai chịu người ta chỉ trích cái gì mình đã làm, nhứt là đối với một nước mạnh, đi đô hộ một quốc gia, nhược tiểu, mà họ xem dân chúng Việt-Nam chúng ta vào thời đó như là một thứ nô lệ (esclaves). Vì vậy, mà trong một bài diễn văn của A.Sarraut, nguyên Toàn-quyền Đông-Dương, và hiện vào lúc đó là Tổng-Trưởng thuộc địa Pháp, có câu này : —Esclaves peu leur importerait de changer de maître..... mà Ninh tức, trả lời lại trong một bài báo như thế này :

—... Si demain, l'intérêt français exigeait que l' Indochine changeait d'occupant, les Annamites passeraient en d'autres mains.Faut-il qu'ils se lamentent ? A quoi bon et pourquoi ? Esclaves, peu leur importerait de changer de maître, a dit A Sarraut. Il est dans l'échelle sociale des degrés au dessous desquels il est impossible de descendre. S'ils n'ont pas quelque choses à gagner, ils n'auront rien à perdre..... (rút trong quyển sổ tay của Bùi-thế-Mỹ-)

Hoặc như những câu văn Pháp mạnh mẽ như thế này :
« À la force matérielle du vainqueur, le vaincu réduit à l' impuissance,peut opposer sa force morale.

La vraie force de l' homme vient de l'intérieur et non des apparats qui lui confèrent une puissance fragile.

L'homme qui est né libre, l'est même dans la servitude.

L'homme fort accepte certains états comme inévitables et garde une tête altière au milieu des humiliations les plus

grossières pour songer calmement à l'avenir et préparer un temps où les grossièretés et les insolences des plus mauvais parmi les hommes ne pourraient plus facilement triompher.

Il est dans l'histoire de tous les peuples qui veulent vivre des périodes difficiles où la force morale est la seule chance de salut.

Lời văn mạnh mẽ, ý văn dồi dào, thử hỏi bạn đọc không hâm mộ, hoan nghinh sao được. Thuở đó, có mấy ai dám đối chọi thẳng với nhà cầm quyền Pháp đối chọi từng cá nhơn không dám, cái này đối chọi, chỉ trích ngay trên mặt báo, là chỗ cả muôn nghìn người đều thấy hết, biết hết.

Không thể chịu đựng, tha thứ được những lời chỉ trích thẳng của Ninh dưới mọi hình thức, thực dân cho người phá hoại không xong, một mặt cho mời chủ nhà in báo Chuông-Nứt lên hăm dọa, cấm in, một mặt châu trì ngầm các nơi, điều tra những ai đọc báo CHUÔNG-NỨT để có biện pháp trừng trị.

Thế là báo chẳng có nhà in, Ninh mới chạy tiền mướn phố, số 29 đường P.Flandin, tổ chức nhà in, mua máy móc, chữ, dụng cụ, mướn thợ. Đâu đó xong xuôi, Ninh cho tục bản. Lần này, vì tức chính quyền Pháp phá đám, Ninh càng viết kịch liệt hơn. Một vì tức ghét thực dân phá hoại, hai vì cảm tình bạn đọc hâm mộ đường lối tờ báo mà bị khó dễ đủ điều, bắt bớ, cắt chức, đuổi học v.v,. Ba là thời cuộc dạo này, trong nước xảy ra nhiều chuyện xáo động. Nào vụ Phan-bội-Châu bị bọn phản đảng đem bán cho Pháp, bắt bên Tàu giải về Hà-Nội để xử. Sinh viên bải khóa phản đối. Nào vụ bạo động của nông dân ở Thái-Nguyên (Bắc-Bộ) Pháp cho máy bay liệng bom, giết chết cả làng. Tờ Chuông-Nứt như tờ Đông-

Pháp thời-báo có dịp lên tiếng bênh vực và yêu cầu thả nhà chí sĩ Phan-bội-Châu. Và muốn cho có một tiếng vang mạnh, Ninh mới cổ động một cuộc hội hợp quần chúng để trình nguyện vọng về những xáo động kể trên.

Trên mặt báo hô hào, kêu gọi, thêm truyền đơn rải khắp chợ, khắp đường. Ban tổ chức gồm có Nguyễn-an-Ninh, Cao-văn-Chánh (Tân-thế-Kỷ) Lê-hiệp-Châu, Dejean de la Batie và rất nhiều thanh niên yêu nước khác hưởng ứng tiếp tay. Cuộc hội hợp định mở ra tại đường Lanzarotte (vườn Xoài Bà Lớn, giờ là đường Đoàn-công-Bữu bây giờ). Nhờ đó, mà từ cái án tử hình khiếm diện, Phan bội Châu được Pháp đưa về an trí ở Bến Ngự. Sau đến vụ Trương cao Động bị đuổi về nguyên quán. Chuông Nứt cũng cực lực phản đối, người Việt trong một nước, mà phân chia kỳ này, kỳ kia, rồi cấm đoán không cho dân kỳ này vào trú ngụ kỳ khác. Trương cao Động là thành phần yêu nước, không ở vào đảng phái nào cả ?

Trương cao Động từ Trung vào Nam, trong các nơi nào có hơi hám yêu nước, cách mạng là thấy bóng Động tới. Lên diễn đàn ăn nói la hét cũng mạnh dạn, ngon lành, hoạt bát, nhưng có khi người ta bắt gặp Động thường lui tới ở Công An. nên các bạn nghi Động là « agent double», nhưng sự thật không biết có đúng không. Câu chuyện giai thoại trở về nguyên quán của Động, nghe các nhà văn cách mạng thời đó kể như thế này, nghe cũng vui vui, về sự tương kế, tựu kế của Động là :

Nhận tiền của Pháp, sang Tàu, đò la tung tích các nhà cách mạng lưu vong, để cho họ hay bắt đem về xử tội. Chẳng ngờ Động tương kế, tựu kế, lấy độc giải độc chơi, có tiền ăn xài. lại được đi du lịch bên Tàu, tiền của Pháp đưa, đem

giúp hết chỗ các nhà cách mạng cần dùng, rồi tự trói mình hộ hoán lên, bị các nhà cách mạng bắt trước, hay trước, bể ổ v·v· và đánh đập lấy hết tiền cả giấy tờ... Vì sự kiện oái ăm ấy, khi Động về tới bến tàu là bị Pháp bắt giam ngay, rồi giải về nguyên quán Quảng-Nam, cấm không cho để chân lại trên mảnh đất Nam-Kỳ quốc của Pháp. Nhưng các báo hô hào, phản kháng nhứt là với tờ Chuông Nứt thêm cái án lịnh trục xuất không hợp pháp, do trạng sư Monin đưa ra là Động sinh quán tại Hội-An (Faifo), dù cũng ở trong tỉnh Quảng-Nam nhưng nó là thuộc địa Pháp, chớ không phải dưới quyền Bảo.Hộ, nên lịnh trục xuất, không được áp dụng cho người sinh tại thuộc địa Pháp. Thế là Động lót tót khăn gói trở vào Nam, với bánh xà bông thơm trong túi quần. Đó là cái tật lớn của Động, đi đâu cũng kè kè gói kỷ bánh xà bông thơm; trong túi quần tây, để khi cần dùng. Giai thoại bánh xà bông thơm này của Động cũng có nhiều chuyện rất vui, nhưng không thể kể hết. Thuở đó ai biết Động, đều cười khi nói đến câu chuyện đó.

Khai mạc buổi hội họp quần chúng, ban tổ chức định vào ngày chúa nhựt, thì thứ bảy Ninh bị Pháp bắt cho vào khám (sẽ nói rõ chi tiết trong mục *«những lần vào tù ra khám của Ninh»* ở đoạn sau.)

Ở khám được một thời gian, được thả ra, Ninh xin sang Pháp, với một mục đích, tìm người sát cánh, củng cố lại lực lượng, uy tín đã vơi đi nhiều bởi hai bức thơ, do Ninh gởi cho Pháp vì một lý do, mưu mô thủ đoạn của Pháp sắp đặt Ninh vào cạm bẫy của thực dân. Có lẽ Ninh tự nhận mình trên chiến trường tranh đấu, còn non kém ít nhiều, mới dễ dàng mắc mưu, dù lòng hăng say đóng góp với dân tộc, nhưng với số tuổi đời còn quá trẻ, dù học giỏi, nhưng kinh nghiệm

ít.. Rồi đây trên con đường tranh đấu dài thăm thẳm, lắm chướng ngại chông gai, Ninh cần có một bạn đường lão thành uy tín sát cánh với mình, cùng phụng sự chung một lý tưởng. Lúc này Ninh chưa đầy 30 mươi tuổi đầu.
Ninh mới có 25, 26 tuổi gì đó, nên nhớ Ninh sanh năm 1899. Năm chủ trương tờ Cloche Fêlée là 1925 và 1926.

Ninh tự biết mình lắm. Sách xưa há chẳng dạy người đời rằng biết mình, biết người, trăm trận, trăm thắng...

Ninh thông minh, sáng suốt nhận xét tinh tường. Nên mọi việc đều chuẩn bị chu đáo, hoạch định một cách có khoa học, là lần đầu về nước, đã phủ dụ được hai nhà cách mạng lão thành, cụ Phan chu Trinh và Phan văn Trường. Ninh sẽ nương vào hai trụ cột tiền bối mà cùng mở mang dân trí đòi chủ quyền dân chủ, tự do, độc lập. Đọc bài diễn văn CAO VỌNG TNANH NIÊN ở trước, chứng tỏ cho ta thấy rõ cái hoạch định của Ninh. Trước nhứt là mở mang dân trí theo như ở Ấn Độ, Tagore đã làm. Ninh dư biết dân khôn, nước mới mạnh, biết đoàn kết quyền lợi của mình đi mà tranh đấu đòi hỏi cái gì quyền dân, quyền sinh sống tự do.

Chương trình hoạch định của Ninh là tại Hội Khuyến Học Nam Kỳ, Ninh tổ chức cho Phan chu Trinh diễn thuyết về Luân Lý ĐÔNG TÂY, đến Phan-văn-Trường nói về «Một chuyện người Việt âm mưu ở Ba Lê hay là sự thật về Đông Dương (une histoire de conspirateur annamite à Paris ou La Vérité sur l'Indochine). Tới Ninh nói về CAO VỌNG THANH NIÊN, NỀN QUỐC HỌC, cũng tại Hội Khuyến Học Nam Kỳ. Rồi các bài diễn văn ấy, đều in lại thành sách đem phổ biến vào quần chúng, cũng in tại nhà in Xưa Nay, số 62-64 đường Bonnard, nay là nhà sách KHAI TRÍ, đường

Lê Lợi, vào năm 1926. Và chính Ninh lãnh đi bán nào LUẬN LÝ ĐÔNG TÂY nào CONSPIRATEURS ANNAMITES... CAO VỌNG THANH NIÊN, PHÁP LUẬT LƯỢC LUẬN của Phan-văn-Trường có câu chữ Hán trước bìa: DÂN VI QUÍ, XÁ TẮC THỨ CHI, QUÂN VI KHINH. Chính câu này có đăng dưới cái tên báo CHUÔNG NỨT của Ninh.

Phan-văn-Trường, Nguyễn-ăn-Ninh họp nhau cùng viết nhiều bài chỉ trích chính phủ Pháp, mà phần nhiều Ninh để cho Trường ký tên.

Sa-đéc
Monday, March 20, 2017

Để Trường ký tên cho tiện lợi mọi việc. Vì Trường vốn dân Pháp gốc Việt, nên có viết bài chỉ trích mạnh, Pháp không dám thẳng tay trừng trị như Ninh. Có một độ, bộ ba Trường Ninh, Dejean de la BATIE, đồng ký tên viết một bài tuyên bố trên mặt báo CHUÔNG NỨT cho độc giả hay rằng bắt đầu từ hôm nay (26-11-1925) Phan-Văn-Trường sẽ thay Dejean làm giám đốc tờ Chuông-Nứt, câu Organe de propagande des idées françaises bỏ đi, thay vào câu khác như thế này: Organe de propagande démocratique (cơ quan tuyên truyền dân chủ), và nhà in từ đường P. Flandin cũng dời luôn về tòa soạn mới ở đường Espagne (số 273) giờ là Lê-thánh-Tôn. Trước kia ra mỗi tuần một lần, giờ có sự hợp tác Phan-Văn Trường, ra mỗi tuần hai lần, vào ngày thứ hai và thứ năm. Tòa soạn, manchette, người viết đều đổi mới, tới bài vở càng mới càng mạnh hơn mọi khi, vì có ông Tây gốc Việt lèo lái tiếp với Ninh. Tình hình miền Nam, độ rày nhiều xao động lớn. Toàn quyền Varenne đã đến thay Toàn-Quyền Merlin bị nhà cách mạng Phạm-Hồng-Thái ám sát bằng lựu đạn chết khi sang Tàu công du, Thái bị cảnh sát bắn chết ngay trong lúc đó

Được mấy nhà cách mạng Tàu đem chôn vào Hoàng-hoa-Cương, một nghĩa địa chôn toàn những liệt sĩ cách mạng. Bởi đó mới có vị tân toàn quyền là Varenne đến thay. Ra mắt với dân chúng Việt-Nam. Varenne đọc một bài diễn văn dài, nói lên đường lối của chính phủ Pháp, bị Trường và Ninh viết một loạt bài thật dài, phân tách, chỉ trích từng điểm một những cái sai lầm của chính phủ Pháp, bài đăng trọn một trang nhứt, tiếp tục năm sáu ngày như thế, đù Ninh hợp viết chung với Trường, nhưng để một mình Trường ký tên. Đức tính nhân nhượng của Ninh thật cao đẹp mà cũng tự biết mình, tuổi cách mạng còn ít, sợ giảm thế lực, uy tín với tổ chức của mình đã hoạch định.

Loạt bài này gây một tiếng vang trong quần chúng tại Việt Nam, cũng như bên Pháp Quốc. Nó là tiếng nói trung thực của nhân dân nói chung, nhóm CHUÔNG NỨT nói riêng. Thêm nhiều chuyện sôi động bên Tàu, và bên Nhựt, nên vào thời kỳ đó có những người Pháp yêu cầu cho chuộc lại Đông Dương với một giá cao, hoặc có nhóm đề nghị bán cho một đại cường quốc nào. Vì đó, mà A. Sarraut mới có đọc bài diễn văn có cái câu : Esclaves peu leur importerait de changer de maitre...Rốt cuộc họ vẫn để Đông Dương làm thuộc địa.

Những loạt bài bàn về chủ quyền người Việt, trện mặt báo CHUÔNG NỨT lúc đó, thật làm cho lòng dân chồi dậy không ngừng. Pháp điên đầu, bức tóc, mới kẻ đòi bán, kẻ cho là nô lệ. Dù với ai cũng nô lệ v.v. và v,v. Báo Pháp do những tên Tây Lai thực dân hạng nặng, nhoi lên chống đối chỉ trích lại nhóm Chuông Nứt, họ quơ đủa cả năm, không từ bỏ một nhà trí thức, thượng lưu nào. Họ chưởi Bùi quang

Chiêu, hô hào, cổ động người Pháp đoàn kết lại, để chống bọn Annamites và đả đảo cuộc tiếp rước Bùi quang Chiêu từ Pháp về nước.

Bùi quang Chiêu, một kỹ sư canh nông một nhân vật trong đảng Lập Hiến, gồm nhiều trí thức, thượng lưu thân Pháp, nhưng cũng lại rất đòi hỏi chủ quyền hiến pháp trong tờ Tribune Indochinoise, trong dịp Toàn quyền Varenne đến Đông Dương thay cho Merlin bị ám sát ở Tàu.

Bùi quang Chiêu đặt vấn đề với Chánh Phủ Pháp, đòi cho dân chúng Miền Nam một hiến pháp, chớ từ xưa tới giờ, chẳng có một quy chế chánh trị nào rõ rệt cả. Để dân biết mà hành động cho đúng theo Hiến Pháp. Cái tên đảng Lập Hiến bắt đầu có từ ngày này. Varenne bảo không đủ thẩm quyền, chỉ có Quốc Hội Pháp định đoạt. Bởi đó Bùi quang Chiêu mới sang Pháp vận động đòi Hiến Pháp. Phẫn tức giận loạt bài đả kích trên mặt báo «Chuông Nứt» phần Phan-văn-Trường và Nguyễn-An-Ninh hợp nhau viết đòi hỏi chủ quyền, công kích chế độ độc tài của Pháp, áp chế bất công, rồi thù luôn tới Bùi-Quang-Chiêu, mới hô hào đả đảo, kêu gọi thanh niên Pháp đón lúc Chiêu về làm xấu tại bến Tàu Nhà Rồng cho bỏ ghét.

Thái độ thất học, thù vặt, ỷ mạnh, hiếp người của các báo Pháp làm quần chúng sôi động. Nhơn đó, Nguyễn-An-Ninh mới cầm đầu hô hào trên mặt tờ CHUÔNG-NỨT, trong truyền đơn kêu gọi cuộc hội hợp của quần chúng để có thái độ với người Pháp, trong vụ này. Cuộc hội hợp tại con đường Lanzarotte, gọi là vườn xoài bà Đốc-Phủ-Tài để phản đối hành động phán nhân quyền của đế quốc Pháp.

Cuộc hội hợp thành công, nhưng vì cuộc hội hợp này Ninh vào tù hết 18 tháng.

Lực lượng CHUÔNG NỨT, mất người chỉ huy, Nguyễn-an-Ninh, như rắn mất đầu, chỉ còn lại một Phan-Văn-Trường, lội ngược, lội xuôi, Dejean de la Batie cũng bị bắt sau đó vài ngày với Lâm-hiệp-Châu...

Một đoàn thể thanh niên âm thầm tổ chức trong bóng tối theo gót, hưởng ứng phong trào ái quốc Nguyễn- an-Ninh. Đó là đảng JEUNE ANNAM, bắt chước theo tổ chức của Gandhi, gồm có Tạ-Thu-Thâu. Trịnh-hưng-Ngẫu, Nguyễn-văn-Số, Bùi-công-Trừng, Hà-huy-Giáp, Nguyễn-khánh-Toàn, Trần ngọc-Danh v.. v.. nắm Ban tổ chức đảng. Phụ vào Ban tiếp rước, gồm 12 nhà thượng lưu trí thức lúc bấy giờ. Một tiệc trà danh dự do nhóm trí thức tổ chức, để nghinh đón người mang chuông đi đòi Hiến Pháp cho thuộc địa Nam-Kỳ: Bùi quang-Chiêu. Sự thật mà nói, cái gì của nhóm Lập-Hiến làm từ trên mặt báo đến những hành động sang Pháp của Bùi quang-Chiêu, dân chúng không một ai để ý đến, quan tâm đến làm gì cái nhóm quá thượng lưu, trí thức, thiên Pháp ấy. Nhưng hôm nay đảng Jeune Annam ra đời, mục đích bảo là tiếp đón Bùi-quang-Chiêu, nhưng ẩn ý một là: nhờ con cờ Bùi-quang-Chiêu để đòi thả Ninh ra, hai là muốn biểu dương lực lượng lòng yêu nước của toàn dân, ba là làm cho Chiêu khoái chí, để Chiêu tiếp với anh em xin phóng thích Ninh ra khỏi khám.

Tờ *Đông-Pháp Thời* báo và *Chuông Nứt*, viết bài cổ động kịch liệt. Trước khi tàu tới, độ hai ngày, còn mãnh liệt hơn nữa, nào báo chí hô hào, nào truyền đơn kêu gọi rải khắp

thành phố Saigon. Một cảnh trí ngoài sự tưởng tượng của người ta, dân chúng nườm nượp kéo đến bến tàu Nhà Rồng như nước lũ đổ, đường nào, đường nấy chật ních người ta, chật từ con đường trước Thương-Chánh, tới quai de Belgique, qua cầu, thẳng tuốt tới bến tàu. Tàu tới càng trễ, định sáu giờ chiều cặp bến, mà gần chín giờ mới tới, dân chúng càng lũ lượt đến càng đông. Ngẫu nhiên, vì vụ Ninh bị bắt mà Chiêu được nhân-dân tiếp đón một cách long trọng. Cả nghìn thanh-niên, đi hộ tống hai hàng, tay đeo băng vàng, huy hiệu của đảng Jeune Annam, vừa đi bộ chầm chậm, theo sau Chiêu, vừa hô to khẩu hiệu : *Phải thả Nguyễn-an-Ninh... Phải thả Nguyễn-an-Ninh.* Nhóm người Pháp cho người vô phá hoại, một tên Tây con côn đồ lẻn vào gần Bùi-quang-Chiêu, đá đít Chiêu một đá.. Thế là dân chúng như nước vỡ bờ túa chạy theo đánh đấm mấy chú Tây, nếu không có Cảnh sát can thiệp kịp, thì cũng có án mạng, người chết.

Bùi-quang-Chiêu về, trong tiệc trà, người ta yêu cầu can thiệp xin thả Nguyễn-an-Ninh, mỗi ngày nhóm thanh-niên đến báo quán Tribune-Indochinoise nhờ Chiêu giúp cho vụ Ninh, Chiêu hứa hẹn lôi thôi, cố tình thối thoát.. Thấy rõ tâm địa ích kỷ của đồng bào trí thức, thượng lưu, dân chúng còn có nước chửi bỏ.. Không can thiệp, lại không được một lời nào bình vực trên mặt báo của họ, «đảng Lập-Hiến».....Ôi, tình ruột thịt, nghĩa đồng bào !

Thế là Ninh phải ở tù. Linh hồn tờ báo đã mất, cánh tay mặt vào tù. Một mình Phan văn Trường không thể tiếp tục xuất bản tờ Chuông Nứt, nên báo tạm đình bản vô hạn định. Phong trào ái quốc Nguyễn an Ninh vừa lóe ra đời,

khơi mào ái quốc, đã bị vụt tắc một cách thảm thương ! Không người đủ tư cách, uy tín, đủ cảm tình như Ninh ra nắm lấy tiếp tục con đường Ninh đã vẽ sẵn với bao công phu khó nhọc, hy sinh. Đó, cũng vì thiếu một sự tổ chức, một con én không làm sao nên một mùa xuân. Nhứt là mùa xuân ấy là mùa Xuân của một bầu trời vĩ đại, với hai mươi mấy triệu dân số da vàng.

Nguyễn an Ninh, con người ái quốc cao độ, một siêu nhân có một không hai ở thế hệ này, vì lòng bồng bột với tiền đồ, vận mạng tổ quốc bị người đô hộ, nhứt mã, nhứt nhơn, với cây bút thép, đánh lên tiếng chuông rè kêu gọi hồn tổ quốc nhân dân đoàn kết chống ngoại xâm nhưng vì thiếu hệ thống tổ chức, không gây được hậu thuẫn vững chắc nào, vì nhóm thanh niên hưởng ứng theo Ninh cũng bồng bộc, cương quyết như Ninh, nhưng thiếu kinh nghiệm, chính trị tổ chức, không xây dựng trong một lý tưởng cơ sở nào, nên khi người đầu não bị mất, là cả nhóm tan rã dễ dàng. Nhưng dù chi, với tờ CHUỘNG RÈ, với phong trào ái quốc Nguyễn an Ninh, người đời phải công nhận là một phong trào vĩ đại một con đường vạch sẵn cho đảng Cộng Sản sau này lao vô một cách dễ dàng.

NHỮNG LẦN VÀO TÙ RA KHÁM TUYỆT THỰC CỦA NHÀ CÁCH MẠNG NGUYỄN-AN-NINH : 5 LẦN TẤT CẢ

LẦN THỨ NHỨT : 1926, bị kêu 18 tháng tù ở, về tội tổ chức MẾT-TINH, viết bài trên tờ CHUÔNG-NỨT, viết truyền đơn

có tánh cách xúi giục dân chúng phá rối trật tự an ninh. MẾT-TINH tổ chức tại đường Lanzarotte, tức là XÓM LÁCH VƯỜN XOÀI của bà Đốc-Phủ Tà., đi ruột của Ninh.

LẦN THỨ NHÌ : 1928-1930, ba năm tù ở, vì HỘI KÍN NGUYỄN-AN-NINH đánh lính-tên Cai Nên-với Phan-văn-Hùm ở Bến-Lức.

LẦN THỨ BA : 1936, về tội viết báo, phá rối trị an, trật tự của Pháp, cùng tuyệt thực với Thâu, Tạo. Nhờ sự tuyệt thực được thả ra, sau gần hai tháng cầm tù.

LẦN THỨ TƯ : 1937-1939, bị kêu 5 năm tù ở, 5 năm biệt xứ, về tội tổ chức biểu tình tại quận Cần-long. Được ân xá vào tháng giêng 1939.

LẦN THỨ NĂM 1939-1943, đang ở trả 5 năm biệt xứ, tại Mỹ-tho. Đệ-nhị thế-chiến bùng nổ giữa Nga và Pháp với các đồng minh bị bắt đày đi Côn-Nôn cùng với nhiều nhà chính trị đủ mọi xu hướng cho tới chết.

Vào mùa thu (mùa Vu-Lan, tháng bảy) 1943, sau nhiều ngày bịnh hoạn.

LẦN THỨ NHỨT VÀO TÙ, THÁNG 3 NĂM 1926 BỊ KÊU 18 THÁNG TÙ Ở

Tờ La Cloche Fêlée, được trí thức, sinh viên cũng như nông dân, thợ thuyền hoan nghinh, hâm mộ, dù chính quyền Pháp tìm đủ mọi cách ngăn chận, đuổi học đối với sinh viên, học sinh, ngưng chức, đổi đi lên những vùng ma thiêng, nước độc, đối với công chức, điều tra khó dễ với thợ thuyền nông dân. Nhưng quần chúng không nao núng, một mực tìm đọc Chuông-Nứt, ủng hộ Chuông-Nứt triệt để, vì quần chúng đã say mê lối văn ngạo nghễ, chỉ trích, chống đối đúng của Ninh. Với những loạt bài phản đối nhà cầm quyền về vụ máy bay tàn sát, bỏ bom giết cả làng trong vùng Thái-Nguyên về vụ bạo động của nông dân tại đây.

Hết vụ liệng bom đến vụ cụ Phan-bội-Châu bị bắt ở Quảng-Châu đưa về Hà-Nội xử lại. Vì đã bị kêu án khiếm diện tử hình. Tờ Chuông-Nứt công kích, binh vực nhà đại chí sĩ hơn ai hết, càng công kích mạnh, báo càng được nhiều người cảm mến, tìm đọc. Tất cả học sinh, ở Trung, Bắc Nam đều tập thể bải khóa, để yêu cầu thả Phan-bội-Châu. Nhà Văn cách mạng Phan-văn-Hùm vì ủng hộ phong trào bải khóa này mà bị Pháp cách chức TRƯỜNG TIỂN, và sau đó là một bạn đường đồng tâm, đồng chí, đồng tù với Ninh, trên con đường mở mang dân trí, giải phóng tư tưởng nô lệ dân tộc.

Công kích, phản kháng trên mặt báo CHUÔNG NỨT chưa đủ, Ninh còn cổ động, kêu gào mở một cuộc hội hợp quần chúng.

Ban tổ chức cuộc hội hợp này có Nguyễn-an-Ninh, đứng

đầu nào tổ chức Dejean de la Batie, Cao-văn-Chánh (Tân-thế-*Kỷ* Lâm-hiệp.Châu (Đông-Pháp thời báo) Phan-văn-Trường và rất đông thanh niên hưởng ứng vào. Cuộc hội họp định mở tại một vườn xoài của một bà Phủ, kêu Phủ Tài ở xóm Lách, đường Lanzarotte, giờ là Đoàn-công-Bửu.

Cổ động trên mặt báo Chuông Nứt đã ráo riết rồi thêm rải truyền đơn khắp các nẻo đường lớn nhỏ. Làm cho tình hình dân chúng xôn xao, đâu đâu cũng xầm xì bàn tán, cổ động, rỉ tai nhau đi dự cuộc họp định vào sáng chúa nhựt ngày 21-3-1926.

Nhưng đúng một cái, thứ bảy 20-3-1926, Nguyễn-an Ninh đã bị Pháp bắt giam vào khám về tội viết truyền đơn chống đối chính quyền, xúi dân làm loạn.

Vì bị bắt trước ngày hội họp, nên buổi họp, tại Vườn Xoài không có mặt Nguyễn-an-Ninh, đúng như lời của nhà văn cách mạng Việt-Tha Lê-văn-Thử đã viết trong quyển HỘI KÍN Nguyễn-an-Ninh, trang 27, như thế này:

Dejean mở cuộc hội họp dưới quyền chủ tọa của ông Đốc Phủ Bảy cho tin sốt dẻo Nguyễn-an-Ninh bị bắt hồi chiều hôm qua rồi...

Thế mà nhiều nhà báo, khi thuật lại đời nhà ái quốc Nguyễn an Ninh, lại bảo hôm ấy Ninh có mặt tại buổi hội họp đường Lanzarotte Vườn Xoài Bà Lớn, Ninh lùn thấp, phải bắt ghế đầu đứng lên nói cho dân chúng nghe và mới thấy Ninh được,,.

Một điểm nhỏ sai lầm, sau này cho những ai muốn viết lại đời cách mạng của chí sĩ Nguyễn an Ninh. Dù một điểm nhỏ, nhưng cũng rất tai hại về sau cho cuộc đời cách mạng của Nguyễn an Ninh.

Dù Ninh bị bắt, người cầm đầu bị mất tự do, ngồi trong khám chờ thực dân khép tội, các anh em còn lại ở ngoài vẫn hăng say tiếp tục chương trình hoạch định của Ninh.

Nghĩa là, cuộc hội họp, dân chúng vẫn có, nhiều người thay nhau lên diễn đàn chỉ trích, phản đối chính sách thực dân như Cao văn Chánh, Lâm hiệp Châu. Họ lớn tiếng tố cáo hành động của Pháp, sự xỏ lá trả thù bắt Ninh, v·v...

Ngày hôm đó, thật là cả một rừng người lũ lượt từ bốn phía đường tiền tới nghe nhà ái quốc Nguyễn an Ninh diễn thuyết, nhưng họ thất vọng khi nghe Ninh bị bắt chiều thứ bảy.

Cuộc hội họp bế mạc không xảy ra chuyện gì, dù mật thám chìm, nổi rình rập các ngõ đường, biên tên, nhìn mặt các người dân đến dự cuộc mết tinh này.

Qua ngày sau Lâm hiệp Châu và Dejean de la Batie bị bắt luôn. Tờ Chuông -Nứt phải đình bản sau vụ này, vừa xuất bản mới có 26 số.

Trong một thời gian rất ngắn, chỉ có SÁU tháng trời, mà Ninh đã gây được một phong trào quần chúng mạnh như làn điện xẹt, một kỹ lục trong lịch sử cách mạng. Rất

tiếc gây sôi nổi, gieo lòng người dân biết yêu nước, biết chủ quyền dân chủ, thì liền chụp tắt theo ngay khi Ninh bị vào tù. Chẳng có ai tiếp tục lãnh đạo được như Ninh.

Dù thời đó, cũng có rất nhiều thanh niên bồng bột, hăng say như Ninh nào Tạ-thu-Thâu, còn là người yêu nước quốc gia thuần túy, chưa nhiễm mùi đệ quốc cộng sản nào Trịnh-hưng-Ngẫu v.v... nhưng vì hệ thống tổ chức không sâu đậm, chỉ là một nhóm thanh niên bồng bột hăng say yêu nước, đả thực, trừ phong, không có lập trường, đường lối tranh đấu rõ rệt, không một lý tưởng duy nhất. Lòng yêu nước, làm họ hăng say đả phá, chỉ trích, đòi hỏi công bằng, họ không thèm nghĩ đến hậu quả tai hại của một nước mạnh đi cai trị một nước nhỏ bé là thế nào? Người ta đủ quyền hành vo tròn, bóp méo, tù đày tra tấn những kẻ nào dám chống đối lại họ...

Trường hợp nhà cách mạng Nguyễn-an-Ninh, khi hùm thiêng đã sa cơ vào rọ khám lớn thực dân... Nêu cao ngọn cờ xung phong mở mang dân trí, gieo lòng ái quốc vào lòng dân, tức nhiên phải bị sự ác cảm, trả thù của thực dân.

Vào tù, bốn vách tường cao nghệu bao quanh, mất hết liên lạc ngoài đời, Ninh khác nào con hổ nằm trong bẫy sắt. Đang sống một cuộc sống tự do, tư tưởng phóng khoáng hơn người, trong tay sẵn tờ Chuông-Nứt, mặc sức tung hoành đả phá, giờ này bó gối nằm tù. Kẻ nào ở trong hoàn cảnh này, làm sao chịu đựng nổi.

Thêm cái nhân tình chó má, các nhà thượng lưu trí thức, chủ nhân những tờ báo nào «*La voix libre*,» nào «*Tribune indochinoise*» v.v... không một lời binh vực, phản kháng nào cho người đồng nghiệp trẻ tuổi hăng say yêu nước kia với nhà đương cuộc hiện hành. Còn nhóm anh em đồng chí, mất Ninh như rắn mất đầu, họ tứ tán, phân chia ra hết. Thêm nhiều tin buồn đưa tới, Phan-chu-Trinh từ trần sau một cơn bạo bịnh, chính vào những lúc Ninh bị cầm tù. Người bạn đàn anh thân kính của Ninh, chính Ninh nuôi dưỡng trong nhà, khi bịnh nhiều Ninh đưa lên cho ông chú Ninh là Nguyễn-an-Cư ở Hốc-Môn săn sóc thuốc men cho cụ Phan. Đến khi cụ mất mới đem về làm lễ quốc táng,

Lễ quốc táng nhà chí sĩ Phan-chu-Trinh được tổ chức chu đáo vĩ đại. Quàng xác gần một tuần, tại Bá-huê Lầu của Huỳnh-đình-Điển, đường Pellerin, giờ là Pasteur, tại đây người chen chúc vô dâng hương nhà chí sĩ không biết bao nhiêu mà đếm. Nườm nượp ra vô, cả ngày lẫn đêm. Ngày đưa đám thiên hạ trùng trùng, điệp-điệp từ bốn phương xa gần tụ hợp tới. Sắp hàng từ đầu cầu Mống, cái đầu ở tận trên đường Thống Nhất. Câu đối, tràng hoa tiễn đưa vô số kể.

Một đám táng vĩ đại về ma chay, vĩ đại về tình đoàn kết dân tộc, tình ái quốc toàn dân. Một đám táng thấy rõ trình độ giác ngộ của nhân dân. Ai cũng bảo, do Nguyễn-an-Ninh đem sự giác ngộ, đoàn kết, ái quốc vào lòng dân qua sự mời cụ Phan-chu-Trinh về nước để có dịp mà đo lường. Tiết thay! Cái dịp đo lường lòng ái quốc có kết quả, nhưng Ninh chẳng được thấy tận mắt, mà bị nhốt chặt vào bốn bức tường vôi cao ngất của khám lớn.

Đúng như lời người ta phê bình trong lúc đó, sự đoàn kết, lòng ái quốc dám thi thố ra trong đám táng cụ Phan, chính do Ninh khởi xướng, khai mào từ ngày Ninh đề chân về đến quê hương do mấy bài diễn thuyết, do loạt bài trên tờ Chuông-Nứt, do cuộc hội hợp ở đường Lanzarotte.

Từ các nơi miền Trung, từ các tỉnh miền Nam, đủ các giới, phái đoàn đến phúng điếu, tế lễ, ngày này sang ngày khác. Ai ai cũng đeo băng tang khi đưa đám, để tỏ lòng biết ơn nhà cách mạng tiền bối. Một đám táng vĩ đại, chưa từng có vào thời bấy giờ.

Sa-đéc
Monday, March 20, 2017

Sau đám táng thì quần chúng bắt đầu chống đối sự cầm tù Nguyễn-an-Ninh. Học sinh trường Bổn-Quốc, nữ sinh trường Nữ-học-Đường, thuở đó kêu là trường áo tím, giờ là Gia Long, đến Truug-Học Cần-thơ đều bãi khóa. Những tư chức ở Đông-Dương ngân hàng bãi công chống đối vụ bắt Ninh. Các bạn bè, du học sinh ở hãi ngoại cũng đánh điện về phản. kháng, hội hợp, diễn thuyết phản đối.

Nhóm thanh niên đồng chí môn đệ thờ thần tượng N guyễn an Ninh, thành lập đảng Jeune Annam, lấy cớ tiếp đón Bùi -quang- Chiêu, nhưng sự thật là thừa dịp đòi thả Nguyễn-an-Ninh, trong khi tiếp rước Bùi-quang - Chiêu để sau biết đâu vị lãnh tụ Lập Hiến ấy có cảm tình cuộc tiếp đón nồng hậu mà lo binh vực cho Ninh.. Nào ngờ, ở đời có mấy aihọc được chữ ngờ, Bùi -quang- Chiêu làm ngơ, không binh vực lấy được một lời...